

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ BIỂN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2020

MỤC LỤC

1. Triết học Mác - Lênin.....	1
2. Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	11
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	17
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh.....	25
5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	37
6. Pháp luật đại cương	43
7. Kỹ năng mềm.....	50
8. Tiếng Anh 1	56
9. Tiếng Anh 2.....	66
10. Tiếng Anh 3.....	73
11. Toán cao cấp 1.....	79
12. Toán cao cấp 2.....	83
13. Tin học đại cương.....	87
14. Hóa học đại cương.....	95
15. Xác suất thống kê	101
16. Cơ sở địa lý biển và đại dương.....	105
17. Cơ sở khoa học môi trường	109
18. Phương pháp tính	115
19. Cơ sở khoa học quản lý	120
20. Kinh tế biển và hàng hải.....	125
21. Hải dương học đại cương	131
22. Hóa học biển.....	137
23. Cơ sở tài nguyên và môi trường biển	142
24. Cơ sở địa chất biển	149
25. Khí tượng thủy văn biển đại cương.....	153
26. Năng lượng tái tạo biển	158
27. Khí hậu Việt Nam và biến đổi khí hậu.....	163
28. Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	167
29. Cơ sở kỹ thuật bờ biển	174
30. Cơ sở trắc địa và bản đồ biển	179
31. Sinh thái và bảo tồn biển	184
32. Quản lý tài nguyên và môi trường biển.....	189
33. Thủy văn đảo	195
34. Quản lý nhà nước về biển.....	199
35. Quan trắc tổng hợp môi trường biển	206
36. Quản lý tổng hợp vùng bờ biển.....	211
37. Quy hoạch sử dụng không gian biển.....	218
38. Quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển	226

39. Quản lý thiên tai và tai biến môi trường biển.....	232
40. Quản lý dự án trong lĩnh vực biển và hải đảo	237
41. Quản lý nguồn lợi hải sản.....	242
42. Quản lý hệ thống đảo Việt Nam.....	246
43. Tiếng Anh chuyên ngành	253
44. Đánh giá tác động môi trường.....	258
45. Khảo sát khí tượng thủy văn biển	262
46. Tin học ứng dụng trong Quản lý biển	267
47. Chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.....	270
48. Hợp tác trong quản lý và khai thác biển Đông.....	275
49. An toàn và an ninh trên biển	280
50. Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển	285
51. Công nghệ điều tra, kiểm soát biển và đại dương	290
52. Thực tập tốt nghiệp.....	295
53. Khóa luận tốt nghiệp	299
54. Kỹ thuật công trình bờ biển.....	303
55. Hình thái bờ biển	307

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * **Tiếng Việt: Triết học Mác - Lênin**
 - * **Tiếng Anh: Philosophy of Marxism Leninism**
- Mã học phần: LCML2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biên trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 14 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày và phân tích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin
 - + Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin
- Về kỹ năng: Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có năng lực nhận thức vấn đề theo thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng và nhân sinh quan cách mạng, góp phần hình thành nhân cách người học theo chuyên ngành được đào tạo.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác -Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình triết học Mác-Lênin* trình độ đại học khối các ngành ngoài lý luận chính trị (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng Triết học Mác- Lênin (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.N
2. Nguyễn Văn Sanh, *Hỏi đáp về thế giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác- Lênin: Dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, học viện.*Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.
3. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 1*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
4. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 2*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần**8.1. Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác **8.2 Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%Tự luận Trắc nghiệm Thực hành **9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	07		03	10	20	Đọc TLC chương 1, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	4		2	6	12	
1. Khái lược về triết học <i>a. Nguồn gốc triết học</i> <i>b. Khái niệm triết học</i> <i>c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử</i> <i>d. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan</i>	1			1	2	
2. Vấn đề cơ bản của triết học <i>a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học</i> <i>b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm</i> <i>c. Thuyết có thể biết (Thuyết Khả tri) và thuyết không thể biết (Thuyết Bất khả tri)</i>	2		2	4	8	
3. Biện chứng và siêu hình <i>a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử</i> <i>b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử</i>	1			1	2	
II. Triết học Mác-Lênin và	3		1	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội						
1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện d. Giai đoạn Lenin trong sự phát triển Triết học Mác	1		1	2	4	
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác-Lênin a. Khái niệm triết học Mác - Lenin b. Đối tượng của triết học Mác – Lenin c. Chức năng của triết học Mác - Lenin	1			1	2	
3. Vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay a. Triết học Mác - Lenin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn b. Triết học Mác - Lenin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ.</i> <i>c. Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</i>						
Chương 2. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	12		6	18	36	
I. Vật chất và ý thức	3		1	4	8	Đọc TLC chương 2, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất <i>a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất</i> <i>b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất</i> <i>c. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất</i> <i>d. Các hình thức tồn tại của vật chất</i> <i>e. Tính thống nhất vật chất của thế giới</i>	1			1	2	
2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức <i>a. Nguồn gốc của ý thức</i> <i>b. Bản chất của ý thức</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>c. Kết cấu của ý thức</i>						
3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	1		1	2	4	
<i>a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình</i>						
<i>b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng</i>						
II. Phép biện chứng duy vật	6		3	9	18	
1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật	1			1	2	
<i>a. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan</i>						
<i>b. Khái niệm phép biện chứng duy vật</i>						
2. Nội dung của phép biện chứng duy vật	5		3	8	16	
<i>a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật</i>						
<i>b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</i>						
<i>c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</i>						
III. Lý luận nhận thức	3		2	5	10	
1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng	0.5			0.5	1	
2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức	0.5		1	3.5	3	
3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	1		1	2	4	
4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức	0.5			0.5	1	
5. Tính chất của chân lý	0.5			0.5	1	
Chương 3. CHỦ NGHĨA	11		5	16	32	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
DUY VẬT LỊCH SỬ						
I. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội	3		2	5	10	Đọc TLC chương 3, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
<i>1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</i>	0.5			0.5	1	
<i>2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</i> <i>a. Phương thức sản xuất</i> <i>b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</i>	1		1	2	4	
<i>3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</i> <i>a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</i> <i>b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</i>	1			1	2	
<i>4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên</i> <i>a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</i> <i>b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người</i> <i>c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng</i>	0.5		1	1.5	3	
II. Giai cấp và dân tộc	2			3	6	
<i>1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>a. Giai cấp</p> <p>b. Đấu tranh giai cấp</p> <p>c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản</p>						
<p>2. Dân tộc</p> <p>a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc</p> <p>b. Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay</p>	0.5			0.5	1	
<p>3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>a. Quan hệ giai cấp- dân tộc</p> <p>b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại</p>	0.5			0.5	1	
<p>III. Nhà nước và cách mạng xã hội</p>	2			2	4	
<p>1. Nhà nước</p> <p>a. Nguồn gốc của nhà nước</p> <p>b. Bản chất của nhà nước</p> <p>c. Đặc trưng cơ bản của nhà nước</p> <p>d. Chức năng cơ bản của nhà nước</p> <p>e. Các kiểu và hình thức nhà nước</p>	1			1	2	
<p>2. Cách mạng xã hội</p> <p>a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội</p> <p>b. Bản chất của cách mạng xã hội</p> <p>c. Phương pháp cách mạng</p> <p>d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay</p>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
IV. Ý thức xã hội	2		1	3	6	
1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội <i>a. Khái niệm tồn tại xã hội</i> <i>b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</i>	1			1	2	
2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội <i>a. Khái niệm ý thức xã hội</i> <i>b. Kết cấu của ý thức xã hội</i> <i>c. Tính giai cấp của ý thức xã hội</i> <i>d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội</i> <i>e. Các hình thái ý thức xã hội</i>	1		1	2	4	
V. Triết học về con người	2		2	4	8	
1. Khái niệm con người và bản chất con người <i>a. Con người là thực thể sinh học - xã hội</i> <i>b. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người</i> <i>c. Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử</i> <i>d. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội</i>	0.5			0.5	1	
2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người <i>a. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha</i>	0.5		1	1.5	3.0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>hóa</i></p> <p><i>b. Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức</i></p> <p><i>c. Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người</i></p>						
<p>3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử.</p> <p><i>a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội</i></p> <p><i>b. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử</i></p>	0.5			0.5	1.0	
<p>4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam</p>	0.5		1	1.5	3	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30		15	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin**
 - * Tiếng Anh: **Marxist-Leninist Political Economy**
- Mã học phần: LCML2102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biến trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác - Lênin
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của Kinh tế chính trị Mác – Lê nin.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.
 - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.
 - + NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lê nin
- Chương 2,3,4 trình bày các nội dung về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền và sự vận động của các vấn đề đó trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.
- Chương 5, 6 trình bày những nội dung về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin*, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị. (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng Kinh tế chính trị (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin: Dành cho các khối ngành không chuyên Kinh tế- Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

4. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

5. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊN NIN	2				2	
1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác Lênin.	0,5			0,5	1	
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lênin Hàng hoá <i>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lênin</i> <i>1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lênin</i>	1			1	2	- Đọc TLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác Lênin Tiền tệ <i>1.3.1. Chức năng nhận thức</i> <i>1.3.2. Chức năng tư tưởng</i> <i>1.3.3. Chức năng thực tiễn</i> <i>1.3.4. Chức năng phương pháp luận</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLĐT số 1
Chương 2. HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG	4		2	6	30	- Đọc TLC chương 2 - Chuẩn bị bài,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Lý luận của Các Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.1.1. Sản xuất hàng hóa 2.1.2. Hàng hóa 3.1.3. Tiền 3.1.4. Dịch vụ và một số loại hàng hóa đặc biệt	2		1	3	6	tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 2
2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.2.1. Thị trường 2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường	2		1.0	3	6	
Chương 3. GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	5		2	7	14	
3.1. Lý luận của Mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa	2,0		1.0	3.0	6	- Đọc TLC chương 3 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Tích lũy tư bản 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy tư bản	1,5		0,5	2	4	Đọc TLĐT số 2, số 3
3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.3.1. Lợi nhuận 3.3.2. Lợi tức 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa	1,5		0,5	2	4	
Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	3		1	4	8	- Đọc TLC chương 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo
4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường 4.2.1. Lý luận của Lê Nin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2.2. Lý luận của Lê Nin về độc quyền nhà nước trong CNTB	2		1	3	6	hướng dẫn của giảng viên Độc TLĐT số 3
Chương 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	3		2	5	10	
5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	1		0.5	1.5	3	- Đọc TLC chương 5 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	1		0.5	1.5	3	Độc TLĐT số 3
5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích	1		1.0	2	4	
Chương 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP	3		2	5	10	- Đọc TLC

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
KINH TẾ QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM						chương 6
6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam <i>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa</i> <i>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</i> <i>6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4</i>	1,5		1	2,5	5	- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 3
6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam <i>6.2.1. Khái niệm và các nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</i> <i>6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam</i> <i>6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</i>	1,5		1	2,5	5	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**
- * Tiếng Anh: **Science socialism**
- Mã môn học: LCML2103
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biến trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác – Lênin và Kinh tế chính trị học Mác – Lênin.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 20tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương, ngoài khái quát sự ra đời và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị. (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa học (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Trịnh Quốc Tuấn, *Giáo trình Chủ nghĩa Xã Hội Khoa học*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thựchành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương mở đầu: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	2			2	4	
1. Sự ra đời của Chủ nghĩa Xã hội khoa học <i>1.1 Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>1.2 Vai trò của Các Mác và Phridrich Ăngghen</i>	1			1	2	
2. Các giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>2.1 Các Mác và Anghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>2.2. V.I. Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới</i> <i>2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của Chủ nghĩa xã hội khoa học khi Lênin qua đời đến nay</i>	0.5			0.5	1	- Đọc TLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3. Đối tượng, phương pháp ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>3.1 Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>3.2 Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>3.3. Ý nghĩa việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>	0.5			0.5	1	
Chương 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	3		1	4	8	- Đọc TLC chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân 1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 1.2 Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1.3 Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	1			1	2	- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 2.1 Giai cấp công nhân hiện nay 2.2 Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 2.3 Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay	1		1	2	4	
3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 3.1 Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 3.2 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng 3.3 Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	1			1	2	
Chương 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		1	4	8	- Đọc TLC chương 3
1. Chủ nghĩa xã hội 1.1 Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa 1.2 Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội 1.3 Những đặc trưng cơ bản	1			1	2	- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>của chủ nghĩa xã hội</i>						
2. Thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội 2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	1			1	2	
3. Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay	1		1	2	4	
Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		1	4	8	
1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 1.1 Dân chủ và sự ra đời phát triển của dân chủ 1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa	1			1	2	- Đọc TLC chương 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2. Nhà Nước Xã hội chủ nghĩa 2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	1			1	2	
3. Xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.2. Nhà nước pháp quyền chủ	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>						
Chương 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	2		2	4	8	- Đọc TLC chương 5 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội</i> <i>1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i>	1		1	2	4	
2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	0.5			0.5	1	
3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>3.1. Cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> <i>3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>	0.5		1	1.5	3	
Chương 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		2	5	10	- Đọc TLC chương 6 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của
1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.1 Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc 1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam						giảng viên
2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo 2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay	1		1	2	4	
3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	1		1	2	4	
Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	4		2	6	12	- Đọc TLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 1.1. Khái niệm gia đình 1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 1.3. Chức năng cơ bản của gia đình	1			1	2	
2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Cơ sở kinh tế xã hội 2.2. Cơ sở chính trị - xã hội 2.3. Cơ sở văn hóa 2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ	1		1	2	4	
3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.1. Những yếu tố tác động đến	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
gia đình Việt Nam, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.3. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tiếng Anh: Ho Chi Minh's Ideology

- Mã học phần: **LCTT2104**

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biến trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết / học trước: Triết học Mác – Lê nin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 50 phút/ tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết

▪ Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết

▪ Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị (Theo Quyết định số 4980/QĐ - BGDĐT, ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS. Song Thành (2016), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Thế giới.
2. GS. Song Thành (2012), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.
3. Ban Tuyên giáo trung ương - Thông tấn xã Việt Nam (2007), *Những mẫu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Thông tin, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần**8.1. Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương I: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	
I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh <i>a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học</i> <i>b. Thống nhất lý luận và thực tiễn</i> <i>c. Quan điểm lịch sử- cụ thể</i> <i>d. Quan điểm toàn diện và hệ thống</i> <i>e. Quan điểm kế thừa và phát triển</i> 2. Một số phương pháp cụ thể IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH. 1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận. 2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa	1			1	2	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước.</p> <p>3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác</p>						
Chương II. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	3		1	4	8	
<p>I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. Cơ sở thực tiễn</p> <p><i>a. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i></p> <p><i>b. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i></p> <p>2. Cơ sở lý luận</p> <p><i>a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam</i></p> <p><i>b. Tinh hoa văn hóa nhân loại</i></p> <p><i>c. Chủ nghĩa Mác-Lênin</i></p> <p>3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</p> <p><i>a. Phẩm chất Hồ Chí Minh</i></p> <p><i>b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận.</i></p>	1			2	4	<p>Đọc TLC</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
<p>II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. Thời kỳ từ ngày 5-6-1911 trở về trước: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm con đường cứu nước mới.</p> <p>2. Thời kỳ từ ngày 6-6-1911 đến ngày 30-12-1920: Hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.</p> <p>3. Thời kỳ từ ngày 31-12-1920 đến</p>	1	1		1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>ngày 3-2-1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam</p> <p>4. Thời kỳ từ ngày 4-2-1930 đến ngày 28-1-1941: Vượt qua thử thách, giữa vũng đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo.</p> <p>5. Thời kỳ từ ngày 29-1-1941 đến ngày 2-9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.</p> <p>III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. Đối với cách mạng Việt Nam</p> <p><i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta.</i></p> <p><i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay.</i></p> <p>2. Đối với sự phát triển tiên bộ của nhân loại.</p> <p><i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội.</i></p> <p><i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.</i></p>	1			1	2	
Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.	5		2	7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC 1. Vấn đề độc lập dân tộc <i>a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc.</i> <i>b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân</i> <i>c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để.</i> <i>d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.</i> 2. Về cách mạng giải phóng dân tộc. <i>a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.</i> <i>b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do đảng cộng sản lãnh đạo.</i> <i>c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng.</i> <i>d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.</i> <i>e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng.</i>	2		1	3	6	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>nghĩa xã hội</p> <p>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</p> <p>b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan.</p> <p>c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội chủ nghĩa.</p> <p>2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ.</p> <p>b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ.</p> <p>III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc.</p> <p>3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.</p> <p>IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.</p>	0.5			0.5	1	
	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định</p> <p>2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị</p> <p>4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.</p>						
Chương IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN	5		2	7	14	
<p>I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</p> <p>1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh.</p> <p><i>a. Đảng là đạo đức, là văn minh</i></p> <p><i>b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng</i></p> <p><i>c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.</i></p>	2		1	3	6	<p>Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
<p>II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM</p> <p>1. Nhà nước dân chủ</p> <p><i>a. Bản chất giai cấp của nhà nước</i></p> <p><i>b. Nhà nước của dân, do dân, vì dân</i></p> <p>2. Nhà nước pháp quyền</p> <p><i>a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp</i></p>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>b. Nhà nước thượng tôn pháp luật</p> <p>c. Pháp quyền nhân nghĩa</p> <p>3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh</p> <p>a. Kiểm soát quyền lực nhà nước</p> <p>b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước.</p> <p>III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC</p> <p>1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</p> <p>2. Xây dựng Nhà nước</p>	1			1	2	
Kiểm tra 1 tiết			1	1	2	Ôn tập kiến thức từ chương 1 đến hết chương 4
Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	3		1	4	8	
<p>I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC</p> <p>1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.</p> <p>b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam</p> <p>2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>3. Điều kiện để xây dựng khối đại</p>	1			2	4	<p>Đọc TLC</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p><i>a. Mặt trận dân tộc thống nhất</i></p> <p><i>b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất</i></p> <p><i>c. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.</i></p> <p>II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ</p> <p>1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế</p> <p><i>a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng</i></p> <p><i>b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại.</i></p> <p>2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức</p> <p><i>a. Các lực lượng cần đoàn kết</i></p> <p><i>b. Hình thức tổ chức</i></p> <p>3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế</p> <p><i>a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình</i></p> <p><i>b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ.</i></p> <p>III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.</p> <p>1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng.</p>	1			1	2	
	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế						
Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI	4		2	6	12	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA 1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác <i>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa</i> <i>b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</i> 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò văn hóa <i>a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng</i> <i>b. Văn hóa là một mặt trận</i> <i>c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân</i> 3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới	1		1	2	4	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC 1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng 2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng <i>a. Trung với nước, hiếu với dân</i> <i>b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa</i>						
<i>d. Tinh thần quốc tế trong sáng</i>						
3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng	1			1	2	
<i>a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức</i>						
<i>b. Xây đi đôi với chống</i>	1			1	2	
<i>c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời</i>						
III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI						
1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người						
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người						
3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người						
IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH						
1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người						
2. Xây dựng đạo đức cách mạng						
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Tiếng Anh: History of the Communist Party of Vietnam
- Mã học phần: LCLS2105
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biên trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học, **Tư tưởng Hồ Chí Minh.**

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay).

- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng chủ

nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng và việc vận dụng vào thực tiễn hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đề cương chi tiết học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam;
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị (Theo Quyết định số 4980/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019).

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội (Website: www.tapchicongsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn).

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input checked="" type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương nhập môn. ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	1			1	2	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, Chương nhập môn - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phạm vi nghiên cứu						
II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2. Nhiệm vụ của môn học						
III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể						
Chương 1. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẦU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)	4		2	6	12	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, Chương 1; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1. Bối cảnh lịch sử	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng</p> <p>3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p>						
<p>II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)</p> <p>1. Phong trào cách mạng 1930 - 1935 và khôi phục phong trào 1932 - 1935</p> <p>2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939</p> <p>3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945</p> <p>4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945</p>	2		1	3	6	
<p>Chương 2. ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)</p>	7		2	9	18	
<p>I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)</p> <p>1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946</p> <p>2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950</p> <p>3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951 - 1954</p> <p>4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến</p>	3		1	4	8	<p>- Đọc TLC, Chương 2;</p> <p>- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ						
II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975) 1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975 3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 – 1975	4		1	5	10	
<i>Kiểm tra</i>			1	1	2	<i>Ôn tập kiến thức đã học ở chương 1 và 2</i>
Chương 3. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)	9		4	13	26	
I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1981 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 – 1986	3		1	4	8	- Đọc TLC, Chương 3; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018) 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 - 1996	6		3	9	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 - 2018</p> <p>3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới</p>						
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

3. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Pháp luật đại cương
Tiếng Anh: Basic Law
- Mã học phần: LTPL2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biên trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

4. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung;
 - + Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- *Về kỹ năng:*
 - + So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;
 - + So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau;
 - + Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.

NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;
- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý;

- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), *Pháp luật đại cương*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Nguyễn Minh Đoan (2016), *Lý luận về Nhà nước và Pháp luật*; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội

3. Vũ Quang (2015), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Lệ Thu (2012), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

2. **Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật** (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

3. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*;

4. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*;

5. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*;

6. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*;

7. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động năm 2012*;

8. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*;

9. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp năm 2014*;

10. Quốc hội (2018), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2018*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>

Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	04		02	06	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước <i>1.1.1. Nguồn gốc</i> <i>1.1.2. Bản chất</i> <i>1.1.3. Hình thức</i> <i>1.1.4. Chức năng</i>	02		01	03	06	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, VI - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật <i>1.2.1. Nguồn gốc và bản chất</i> <i>1.2.2. Thuộc tính</i> <i>1.2.3. Hình thức</i>	02		01	03	06	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ	05	03		08	16	
2.1. Quy phạm pháp luật 2.1.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành	01	01		1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương VII - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.2. Quan hệ pháp luật 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm 2.2.2. Các thành phần cấu thành	01			1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương VIII - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.3. Vi phạm pháp luật 2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu 2.3.2. Các yếu tố cấu thành	02	02		04	08	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.4. Trách nhiệm pháp lý 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Phân loại	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài, tự học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	11	02	03	16	32	
3.1. Luật Hiến pháp 3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh 3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp năm 2013	01		01	02	04	- Đọc TLC 1, Chương IV - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 3 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.2. Luật Hành chính 3.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương V - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.3. Luật Dân sự 3.3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.3.2. Quyền sở hữu 3.3.3. Quyền thừa kế	01	02		03	06	- Đọc TLC 1, Chương VII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 5 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.4. Luật Hình sự	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.4.2. Tội phạm</p> <p>3.4.3. Hình phạt</p>						<p>VI</p> <p>- Đọc TLC 3, Chương 6</p> <p>- Đọc TLĐT 6</p> <p>- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>3.5. Luật lao động</p> <p>3.5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.5.2. Hợp đồng lao động</p> <p>3.5.3. Bảo hiểm xã hội</p>	01			01	02	<p>- Đọc TLC 1, Chương VIII</p> <p>- Đọc TLC 3, Chương 6</p> <p>- Đọc TLĐT 7</p> <p>- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>3.6. Luật hôn nhân và gia đình</p> <p>3.6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.6.2. Chế định kết hôn</p>	01			01	02	<p>- Đọc TLĐT 1, Chương 6</p> <p>- Đọc TLĐT 8</p> <p>- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>3.7. Luật kinh tế</p> <p>3.7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.7.2. Các loại hình doanh nghiệp</p>	01			01	02	<p>- Đọc TLC 1, Chương IX</p> <p>- Đọc TLC 3, Chương 6</p> <p>- Đọc TLĐT 9</p> <p>- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng	04		01	05	10	<p>- Đọc TLĐT 2</p> <p>- Đọc TLĐT 10</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.8.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.8.2. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng 3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng						- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
Kiểm tra			01	01	02	
Tổng	20	05	05	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kỹ năng mềm**
 - Tiếng Anh: **Soft Skills**
- Mã học phần: **KTQU2151**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biên trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

- *Về kỹ năng*: Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc và trong cuộc sống như: quá trình giao tiếp, quá trình giải quyết vấn đề, giải quyết xung đột tại nơi làm việc, kỹ năng lãnh đạo, thực tiễn đi xin việc và hòa nhập với công việc mới.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sự phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
2. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, NXB Thời đại.
3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
2. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm*, Nhà xuất bản Trẻ.
3. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2011), *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
4. Huỳnh Phú Thịnh (2009), *Giáo trình Kỹ năng tìm việc làm*, Trường Đại học An Giang.
5. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư Phạm.
6. M.S. Rao (2012), *Soft Skills for Students – Classroom to Corporate*, Bhawani Gali..

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	<input checked="" type="checkbox"/>	Trắc nghiệm	<input type="checkbox"/>	Vấn đáp	<input type="checkbox"/>	Thực hành	<input type="checkbox"/>
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	---------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG MỀM	3			3	6	
1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Phân biệt Kỹ năng mềm với Kỹ năng sống, Kỹ năng cứng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng mềm cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIAO TIẾP	6	3		10	20	
2.1. Giao tiếp 2.1.1. Khái niệm và vai trò của giao tiếp 2.1.2. Cấu trúc của giao tiếp 2.1.3. Chức năng của giao	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>tiếp</i> 2.1.4. Phân loại giao tiếp						
2.2. Các phương tiện giao tiếp 2.2.1. Ngôn ngữ 2.2.2. Phi ngôn ngữ	2	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 1
2.3. Các phong cách giao tiếp 2.3.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 2.3.2. Các loại phong cách giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.4. Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản 2.4.1. Kỹ năng lắng nghe 2.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 2.4.3. Kỹ năng thuyết phục 2.4.4. Kỹ năng thuyết trình 2.4.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 2.4.6. Kỹ năng viết	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2
2.5. Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến		1		1	2	Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	4	2		6	12	
3.1. Khái quát về làm việc nhóm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.2. Xây dựng nhóm làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.3. Kỹ năng làm việc nhóm 3.3.1. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm 3.3.2. Kỹ năng giải quyết	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>xung đột nhóm</i></p> <p>3.3.3. <i>Kỹ năng giao tiếp nhóm</i></p> <p>3.3.4. <i>Kỹ năng lãnh đạo nhóm</i></p>						
3.4. Vận dụng các Kỹ năng làm việc nhóm vào các hoạt động của tổ chức (Tình huống)		1		1	2	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM	7	3		10	20	Đọc TLC 1, chương 2
<p>4.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp</p> <p>4.1.1. <i>Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân</i></p> <p>4.1.2. <i>Kỹ năng xác định mục tiêu nghề nghiệp</i></p>	1			1	2	
<p>4.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm</p> <p>4.2.1. <i>Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm mới</i></p> <p>4.2.2. <i>Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm trong quá trình làm việc</i></p>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3
<p>4.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc</p> <p>4.3.1. <i>Tiêu chuẩn bộ hồ sơ xin việc</i></p> <p>4.3.2. <i>Các bước chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc</i></p> <p>4.3.3. <i>Nghệ thuật viết đơn xin việc</i></p> <p>4.3.4. <i>Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân</i></p>	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4. Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng 4.4.1. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn 4.4.2. Các vòng phỏng vấn 4.4.3. Các hình thức phỏng vấn 4.4.4. Nghệ thuật trả lời phỏng vấn	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.5. Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ 4.5.1. Thương lượng về tiền lương 4.5.2. Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.6. Kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.7. Vận dụng các Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tế	0,5	0,5		2		Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra (thảo luận nhóm)			1	1	2	Đọc TLC 2, chương 3
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần
Tiếng Việt: **Tiếng Anh 1**
Tiếng Anh: **English 1**
- Mã học phần: **NNTA2101**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 08 tiết
- Bài tập: 14 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 21 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức:
 - + Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.
 - + Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.
 - + Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- Về kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

1. Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.

2. Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống có định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.
- Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.
- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.
- Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: People and places

Module 2: Everyday Life

Module 3: Loves and Hates

Module 4: Eating and Drinking

Module 5: Extraordinary Lives

Module 6: Buying and Selling

Module 7: The world around us

Module 8: Going Places

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính:

1. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). *New Cutting Edge, Elementary*. Harlow: Pearson Longman.

4.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2015). *Life (Vietnam Edition)*. National Geographic Learning. Cengage Learning. A1/A1-A2

2. Thomson, A.J., & Martinet, A.V. (1992). *A practical English Grammar*. Oxford University Press.

3. Memarzadeh, A. (2007). *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.

4. Esol examinations. (2013). *Preliminary English Test*. Cambridge University Press.

5. Department of Foreign Language. (2014). *Practice Exercise 1*. Internal circulation. Hanoi University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần:

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

-Hình thức thi:

Tự luận	<input type="checkbox"/>	Trắc nghiệm	<input checked="" type="checkbox"/>	Vấn đáp	<input checked="" type="checkbox"/>	Thực hành	<input type="checkbox"/>
---------	--------------------------	-------------	-------------------------------------	---------	-------------------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1: People and places	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Nghe 1: Thông tin cá nhân (p.11) • Nói 1: Hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của 4 nhân vật trong bài nghe (p.11) • Viết: Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân (p. 12, 13) <ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2- 1e. Viết về thông tin cá nhân (p.17) • Nói 2: Giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình theo nhóm hoặc cá nhân trước lớp (p. 12,13) • Đọc: Đọc các loại giấy tờ tùy thân để tìm thông tin cá nhân điền vào bảng. (p.14, 15) <ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2- 1c. Đọc thông tin về con người trên thế giới (p.14,15) • Nghe 2: Nghe và điền thông tin còn thiếu vào bảng tóm tắt thông tin (p.16) 						<ul style="list-style-type: none"> • Cách sử dụng của động từ To Be • Từ vựng về các thông tin cá nhân (nghề nghiệp, quốc tịch...) • Số đếm trong TA <p>Tự học: Module 2: You and Yours (p20-25)</p>
Module 2: Everyday Life	1	1	2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
<ul style="list-style-type: none"> • Đọc: Đọc và làm bài tập theo hướng dẫn (p.28) • Nghe: Nghe và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.29) • Tham khảo: Unit 8 - Life A1-8a. Đọc và nghe thông tin về cuộc sống hàng ngày của 1 nhà văn ở Trung Quốc (p.94,95) • Nói 1: Thảo luận về cuộc sống hàng ngày của người Úc và so sánh với người Việt Nam (p.29) • Nói 2: Hỏi và trả lời theo cặp về hoạt động hàng ngày (p.31) • Viết: Viết về một ngày điển hình của bản thân (p.31) 						<ul style="list-style-type: none"> • Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Hiện tại đơn • Cách nói thời gian trong TA (p.30) • Nói về các hoạt động thường làm vào ngày nghỉ cuối tuần của bản thân
Module 3: Loves and Hates	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Nghe: nghe về sở thích của các nhân vật nổi tiếng và làm các hoạt động nghe theo hướng dẫn (p.34) • Đọc: Đọc về cuộc sống của hai ngôi sao và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.36) • Tham khảo: Unit 6 - Life A1-6b. Từ vựng và bài đọc về sở thích (p.72,73) • Viết: Viết về sở thích của bản thân: thức ăn/đồ uống; môn thể thao/hoạt động, con 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về các hoạt động/môn thể thao ưa thích • Vị trí, ý nghĩa và cách dùng của trạng từ chỉ tần suất trong thì hiện tại đơn • Nói về sở thích cá nhân

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
vật, đồ vật, hoạt động ưa thích... (p. 35) <ul style="list-style-type: none"> Nói 1: Hỏi và trả lời theo cặp về sở thích cá nhân sử dụng trạng từ chỉ tần suất (p.38) Nói 2: Cách đưa ra lời yêu cầu và đề nghị lịch sự cũng như các cách đáp lại (p.40) 						
Module 4: Eating and Drinking	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> Nghe 1: Nghe một số nhân vật đến từ các quốc gia khác nhau nói về bữa sáng của họ (thói quen, thời điểm, thức ăn...) và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.53) Đọc: Đọc 6 đoạn văn ngắn về các quan niệm và các lời khuyên về ăn uống; làm các nhiệm vụ theo yêu cầu (p.54) Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 5 - Life A1-A2- 5b. Đọc về top 5 chợ ẩm thực trên thế giới (p.60) Nói: Làm việc theo cặp, sử dụng các câu hỏi trang 56 để hỏi và trả lời về các chủ đề được nêu (p. 56) Nghe 2: Nghe 3 bài hội thoại về cách gọi món ăn trong nhà hàng và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng 						<ul style="list-style-type: none"> Từ vựng về chủ đề ăn uống; tên các loại thực phẩm, đồ ăn Cách sử dụng các từ chỉ định lượng; phân biệt <i>some</i> và <i>any</i> Cấu trúc <i>How much / How many</i> Nói về thói quen ăn uống của bản thân. <p>Tự học: <i>Module 5: Getting from A to B</i> (p.42-49)</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
dẫn (p.58)						
Module 5: Extraordinary Lives	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> Nói 1: Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về bản thân hoặc người thân trong gia đình, sử dụng các câu hỏi cho trước (p.61) Đọc: Đọc về Tim Berners Lee – nhà sáng lập ra trang web và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.62) Nghe : Nghe Mariene kể về cuộc đời của mình và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.66) Tham khảo: Unit 11 - Life A1-11b. Đọc và nghe một đoạn phỏng vấn người phiêu lưu mạo hiểm (p.132,133) Nói 2: Làm việc theo nhóm. Nói về lần cuối làm một việc gì đó là khi nào (p.65) Viết: Kể vắn tắt về cuộc đời của bản thân tính tới thời điểm hiện tại (p.66) 						<ul style="list-style-type: none"> Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Quá khứ đơn Động từ có quy tắc và bất quy tắc sử dụng trong thì Quá khứ đơn Từ vựng về các mốc thời gian (năm, thập niên, thế kỷ) Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành đoạn văn và nghe lại để kiểm tra đáp án (p.63) Nói về một sự kiện đáng nhớ nào đó đã xảy ra với bản thân
Consolidation Modules 1-6 Revision 1			2	2	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Progress Test 1		1	1	2		
Module 6: Buying and Selling	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> Nói 1: So sánh các cặp đồ vật trong tranh sử dụng tính từ cho trước (p.79) Đọc: Đọc về các khu chợ nổi tiếng nhất thế giới và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.80-81) Nghe : Nghe 4 tình huống về mua sắm và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.83) Nói 2: Trình bày ý kiến cá nhân hoặc thảo luận theo cặp/nhóm về các món quà lưu niệm du khách nên mua khi đến Việt Nam. Chú ý các mẫu câu được sử dụng khi đưa ra ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó và các cách đáp lại khi người nghe đồng tình hoặc phản đối. (p. 84) Tham khảo: Unit 5- Life A1- 5b. Từ vựng và nghe nói về giá cả (p.64) 						<ul style="list-style-type: none"> Từ vựng về chủ đề mua sắm Cấu trúc câu so sánh; các tính từ và trạng từ so sánh bất quy tắc Cách hỏi và nói giá tiền trong mua sắm Nghe 6 đoạn hội thoại và hoàn thành nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.84) Nói về thói quen mua sắm của bản thân hoặc một khu chợ nổi tiếng ở Việt Nam <p><u>Tự học:</u> <i>Module 10: Street life (p.86-93)</i></p>
Module 7: The world around us	1	1	2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
<ul style="list-style-type: none"> • Đọc: Đọc các thông tin về thế giới tự nhiên và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.96-97) • Tham khảo: Unit 8- Life A1- 8c. Đọc bài về loài hổ (p.98,99) • Nói: Hoạt động theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về thế giới tự nhiên, sử dụng dạng câu hỏi WH (p.98-99 +102) • Nghe: Nghe về 2 loài vật thân thiết với con người và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p. 100) • Viết : Tìm hiểu các thông tin khoa học về một loài vật yêu thích và viết một đoạn văn ngắn (100–120 từ) để miêu tả loài vật đó 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về động vật và thế giới tự nhiên • Động từ khuyết thiếu CAN để nói về khả năng • Các dạng câu hỏi thu thập thông tin (Wh-questions) • Cách sử dụng các mạo từ A/AN/THE • Nói về một loài vật yêu thích <p><u>Tự học:</u> <i>Module 13: Learning for the future (p.86-93)</i></p>
Unit 8: Going Places	1	1	2	4	8	
<p>Nghe : Nghe bài giới thiệu về thành phố Edinburgh và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.129)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nói : Làm việc theo cặp / nhóm, lập các bài hội thoại về hỏi và chỉ đường (p.132-133) • Đọc: Đọc các biển báo giao thông và hoàn thành các 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về các địa danh và các địa điểm trong thành phố • Cấu trúc và cách dùng của các động từ khuyết thiếu <i>Have to/don't have to</i> và <i>Can/can't</i>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
nhiệm vụ theo yêu cầu (p. 132) • Viết: miêu tả một địa danh nổi tiếng • Tham khảo: Unit 3- Life A1-A2- 3e. Viết về 1 địa danh (p.41)						<ul style="list-style-type: none"> • Các giới từ chỉ phương hướng, sự chuyển động (p.130-131) • Các cách hỏi và chỉ đường • Nói về một thành phố/quốc gia yêu thích Tự học: <i>Module 12: A weekend away (p.104-110)</i>
Consolidation Modules 7 -15			2	2	8	
Revision 2						
Progress Test 2		1	1	2		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercise 1		4	1	5	10	
Tổng	8	14	23	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần
- Tiếng Việt: **Tiếng Anh 2**
- Tiếng Anh: **English 2**
- Mã học phần: **NNTA2102**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biên trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Tiếng Anh 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 5tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 20 tiết
 - Thảo luận : 20 tiết
 - Tự học : 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của môn học

- *Về kiến thức:* Sau khi học xong môn học sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.
- *Về kỹ năng:*
 - * Kỹ năng đọc:
 - Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
 - Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.
 - * Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.

- Miêu tả người sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.

- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....

- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối

- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng. Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Leisure and Lifestyle

Module 2: Important Firsts

Module 3: At rest, at work

Module 4: Special Occasions

Module 5: Appearances

Module 6: Ambitions and Dreams

Module 7: Countries and cultures

4. Tài liệu học tập

4.1. *Tài liệu chính:*

1. New cutting Edge (Pre- Intermediate)

4.2. *Tài liệu bổ trợ:*

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.
2. Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
3. Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.
4. Department of Foreign Language. 2015. *Practice exercise 1*. Internal circulation. University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Yêu cầu sinh viên thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được ghi trong đề cương môn học:

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Module 1: Leisure and Lifestyle	1	1	2		4	8	
- Nói: Nói về cách luyện tập để giữ gìn sức khỏe (p.7,8,9)							- Củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại đơn giản, các

<ul style="list-style-type: none"> - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.10) - Từ vựng: Liên quan đến các hoạt động giải trí. - Nghe: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi (p.11) - Viết: Viết về thông tin cá nhân dựa theo mẫu (p.13) 							<ul style="list-style-type: none"> câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 2: Important Firsts	1	1	2		4	8	
<ul style="list-style-type: none"> - Nói 1: Trao đổi ngắn về một số hoạt động đã làm trong quá khứ (p.18) - Nghe 1: Nghe thông tin chi tiết về một sự kiện ấn tượng đã xảy ra trong quá khứ, trả lời câu hỏi liên quan (p.10,21) - Nói 2: Kể về những dấu ấn trong quá khứ. - Viết: Viết một đoạn văn kể về những kỷ niệm thời thơ ấu (Có thể chuẩn bị bài viết ở nhà) - Nghe 2 (+ Nói 3): Diễn tả cảm xúc Từ vựng: Các tính từ miêu tả. 							<ul style="list-style-type: none"> - Thì quá khứ đơn - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ đơn - Từ vựng diễn tả cảm xúc - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ đơn - Các liên từ sử dụng trong văn trần thuật
Module 3: At rest, at work	1	2	1		4	8	

<ul style="list-style-type: none"> - Đọc: Đọc đoạn văn để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.24,25) - Nói 1: Thảo luận để đưa ra lời khuyên (p.26) - Nói 2: Nói về nhiệm vụ phải làm và khả năng (p.27) - Nghe: Nghe lấy thông tin để điền vào bảng (p.29) - Nói 3: Thảo luận để đưa ra lời khuyên về lựa chọn công việc phù hợp (p.28,29) - Từ vựng: Hoạt động thường nhật 							<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc và cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu: SHOULD; CAN; HAVE TO - Từ vựng về chủ đề công việc hàng ngày và nghề nghiệp
Module 4: Special Occasions		2	2		4	8	
<ul style="list-style-type: none"> - Đọc: Đọc lướt để lấy thông tin về cách thức, truyền thống tổ chức sinh nhật ở một số nước trên thế giới (p.32,33) - Nghe: Nghe về cách đón năm mới và điền thông tin vào bảng (p.36, 37) - Nói (+ nghe 2): Về sắp xếp lịch cá nhân (p.38,39) - Viết: Viết một bức thư mời (Có thể chuẩn bị ở nhà) - Từ vựng: Mốc các sự kiện và các lễ hội 							<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt cấu trúc và cách sử dụng thì Hiện tại đơn với thì Hiện tại tiếp diễn - Cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho một dự định đã được sắp xếp trong tương lai - Từ vựng về Ngày , tháng, năm - Từ vựng về các ngày lễ tết và các hoạt động thường trong các lễ hội đặc biệt.

đặc biệt.							
Consolidation Modules 1-4 Progress Test 1: Written test		3	1		4		
Module 5: Appearances	1	1	2		4	8	
- Đọc: Đọc để tìm thông tin chính về sự thay đổi về quan điểm về cái đẹp xưa và nay (p.42,43) - Nghe 1: Nghe mô tả và so sánh về ngoại hình (p.44,45) - Nghe 2: Nghe thông tin chi tiết về mô tả người (p.46,47) - Nói: Mô tả một người nào đó (ngoại hình + tính cách)							- Cấu trúc và cách sử dụng của các loại câu so sánh - Từ vựng về mô tả ngoại hình và tính cách
Module 6: Ambitions and Dreams	1	2	1		4	8	
- Nghe : Nghe thông tin về 8 nhân vật nổi tiếng - Vocabulary: Cung cấp một số từ vựng về tham vọng, ước mơ và thành quả - Nói: nói về những dự ước mơ những dự định của mình trong cuộc sống. - Viết : viết về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai							Ôn lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn. Phân biệt các trạng từ chỉ thời gian khi sử dụng với hai thì này. - Đặc biệt chú ý về động từ bất quy tắc và quá khứ phân từ.
Module 7: Countries and		2	2		4	8	

cultures							
<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu về các thông tin địa lý. Đọc đoạn văn để trả lời câu hỏi. - Nghe: Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự. Nghe đoạn hội thoại về cuộc sống của Stuart ở thành thị. - Từ vựng: Liên quan đến đặc điểm địa lý. - Nói: Nói về cách chỉ đường. - Viết: Thiệp mời 							<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại cách sử dụng mạo từ. Từ chỉ số lượng với danh từ đếm được và không đếm được. - Tự học: Module 10+ 11: (p.90-98)
Consolidation Modules 5-8		3	1		4	8	
Progress test 2 – Oral Test			4		4	8	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		3	2				Preparation for the final exam
Cộng	5	20	20		45	90	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Tiếng Anh 3**
- Tiếng Anh: **English 3**
- Mã học phần: **NNTA2103**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 05 tiết
 - Làm bài tập trên lớp: 11 tiết
 - Thực hành, thực tập, thảo luận: 14 tiết
 - Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức ngôn ngữ

* *Ngữ âm*: Sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp.

* *Ngữ pháp*: Có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu.

* *Từ vựng*: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- Về các kỹ năng ngôn ngữ

* *Kỹ năng đọc*:

Đọc hiểu các đoạn văn có độ dài trung bình.

Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu.

Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc.

Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn.

** Kỹ năng nói:*

Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản và hiểu được những hội thoại với những chủ đề trong giao tiếp cơ bản và nâng cao.

Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề trong tình huống giao tiếp cơ bản và nâng cao.

Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để trao đổi, chia sẻ và thảo luận về những trải nghiệm trong cuộc sống.

Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như thảo luận về một chủ đề quen thuộc, hay trao đổi và chia sẻ thông tin với những cách diễn đạt và ngôn ngữ cơ bản.

Miêu tả tính cách sự vật sự việc, những thay đổi giữa cuộc sống hiện đại và truyền thống, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.

Trình bày một chủ đề cơ bản về những vấn đề liên quan đến cuộc sống và các tình huống gặp phải, đưa ra lý do và có thể có thuyết phục người nghe đồng tình theo quan điểm cá nhân.

** Kỹ năng viết*

Viết về một chủ đề với những gợi ý

Viết các cụm từ, các câu cơ bản sử dụng câu điều kiện, câu trực tiếp gián tiếp, động danh từ

Cách viết lại câu giữa các thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản.

** Kỹ năng nghe*

Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến những hoạt động đã xảy ra khi chúng được nói một cách trôi chảy.

Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách trôi chảy.

Hiểu được nội dung chính trong các hội thoại hoặc các cuộc thảo luận.

** Các nhóm kỹ năng khác*

Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng).

Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình.

Khích lệ sinh viên hỏi đáp và nhận xét đánh giá.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học.

Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet ...

Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.

Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.

Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp.

Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.

Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Old and New

Module 2: Take care

Module 3: Got to have it

Module 4: Choosing the right person

Module 5: Money, money, money

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), *New cutting Edge (Pre- Intermediate)*, Pearson Longman.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet (1992), *A practical English grammar*, Oxford University Press.

2. Alireza Memarzadeh (2007), *IELTS maximiser speaking*, Oxford University Press.

3. Esol examinations (2013), *Preliminary English test*, Cambridge University Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành **9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Module 1: Old and New	1	2	2	5	10	
<ul style="list-style-type: none"> - Đọc: <i>The 1900 house</i> (p.80-81) - Nói: Facelift (p.84-85) - Viết: <i>Imagine your life without Internet and mobile phone</i> 						<ul style="list-style-type: none"> -Ngữ pháp: May, might, will, definitely, etc...; - Thời hiện tại sử dụng với if, when, before, etc... -Từ vựng: Hiện đại và truyền thống -Chủ điểm từ vựng: IF
Module 2: Take care	1	2	2	5	10	
<ul style="list-style-type: none"> - Nghe: <i>Health helpline</i> (p.89) - Nói 1: Các cuộc hội thoại tư vấn về bệnh tật (p.89) + Đọc: <i>Hazardous History</i> (p.90-91) + Nói 2: <i>Choose the Hero of the Year</i> (p.94) + Viết: Sử dụng các liên từ trong lối văn tường thuật. Kể về một kỷ niệm đáng nhớ. 						<ul style="list-style-type: none"> -Ngữ pháp: used to; thời quá khứ tiếp diễn -Từ vựng: Sức khoẻ và tai nạn
Module 3: Got to have it	1	2	2	5	10	
<ul style="list-style-type: none"> -Đọc: <i>The World's Most Popular</i> (p.106-107) -Nói 1: Một thương hiệu mà bạn ưa thích hoặc một sản phẩm mà bạn muốn sở hữu 						<ul style="list-style-type: none"> -Từ vựng: - danh từ chỉ các đồ vật hàng ngày, các cấu trúc câu dung để đưa ra lời gợi ý

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
-Nói 2: Lập các bài hội thoại về đưa ra các gợi ý (trong những tình huống nhất định) (p.112)						-Ngữ pháp: Câu bị động (thì Hiện tại đơn; Quá khứ đơn) -Ngữ âm: Các phát âm ED sau động từ
PROGRESS TEST 1		2	1	3	6	
Module 4: Choosing the right person	1	1	3	5	10	
- Nói: Mô tả về các hoạt động thể thao (p.114) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.117) - Từ vựng: Mô tả tính cách cá nhân. - Nghe: Nghe thông tin và điền từ vào chỗ trống (p.115) - Viết: Viết đơn xin việc theo mẫu (p.121)						- Củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản. Các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 5: Money, money, money	1	1	2	4	8	
- Nói 1: Chia sẻ về những trải nghiệm đã qua thông qua hội thoại và kể chuyện (p.124, 129) - Nghe 1: Nghe ý chính và điền thông tin vào chỗ trống và trả lời câu hỏi (p.126, 130)						- Thì quá khứ hoàn thành - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ hoàn thành - Từ vựng về kinh tế và tiền tệ

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
- Đọc: các số liệu và ghép thông tin chính với từng đoạn văn (P. 125,127). - Viết: Viết câu sử dụng từ gợi ý.						- Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ hoàn thành (PII)
Consolidation Modules 1-5			1	1	2	- Đọc và dịch lại bài. Hoàn thành các bài tập đi kèm
PROGRESS TEST 2			1	1	2	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		1		1	2	- Ôn tập theo nội dung cho trước.
Cộng	5	11	14	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Toán cao cấp 1**
- Tiếng Anh: **Advanced Mathematics 1**
- Mã học phần: **KĐTO2101**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - Bài tập: 16 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 80 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học Đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn.

- *Về kỹ năng:* Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Phần đại số tuyến tính và hình học giải tích gồm các kiến thức cơ bản về Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai.
- Phần giải tích toán học gồm các kiến thức cơ bản về hàm số một biến số.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Toán học cao cấp (Tập 1,2)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.
2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, 2018, *Bài tập Toán cao cấp*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Bài tập Toán cao cấp (Tập 1,2)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải có mặt trên lớp từ 70% tiết trở lên.
- Trong mỗi buổi học sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ sách, vở.
- Sinh viên phải làm đầy đủ bài tập về nhà và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên trong mỗi buổi học.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 02 bài kiểm tra viết hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Chương 1: Ma trận và định thức	5	3		8	15	
1.1. Ma trận	2	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận, định thức.
1.2. Định thức của ma trận vuông	2	1				
1.3. Ma trận nghịch đảo	1	1				
Chương 2: Hệ phương trình tuyến tính	5	3	1	9	15	
2.1. Định nghĩa						Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ phương trình.
2.2. Hệ Cramer	1	1				
2.3. Giải hệ phương trình tuyến tính trường hợp tổng quát	1	2				
- Kiểm tra	3		1			
Chương 3: Không gian véc tơ và dạng toàn phương	5	4		9	20	
3.1. Định nghĩa không gian véc tơ	1					Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về không gian véc tơ và dạng toàn phương.
3.2. Sự phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính của một hệ véc tơ	1	1				
3.3. Hạng của một hệ véc tơ	1	1				
3.4. Dạng toàn phương	2	1				
Chương 4: Các mặt bậc hai	4	1		5	10	
4.1 Mặt cầu, mặt Elipxoit	1					Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các mặt bậc hai.
4.2 Mặt hypecboloit một tầng và hai tầng	1					
4.3 Mặt parabolit elliptic. Mặt Prabolit hypecbolic	1					
	1	1				

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
4.4 Mặt trụ bậc hai và mặt nón bậc hai						
Chương 5: Hàm số một biến số	8	5	1	14	20	
5.1. Các hàm lượng giác ngược	1					Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về Hàm số một biến số
5.2 Hàm số cho ở dạng tham số. Tọa độ cực	1	1				
5.3 Các định lý L'Hospital về giới hạn	1	1				
5.4. Tích phân suy rộng	3	2				
5.5. Chuỗi số	2	1	1			
Kiểm tra						
5.6 Chuỗi hàm						
Cộng	27	16	2	45	80	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Toán cao cấp 2**
 - Tiếng Anh: **Advanced Mathematics 2**
- Mã học phần: **KĐTO2102**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biên trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: *Toán cao cấp 1*
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học Đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học như: Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến. Tích phân của hàm nhiều biến, Phương trình vi phân làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn.
- *Về kỹ năng:* Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích

lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến.
- Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2.
- Phương trình vi phân: Phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân tuyến tính cấp một và phương trình vi phân cấp 2.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Toán học cao cấp (Tập 3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.
2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, 2018, *Bài tập Toán cao cấp*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

3. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Bài tập Toán cao cấp Tập 2,3*), Nhà xuất bản Giáo Dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải có mặt trên lớp từ 70% tổng số tiết trở lên.
- Trong mỗi buổi học sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ sách, vở.
- Sinh viên phải làm đầy đủ bài tập về nhà và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên trong mỗi buổi học.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	<input checked="" type="checkbox"/>	Trắc nghiệm	<input type="checkbox"/>	Vấn đáp	<input type="checkbox"/>	Thực hành	<input type="checkbox"/>
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	---------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Chương 1: Hàm số nhiều biến số	4	4		8	20	
1.1 Khái niệm hàm số nhiều biến số 1.2 Giới hạn và tính liên tục của hàm nhiều biến. 1.3 Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần của hàm nhiều biến. 1.4 Cực trị của hàm nhiều biến 1.4.1 Cực trị không có điều kiện ràng buộc 1.4.2 Cực trị có điều kiện ràng buộc	1 1 1	2 1 1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về đạo hàm riêng, cực trị hàm nhiều biến
Chương 2: Tích phân của hàm nhiều biến	6	5	1	12	20	
2.1 Tích phân hai lớp (Tích phân kép) 2.1.1 Định nghĩa 2.1.2 Các tính chất của tích phân 2 lớp 2.1.3 Cách tính tích phân 2 lớp Kiểm tra	2	3	1			Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về tích phân 2 lớp.
2.2 Tích phân ba lớp (Tích phân bội ba) 2.2.1 Định nghĩa 2.2.2 Các tính chất của tích phân 3 lớp 2.2.3 Cách tính tích phân 3 lớp	2	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về tích phân 3 lớp.
2.3 Tích phân đường 2.3.1 Tích phân	2	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm

đường loại một 2.3.2 Tích phân đường loại hai						bài tập về tích phân đường.
Chương 3: Phương trình vi phân	5	4	1	10	20	
3.1 Phương trình vi phân cấp một 3.2 Phương trình vi phân cấp hai Kiểm tra	3 2	2 2	1			Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về phương trình vi phân..
Tổng	15	13	2	30	60	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tin học đại cương**
 - Tiếng Anh: **General Informatics**
- Mã học phần: **CTKH2151**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết: Toán cao cấp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Thực hành trên lớp: 9 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
 - Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học máy tính và ứng dụng, Khoa Công nghệ Thông tin

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày các kiến thức cơ bản về thông tin, công cụ xử lý thông tin, áp dụng được các phần mềm thông dụng ứng dụng hỗ trợ trong công tác văn phòng, và khai thác Internet.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng được các kỹ năng có thể sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: Soạn thảo tài liệu; Quản lý dữ liệu qua các bảng tính; Trình chiếu; Khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; Tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng.

– *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần xây dựng cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, phân loại, sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng. Nội dung chính gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.
- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Tài liệu học tập

4.1. Sách, giáo trình chính

1. Trí Việt (2012), Tự học MicroSoft Excel 2010, NXB Văn hóa Thông tin.
2. Trí Việt (2011), Tự học MicroSoft Word 2010, NXB Hồng Bàng.
3. Trí Việt (2011), Tự học MicroSoft Power point 2010, NXB Văn hóa thông tin.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Công Tuấn-Công Bình (2010), 20 Bài thực hành MicroSoft Word 2010, NXB Văn hóa Thông tin.
2. Công Tuấn-Công Bình (2010), 20 Bài thực hành MicroSoft Excel 2010, NXB Văn hóa Thông tin.
3. Bùi Thế Tâm (2010), Giáo trình Tin học đại cương, NXB Giao thông Vận tải.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, phân tích, xử lý số liệu, đàm thoại, thu thập số liệu, tự học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên phải tham gia giờ trên lớp, tham gia thực hành theo số tiết qui định. Đảm bảo đầy đủ, đạt yêu cầu các bài kiểm tra giữa học kỳ.
- Bài tập: Hoàn thành tất cả các bài tập thực hành trên lớp, bài tập về nhà.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết, hoàn thiện các bài tập thực hành trên máy tính.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)							
	LT	BT	K T	T H	Tổng cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ TIN HỌC	2			1	3	6		
1.1. Thông tin và xử lý thông tin	1				1	2	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC [1], TLĐT [1] - SV chuẩn bị các kiến thức cơ bản để nhận biết các thiết bị của máy tính. 	
1.2. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử								
1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính	0.5				0.5	1		
1.4. Virus tin học và cách phòng chống	0.5				1	1.5		3
1.5. Mạng máy tính và Internet								
1.6. Ứng dụng của công nghệ thông tin								
CHƯƠNG 2. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS	2			1	3	6		
2.1. Giới thiệu chung	1				1	2	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC [1], TLĐT [1] - SV phải thao tác được với hệ điều hành Windows 	
2.1.1. Khái niệm Hệ điều hành								
2.1.2. Chức năng của Hệ điều hành								
2.1.3. Sự phát triển của Hệ điều hành								
2.1.4. Giới thiệu một số Hệ điều hành phổ biến								
2.2. Hệ điều hành Windows	1				1	2		4
2.2.1. Giao diện của hệ điều hành Windows								

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	K T	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.2.2. Quản lý tệp tin, thư mục							
2.2.3. Quản lý đĩa từ 2.5.4. Thay đổi cấu hình (Control Panel)							
CHƯƠNG 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN.	6		1	3	10	20	
3.1. Giới thiệu màn hình làm việc	0.5				0.5	1	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.2. Các thao tác cơ bản							
3.3. Thực hiện định dạng văn bản	2			1	3	6	
3.3.1. Định dạng ký tự (Font)							
3.3.2. Định dạng đoạn văn bản (Paragraph)							
3.3.3. Bao khung và tô nền cho đoạn văn							
3.3.4. Đánh chỉ mục tự động đầu đoạn văn bản (Bullets and Numbering)							
3.3.5. Chia cột văn bản (Columns)							
3.3.6. Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap)							
3.3.7. Định dạng Tab							
3.4. Chèn các đối tượng vào văn bản	1.5			1	2.5	5	- Đọc TLC [2],
3.4.1. Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol)							
3.4.2. Chèn chữ nghệ thuật (Word Art)							
3.4.3. Chèn ClipArt và hình ảnh							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	K T	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box) 3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes) 3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart) 3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán học (Equation)							TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.5. Bảng biểu 3.5.1. Tạo bảng 3.5.2. Các thao tác trên bảng 3.5.3. Định dạng trên bảng 3.5.3. Tính toán trên bảng	1			0.5	1.5	3	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.6. Một số chức năng khác	0.5			0.5	1	2	
3.6.1. Tìm kiếm và thay thế 3.6.2. Đặt chế độ tự động 3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm 3.6.4. Tạo bookmark 3.6.5. Tạo mục lục tự động 3.6.6. Trộn thư							- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.7. In ấn 3.7.1. Định dạng trang in 3.7.2. Tạo Header and Footer 3.7.3. Ngắt trang 3.7.4. Chèn số trang 3.7.5. Xem trước khi in 3.7.6. Thực hiện lệnh in	0.5				0.5	1	máy theo hướng dẫn của GV

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	K T	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel <i>4.1.1. Giới thiệu</i> <i>4.1.2. Màn hình làm việc</i> <i>4.1.3. Cấu trúc một Workbook</i> <i>4.1.4. Cấu trúc một Worksheet</i>	0.5				0.5	1	
<i>4.1.5. Các kiểu dữ liệu và các toán tử</i>							
4.2. Các thao tác cơ bản	0.5			0.5	1	2	
<i>4.2.1. Xử lý trên vùng</i> <i>4.2.2. Thao tác trên cột và dòng</i> <i>4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin</i> <i>4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel</i>							
4.3. Các hàm cơ bản trong Excel	3			1.5	4.5	9	
<i>4.3.1. Cách sao chép công thức</i> <i>4.3.2. Cú pháp chung của hàm</i> <i>4.3.3. Cách sử dụng các hàm</i> <i>4.3.4. Các hàm thông dụng</i>							- Đọc TLC [3], TLĐT [3] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
4.4. Cơ sở dữ liệu <i>4.4.1. Khái niệm</i>	1			0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	K T	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu 4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu							
4.5. Biểu đồ trong Excel	0.5			0.5	1	2	
4.5.1. Các thành phần của biểu đồ 4.5.2. Các bước dựng biểu đồ 4.5.3. Điều chỉnh và định dạng biểu đồ							
4.6. In ấn 4.6.1. Định dạng trang in 4.6.2. Xem văn bản trước khi in 4.6.3. In tài liệu	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4	8	
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn	0.5				0.5	1	- Đọc TLC [4] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint							
5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0.5			0.5	1	2	
5.4. Cập nhật và định dạng 5.4.1. Cửa sổ trong các Slide	1.5			0.5	2	4	
5.4.2. Thao tác trên Slide 5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình							
5.5. Thực hiện một buổi trình diễn		0.5					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	K T	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Cộng	19		2	9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hóa học đại cương**
 - Tiếng Anh: **General chemistry**
- Mã học phần: **KDHO2101**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 16 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Sinh viên phát biểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương.
 - + Sinh viên vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo.
- Về kỹ năng:
 - + Vận dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong nội dung học phần.

+ Áp dụng kiến thức đã học để giải thích các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.

+ Hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tính toán và sáng tạo cho sinh viên.

+ Trau dồi năng lực vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Nhiệt động học của một số quá trình hóa học.
- Động hóa học và xúc tác.
- Hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học.
- Dung dịch và các kiến thức liên quan.
- Một số quá trình điện hóa học.
- Hiện tượng bề mặt – dung dịch keo.

Các kiến thức đại cương này giúp cho sinh viên học tiếp các kiến thức cơ sở của hóa học như hóa học vô cơ, hóa học hữu cơ, hóa học phân tích v.v, cũng như vận dụng sự hiểu biết này đối với việc nghiên cứu các chuyên ngành có liên quan đến hóa học như môi trường, quản lý đất đai, khí tượng thủy văn, khoa học biển, biến đổi khí hậu, địa chất và nhiều chuyên ngành khác.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Ngọc Anh (chủ biên) (2016), *Hóa học đại cương*, NXB ĐHQG Hà Nội.
2. Nguyễn Hạnh (2012), *Cơ sở lý thuyết Hóa học, Phần II*, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. Lê Mậu Quyền (2010), *Cơ sở lý thuyết Hóa học, Phần bài tập*, NXB KH&KT.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lâm Ngọc Thiềm (2002), *Bài tập Hóa học đại cương*, NXB ĐHQG Hà Nội.
2. Đào Đình Thúc (2011), *Hóa học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Học phần này được coi là học phần cơ bản nhất của Hóa học, chính vì vậy sinh viên cần hiểu rõ các khái niệm, định luật cơ bản và biết vận dụng vào từng trường hợp cụ thể. Do đó giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, làm việc nhóm là chính. Giảng viên hướng dẫn các phần khó hiểu tại lớp, phần dễ hiểu hướng dẫn sinh viên tự học ở nhà. Ngoài ra có thể sử dụng phương pháp dạy học theo dự án, bản đồ tư duy trong giảng dạy học phần này.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.
- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Đại cương về nhiệt động học	4	2	1	7	14	
1.1. Nguyên lý I của nhiệt động học và áp dụng vào Hóa học 1.1.1. Các khái niệm: Hệ nhiệt động học, trạng thái, quá trình, hàm trạng thái, nhiệt, công, qui ước dấu nhiệt động học 1.1.2. Nội năng. Nguyên lý I của nhiệt động học 1.1.3. Áp dụng nguyên lý I của nhiệt động học vào Hóa học	2			2	4	- Đọc TLC 1 từ trang 13-43 - Làm bài tập trang 44-48 TLC 1. - Làm bài tập TLC 3 và TLĐT 1
1.2. Nguyên lý II của nhiệt động học và áp dụng vào Hóa học. 1.2.1. Khái niệm entropi. Nguyên lý II của nhiệt động học 1.2.2. Thế nhiệt động đẳng nhiệt, đẳng áp. Các yếu tố ảnh hưởng đến thế nhiệt động đẳng nhiệt, đẳng áp 1.2.3. Cách tính ΔG của phản ứng và xác định chiều diễn biến của quá trình hoá học	2			2	4	
1.3. Bài tập chương 1		2		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4. Thảo luận			1	1	2	Thảo luận các bài tập khó
Chương 2. Đại cương về động hóa học	1,5	2		3,5	7	
2.1. Một số khái niệm (Tốc độ phản ứng, phân tử số, bậc riêng phần, bậc toàn phần của phản ứng)	0,5			0,5	2	- Đọc và làm bài tập trong TLC 1 từ trang 49-62. - Làm bài tập TLC 3 và TLĐT 1. - Đọc TLĐT 2 mục VIII trang 216
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng.	0,5			0,5		
2.3. Phương trình động học của các phản ứng có bậc đơn giản 2.3.1. Phương trình động học của phản ứng bậc 1 2.3.2. Phương trình động học của phản ứng bậc 2	0,5			0,5	1	
2.4. Bài tập chương 2		2		2	4	
Chương 3. Cân bằng hóa học	1,5	2	2	5,5	11	
3.1. Các khái niệm 3.1.1. Phản ứng thuận nghịch 3.1.2. Cân bằng hóa học 3.1.3. Phương trình đẳng nhiệt Van't Hoff và hằng số cân bằng	1			1	2	- Đọc và làm bài tập trong TLC 1 từ trang 63-78 - Làm bài tập TLC 3 và TLĐT 1 - Đọc TLĐT 2 mục IV trang 99
3.2. Sự chuyển dịch cân bằng 3.2.1. Nguyên lý chuyển dịch cân bằng Le Châtelier 3.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hóa học	0,5			0,5	1	
3.3. Bài tập chương 3		2		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Thảo luận			1	1	2	Chữa bài kiểm tra
Chương 4: Dung dịch	4	3		7	14	
4.1. Một số khái niệm 4.1.1. Một số định nghĩa: Dung dịch, dung dịch bão hòa, dung dịch lý tưởng, nhiệt hòa tan 4.1.2. Nồng độ của dung dịch 4.1.3. Quá trình hòa tan, độ hòa	0,5			0,5	1	- Đọc và làm bài tập trong TLC 1 từ trang 79-112. - Đọc TLĐT 2 mục VI trang 160.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>tan</i>						
4.2. Tính chất của dung dịch 4.2.1. Áp suất hơi bão hòa của dung dịch 4.2.2. Nhiệt độ sôi và nhiệt độ đông đặc của dung dịch 4.2.3. Áp suất thẩm thấu						
4.3. Dung dịch chất điện li 4.3.1. Khái niệm về chất điện li, Độ điện li. Hằng số điện li 4.3.2. Cân bằng trong dung dịch	3,5			3,5	7	
4.4. Bài tập chương 4		3		3	6	
Chương 5. Các quá trình điện hóa học	3	2		5	10	
5.1. Pin điện hóa 5.1.1. Khái niệm về pin điện hóa và điện cực 5.1.2. Sức điện động của pin 5.1.3. Thế điện cực và cách xác định thế điện cực. Phương trình Nernst 5.1.4. Xác định hằng số cân bằng và chiều của phản ứng oxi – hóa khử dựa vào thế điện cực	2,5			2,5	5	- Đọc và làm bài tập trong TLC 1 từ trang 113-137. - Đọc TLĐT 2 mục IX trang 245.
5.2. Sự điện phân 5.2.1. Khái niệm về sự điện phân 5.2.2. Sự phân cực 5.2.3. Thế phân hủy và quá thế 5.2.4. Điện phân chất điện li 5.2.5. Định luật Faraday	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2 trang 207-231
5.3. Bài tập chương 5		2		2	4	
Chương 6. Hiện tượng bề mặt	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
và dung dịch keo						
6.1. Hiện tượng bề mặt và năng lượng bề mặt 6.1.1. Hiện tượng bề mặt 6.1.2. Năng lượng bề mặt 6.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lượng bề mặt	0,5			0,5	1	- Đọc sách TLC 1 từ trang 138-144. - Đọc TLC 2 trang 163-182.
6.2. Sự hấp phụ và hấp thụ 6.2.1. Định nghĩa 6.2.2. Hấp phụ vật lý và hóa học 6.2.3. Chất hoạt động bề mặt 6.2.4. Sự hấp thụ trên ranh giới rắn – khí và rắn – dung dịch 6.2.5. Sự thấm ướt	1			1	2	
6.3. Dung dịch keo 6.3.1. Điều chế và tính chất của dung dịch keo. 6.3.2. Cấu tạo của hạt keo và sự đông tụ keo.	0,5			0,5	1	
Cộng	16	11	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Xác suất thống kê**
 - Tiếng Anh: **Probability theory and mathematical statistics**
- Mã học phần: **KĐTO2106**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biên trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp (KĐTO2108 hoặc KĐTO2101)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 64 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu.
- *Về kỹ năng:* Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình xác suất thống kê và tiếp cận học các môn chuyên ngành;

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất (Chương này trình bày các khái niệm cơ bản về xác suất, tính chất, công thức tính xác suất)

Chương 2: Đại lượng ngẫu nhiên (Chương này trình bày khái niệm đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối thông dụng)

Chương 3: Lý thuyết mẫu (Chương này trình bày khái niệm mẫu, các số đặc trưng mẫu và bài toán ước lượng tham số)

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Ngọc Linh, Mai Ngọc Diệu, Nguyễn Tài Hoa (2015), *Xác suất thống kê*, NXB ĐHQG HN.
2. Phạm Văn Kiều (2000), *Giáo trình xác suất và thống kê*, NXB Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm

3. Đặng Hùng Thắng (2000), *Mở đầu về xác suất và các ứng dụng*, NXB Giáo dục.
4. Đặng Hùng Thắng (2000), *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, có mặt trên lớp tối thiểu: 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm <input type="checkbox"/>	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành <input type="checkbox"/>	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành **9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
CHƯƠNG 1. BIẾN CỐ NGẪU NHIÊN VÀ XÁC SUẤT	5	5	1	11	23	
1.1. Biến cố và phép thử ngẫu nhiên	1				3	Đọc [1] [2] phần biến cố, phép thử ngẫu nhiên, các định nghĩa về xác suất
1.2. Khái niệm và các định nghĩa về xác suất	1	1			2	
1.3. Các quy tắc tính xác suất	1	2	1		6	Đọc [1] phần các quy tắc tính xác suất
1.4. Công thức xác suất toàn phần. Công thức Bayes	1	1			6	Đọc [1] phần công thức xác suất toàn phần, Bayes
1.5. Công thức xác suất nhị thức	1	1			6	Đọc [2] phần công thức xác suất nhị thức
CHƯƠNG 2. ĐẠI LƯỢNG NGẪU NHIÊN	4	4	2	10	21	
a. Đại lượng ngẫu nhiên và phân phối xác suất	1	1			7	Đọc [1] [2] phần đại lượng ngẫu nhiên và phân phối
b. Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên	1	2			6	Đọc [2] phần các tham số đặc trưng
c. Đại lượng ngẫu nhiên hai chiều	1				3	Đọc [1] phần đại lượng ngẫu nhiên hai chiều
d. Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng	1	1			5	Đọc [1] phần một số quy luật phân phối
Kiểm tra			2			

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
						thường gặp
CHƯƠNG 3. LÝ THUYẾT MẪU	4	4	1	9	20	
3.1. Một số khái niệm	1	1			5	Đọc [2] phần mẫu ngẫu nhiên
3.2. Ước lượng một số tham số lý thuyết	1	1	1		7	Đọc[1] [2] phần ước lượng 1 số tham số lý thuyết
3.3. Ước lượng tham số lý thuyết bằng khoảng tin cậy	2	2			8	Đọc[1] [2] phần ước lượng khoảng tin cậy
Cộng	13	13	4	30	64	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Cơ sở địa lý biển và đại dương**
Tiếng Anh: **General Geography of Ocean and Sea**
- Mã học phần: **GGO101**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
- Bài tập: 02 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển Khoa Khoa học biển & Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển biển và đại dương, các quy luật địa lý xảy ra trong lớp vỏ địa lý đại dương và các đặc điểm hoạt động của chúng, cũng như những nét cơ bản về tài nguyên của biển và đại dương, bao gồm cả của Biển Đông
- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng thực hành quan sát và phân tích các hiện tượng địa lý xảy ra trong biển và đại dương.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, yêu thích lĩnh vực khoa học về biển

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1: Khái quát chung về địa lý tự nhiên biển và đại dương

Chương 2: Cơ sở lý thuyết địa lý tự nhiên biển và đại dương

Chương 3: Các đặc trưng cơ bản của đại dương thế giới

Chương 4: Tài nguyên biển và đại dương

Chương 5: Quản lý tài nguyên và môi trường biển

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Vũ Văn Phái (2007). *Cơ sở địa lý tự nhiên biển và đại dương*. NXB ĐHQG, Hà Nội.

(2) Trần Nghi (2005). *Địa chất biển*. NXB ĐHQG Hà Nội.

(3) Phạm Văn Huân (2003). *Tính toán trong hải dương học*, NXB ĐHQG Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Võ Văn Minh (2007). *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB Đại học sư phạm Đà Nẵng.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra cùng hệ số. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thực hành
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
1	-2	-3	-4	-5	-6	-7
Chương 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG	2	0	0	2	6	Đọc TLC 1, chương 1;
1.1. Định nghĩa, đối tượng và nội dung	0.5			0.5	1.5	
1.2. Khái quát về lịch sử nghiên cứu địa lý biển và đại dương	1			1	3	
1.3. Một số nét về sử dụng tài nguyên và nghiên cứu địa lý biển của Việt Nam	0.5			0.5	1.5	
Chương 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG	6	0	1	7	21	Đọc TLC 2, chương 2;
2.1. Khái quát chung về Trái đất	2			2	6	
2.2. Cơ sở lý thuyết địa lý tự nhiên đại dương	2			2	6	
2.3. Tương tác đại dương-khí quyển-lục địa	2			2	6	
Kiểm tra chương 1+2			1	1	3	
Chương 3. CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA ĐẠI DƯƠNG THẾ GIỚI	6	0	1	7	21	Đọc TLC 3, chương 3;
3.1. Phân chia đại dương và biển	1			1	3	
3.2. Mực nước đại dương và nguyên nhân dao động của nó	1			1	3	
3.3. Địa hình bờ và đáy đại dương	2			2	6	
3.4. Trầm tích biển	1			1	3	

3.5. Các đặc trưng của khối nước trong đại dương	1		1	2	6	Đọc TLC 4, chương 4;
Chương 4. TÀI NGUYÊN BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG	4	4	0	8	24	
4.1. Quan niệm chung về tài nguyên thiên nhiên	1	1		2	6	
4.2. Tài nguyên sinh vật	1	1		2	6	
4.3. Tài nguyên không sinh vật	2	2		4	12	
Chương 5. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN	6	0	0	6	18	Đọc TLC 5, chương 5;
5.1. Các hình thức sử dụng tài nguyên biển	1			1	3	
5.2. Ô nhiễm biển	1			1	3	
5.3. Quản lý biển	1			1	3	
5.4. Quản lý thống nhất đới bờ biển	1			1	3	
5.5. Phân chia các vùng biển theo Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật biển 1982	2			2	6	
Tổng	24	4	2	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Cơ sở khoa học môi trường**
- Tiếng Anh: **Fundamentals of Environmental Science**

- Mã học phần: **MTQM2301**

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biến trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường; Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; Phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực

- *Về kỹ năng:* vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có thái độ đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức chung liên quan đến môi trường và khoa học môi trường, các thành phần cơ bản của môi trường, tài

nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường; Các vấn đề về dân số, lương thực thực phẩm, năng lượng và phát triển bền vững

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lưu Đức Hải (2007), *Cơ sở khoa học môi trường*, NXB ĐHQG Hà Nội.
2. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2008), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục.
3. Bùi Thị Nga (2008), *Cơ sở khoa học môi trường*. Đại học Cần Thơ.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;
2. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;
3. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
4. Luật bảo vệ môi trường 2014;
5. Nghị quyết số 63/NQ-CP, ngày 23/12/2009 của chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia;

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Trường hợp nghỉ phải được sự đồng ý theo quy định.
- Sinh viên sẽ làm việc nhóm, thảo luận và hoàn thành 01 bài báo cáo theo yêu cầu, hình thức trình bày dạng Powerpoint, báo cáo trước lớp
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thực hành
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG	5		1	6	12	Đọc Chương 1, giáo trình 1; Điều 3, Luật BVMT
1.1. Một số khái niệm liên quan tới môi trường	1			1	2	
1.2. Phân loại môi trường						
1.2. Các chức năng của môi trường	1			1	2	
1.3. Quan hệ giữa môi trường và phát triển						
1.4. Ô nhiễm, suy thoái và khủng hoảng môi trường	2		1	3	6	
1.5. Quan hệ giữa khoa học môi trường, công nghệ môi trường và quản lý môi trường	1			1	2	
Chương 2. CÁC THÀNH PHẦN CƠ BẢN CỦA MÔI TRƯỜNG	5		1	6	12	Đọc chương 2, giáo trình 1 và Chương 2, giáo trình 2
2.1. Thạch quyển 2.1.1. Sự hình thành và cấu trúc của Trái đất 2.1.2. Sự hình thành đá 2.1.3. Sự hình thành đất						
2.2. Thủy quyển 2.2.1. Cấu tạo hình thái của thủy quyển 2.2.2. Vòng tuần hoàn nước 2.2.3. Đặc điểm các nguồn nước	3		1	4	8	
2.3. Khí quyển 2.3.1. Thành phần của không khí 2.3.2. Cấu trúc khí quyển	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.3 Chế độ nhiệt, bức xạ và hoàn lưu khí quyển						
2.4. Sinh quyển						
Chương 3. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG	2		4	7	14	
3.1. Ô nhiễm nước 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm nước 3.1.3. Giải pháp bảo vệ nguồn nước	1		1	2	4	Đọc giáo trình 1, chương 5; giáo trình 2, chương 8 Tham khảo các tài liệu trên Internet
3.2. Ô nhiễm khí quyển 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm khí quyển 3.1.3. Giải pháp hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm khí quyển 3.1.4. Các tác động toàn cầu của ô nhiễm khí quyển (nguyên nhân, hậu quả, giải pháp hạn chế)	1		3	4	8	
3.4. Ô nhiễm và suy thoái đất 3.4.1. Khái niệm 3.4.2. Nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm và suy thoái đất 3.4.3. Giải pháp hạn chế ô nhiễm và suy thoái đất	1			1	2	
Chương 4. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	4		1	5	10	Đọc giáo trình 1, chương 4
4.1. Đặc điểm chung và phân loại tài nguyên	1			1	2	Các nội dung tìm hiểu đối với mỗi loại tài nguyên: - Vai trò; - Hiện trạng tài nguyên;
4.2. Tài nguyên nước						
4.3. Tài nguyên đất	1			1	2	
4.4. Tài nguyên khoáng sản						
4.5. Tài nguyên Biển	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.5. Tài nguyên rừng và sinh vật						- Các tác động của con người đối với tài nguyên
4.6. Tài nguyên khí hậu và cảnh quan	1			1	2	- Giải pháp khai thác, sử dụng hiệu quả và bảo vệ tài nguyên;
Kiểm tra 1 tiết (chương 1,2,3)			1	1	2	
Chương 5. CÁC VẤN ĐỀ NỀN TẢNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	4			4	8	Đọc giáo trình 1, chương 7; giáo trình 2, chương 10 Tham khảo tài liệu trên Internet
5.1. Vấn đề về dân số 5.1.1. Khái niệm Bùng nổ dân số? 5.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề và môi trường	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu cơ bản nêu trong “Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020”.
5.2. Vấn đề về lương thực thực phẩm của loài người 5.2.1. Khái niệm an ninh lương thực? 5.2.2. Sản xuất và tiêu dùng lương thực với vấn đề môi trường	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu cụ thể và nhiệm vụ, giải pháp được đưa ra trong Nghị quyết số 63/NQ-CP, ngày 23/12/2009 của chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.
5.3. Vấn đề năng lượng 5.3.1. Các dạng năng lượng cơ bản 5.3.2. Tác động của việc sản xuất và sử dụng năng lượng đối với môi trường;	1			1	2	Đọc mở rộng mục tiêu và định hướng phát triển về năng lượng được nêu trong “Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						2050”.
5.4. Phát triển bền vững (PTBV) 5.4.1. Khái niệm PTBV 5.4.2. Nguyên tắc PTBV 5.4.3. Mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu phát triển bền vững được nêu trong “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Phương pháp tính**
- Tiếng Anh: **Calculation methods.**
- Mã học phần: **KĐTO2107**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biên trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, khoa Khoa học Đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản trong giải tích số, hiểu được mối liên hệ giữa việc giải các bài toán thực tế và tính toán khoa học (trong khoa học - công nghệ, kinh tế và xã hội) với tin học, toán học tính toán và toán học lý thuyết; các khái niệm về sai số; các dạng bài toán cơ bản: cơ sở, nội dung chính và một số tính chất quan trọng nhất của những phương pháp thông dụng giải gần đúng các bài toán đó; thuật toán và biết một số ưu, nhược điểm chính của các phương pháp đã học (độ tin cậy, hiệu quả, khả năng thực hiện được trong thực tế). Vận dụng các phương pháp và thuật toán cơ bản để giải những bài toán liên quan.

Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập về sai số, tính gần đúng, thực hành các bài toán trong chương trình phương pháp tính và tiếp cận học các môn chuyên ngành;

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Giới thiệu một số dạng bài toán như:

- Nội suy, xấp xỉ và sai số.
- Tính gần đúng nghiệm thực của phương trình.
- Đa thức nội suy và phương pháp bình phương bé nhất.
- Tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác định.
- Phương trình vi phân;

và các phương pháp tính cơ bản để giải các bài toán đó. Tập trung vào ý tưởng và thuật toán của các phương pháp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Dương Thủy Vỹ (2002). *Phương pháp tính*. NXBKHKHT, Hà Nội
2. Tạ Văn Đĩnh (2000), *Phương pháp tính*. NXB Giáo dục.

4.1. Tài liệu đọc thêm

1. Trần Anh Bảo, Nguyễn Văn Khải, Phạm Văn Kiều, Ngô Xuân Sơn (2007), *Giải tích số*. NXB ĐHSP
2. Phạm Kỳ Anh (2000). *Giải tích số*. NXB ĐHQG HN.
3. Phan Văn Hạp và Lê Đình Thịnh (2000). *Phương pháp tính và các thuật toán*. NXB Giáo dục

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Hiểu được mối liên hệ giữa việc giải các bài toán thực tế và tính toán khoa học (trong khoa học – công nghệ, kinh tế và xã hội) với tin học, toán học tính toán và toán học lý thuyết; nắm được các khái niệm về sai số; các dạng bài toán giải tích số cơ bản: cơ sở, nội dung chính và một số tính chất quan trọng nhất của những phương pháp thông dụng giải gần đúng các bài toán đó; Trình bày được thuật toán và biết một số ưu, nhược điểm chính của các phương pháp đã học (độ tin cậy, hiệu quả, khả năng thực hiện được theo trong thực tế). Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, có mặt trên lớp tối thiểu: 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần**8.1. Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
CHƯƠNG 1. SAI SỐ	3	2		4	60	
1.1 Sai số tuyệt đối và sai số tương đối.	1					Đọc tài liệu 1 chương 1
1.2 Cách viết số xấp xỉ				2		
1.3 Sai số quy tròn	1	1		1		
1.4 Xác định sai số của hàm biết các sai số của các đối số.	1			1		
CHƯƠNG 2. GIẢI GẦN ĐÚNG PHƯƠNG TRÌNH ĐẠI SỐ VÀ PHƯƠNG TRÌNH SIÊU VIỆT.	4	2		5	10	
2.1. Khoảng cách ly nghiệm.	1			1		Đọc tài liệu 1 chương 2
2.2. Phương pháp chia đôi.		1		1		
2.3. Phương pháp lặp.	1			1		
2.4. Phương pháp dây cung.	1	1		1		
2.5. Phương pháp tiếp tuyến (New ton)	1			1		
CHƯƠNG 3. GIẢI HỆ PHƯƠNG TRÌNH ĐẠI SỐ TUYẾN TÍNH.	3	2		5	10	
3.1. Phương pháp Gauss và phương pháp phần tử trội.	1			1		Đọc tài liệu 1 chương 3
3.2. Các phương pháp lặp.	1	1		1		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
3.2.1. Phương pháp lặp đơn và lặp Jacobi. 3.2.2. Phương pháp lặp Seidel và lặp Gauss- Seidel. 3.3. Phương pháp phân tích LU.	1	1		1 1 1		
CHƯƠNG 4. ĐA THỨC NỘI SUY VÀ PHƯƠNG PHÁP BÌNH PHƯƠNG BÉ NHẤT	3	1		7	10	
4.1. Đa thức nội suy và sơ đồ Hoocone. 4.2. Đa thức nội suy Lagrange. 4.3. Đa thức nội suy Newton. 4.3.1. Đa thức nội suy Newton trường hợp các nút nội suy không cách đều. 4.3.2. Đa thức nội suy Newton trường hợp các nút nội suy cách đều. 4.4. Nội suy bằng đa thức trên từng đoạn: nội suy Hermate và nội suy Spline. 4.5. Phương pháp bình phương bé nhất.	1 1 1 1 1 1	1		1 1 3 1 1		Đọc tài 1 liệu chương 4
CHƯƠNG 5. TÍNH GẦN ĐÚNG ĐẠO HÀM VÀ TÍCH PHÂN XÁC ĐỊNH.	3	1		4	10	
5.1. Tính gần đúng đạo hàm bằng sai phân. Ngoại suy Richardson. 5.2. Tính gần đúng tích phân xác định. 5.2.1. Công thức Newton-	1 1 1	1		1 3		Đọc tài 1 liệu chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Cotes. Công thức hình thang. 5.2.2. Công thức Simpson. Ước lượng sai số bằng phương pháp Runge.						
Kiểm tra			2			
CHƯƠNG 6. GIẢI GẦN ĐÚNG PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN THƯỜNG.	4	1		5	10	
6.1. Bài toán Cauchy. Phân loại phương pháp số. 6.2. Phương pháp Eule. 6.3. Phương pháp Euler cải tiến. 6.4. Phương pháp Runge – Kutta. 6.5. Phương pháp sai phân giải bài toán biên.	1 1 1 1	1				Đọc tài 1 liệu chương 6
Cộng	19	9	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Cơ sở khoa học quản lý**

Tiếng Anh: **General Management Science**

Mã học phần: **GMS103**

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biên trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
 - Bài tập: 12 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần cơ sở khoa học quản lý, người học phải trình bày được những kiến thức cơ bản như: Tổng quan về khoa học quản lý, môi trường quản lý, quy luật và quy tắc quản lý, thông tin và các chức năng của quản lý.
- *Về Kỹ năng:* Học phần này giúp sinh viên nắm bắt được thế nào quản lý, môi trường quản lý, các chức năng trong quản lý. Biết cách vận dụng khoa học quản lý vào thực tế hoạt động quản lý trong tổ chức.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản lý; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ

chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Cơ sở khoa học quản lý gồm 5 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đặc điểm của quản lý và khoa học quản lý; môi trường quản lý; quy luật và quy tắc quản lý; thông tin và các chức năng của quản lý. Từ đó giúp người học có thể triển khai được hoạt động quản lý trong các tổ chức cụ thể.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Marketing căn bản*, NXB Lao động.
2. Nguyễn Hoàn (2019), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Khoa học và kỹ thuật.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình quản trị học*, NXB Lao động.
2. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2013), *Đại cương khoa học quản lý*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội. .

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9.Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1: Tổng quan về khoa học quản lý	4	2		6	12	Đọc TL (1), Trang: 5 –141
1.1 Quản lý <i>1.1.1 Khái niệm và vai trò của quản lý</i> <i>1.1.2 Chức năng của quản lý</i> <i>1.1.3 Quản lý vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật và vừa là một nghề.</i>	2	1		3	6	
1.2 Khoa học quản lý <i>1.2.1 Đặc điểm, vai trò và đối tượng nghiên cứu của khoa học quản lý</i> <i>1.2.2 Sự phát triển của các tư tưởng quản lý</i>	2	1		3	6	
Chương 2: Môi trường quản lý	5	2		7	14	
2.1 Khái niệm và phân loại môi trường quản lý <i>2.1.1 Khái niệm</i> <i>2.1.2 Phân loại môi trường quản lý</i>	1	1		2	4	Đọc TL (1), Trang: 194 – 230
2.2 Ảnh hưởng của môi trường quản lý đối với tổ chức <i>2.2.1 Ảnh hưởng của môi trường quản lý bên ngoài đối với tổ chức</i> <i>2.2.2 Ảnh hưởng của môi trường quản lý bên trong đối với tổ chức</i>	4	1		5	10	
Chương 3: Quy luật và nguyên tắc quản lý	6	2		8	16	Đọc TLC (2) Trang: 5 – 96
3.1 Quy luật trong quản lý <i>3.1.1 Khái niệm và đặc điểm của quy luật</i> <i>3.1.2 Các quy luật trong quản lý</i>	2			2	4	

3.2 Nguyên tắc quản lý 3.2.1 <i>Khái niệm và vai trò của nguyên tắc quản lý</i> 3.2.2 <i>Các nguyên tắc quản lý cơ bản</i>	4	2		6	12	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4: Thông tin và quy trình ra quyết định quản lý	5	2		7	14	Đọc TLC (1) Trang: 231 – 332
4.1 Thông tin 4.1.1 <i>Khái niệm thông tin</i> 4.1.2 <i>Vai trò của thông tin</i> 4.1.3 <i>Đặc điểm và yêu cầu của thông tin</i>	1	1		2	4	
4.2 Hệ thống thông tin quản lý 4.2.1 <i>Khái niệm</i> 4.2.2 <i>Vai trò của hệ thống thông tin quản lý</i> 4.2.3 <i>Yêu cầu đối với hệ thống thông tin quản lý</i> 4.2.4 <i>Xây dựng hệ thống thông tin quản lý</i>	2			2	4	
4.3 Quyết định quản lý 4.3.1 <i>Khái niệm và phân loại quyết định quản lý</i> 4.3.2 <i>Đặc điểm quyết định quản lý</i> 4.3.3 <i>Nguyên tắc ra quyết định quản lý</i>	1	1		2	4	
4.4 Quy trình và phương pháp ra quyết định quản lý 4.4.1 <i>Quy trình ra quyết định quản lý</i> 4.4.2 <i>Phương pháp ra quyết định quản lý</i>	1			1	2	
Chương 5: Các chức năng quản lý	11	4	1	16	32	
5.1 Chức năng lập kế hoạch 5.1.1 <i>Khái niệm và vai trò của lập kế hoạch</i> 5.1.2 <i>Phân loại kế hoạch</i> 5.1.3 <i>Lập kế hoạch chiến lược</i>	2	1		3	6	

5.1.4 Lập kế hoạch tác nghiệp						
5.2 Chức năng tổ chức 5.2.1 Khái niệm và vai trò của chức năng tổ chức 5.2.2 Một số mô hình cơ cấu tổ chức quản lý	3	1		4	8	
5.3 Chức năng lãnh đạo 5.3.1 Khái niệm và vai trò của chức năng lãnh đạo 5.3.2 Một số phong cách lãnh đạo trong quản lý tổ chức	3	1		4	8	
5.4 Chức năng kiểm tra 5.4.1 Khái niệm và vai trò của chức năng kiểm tra 5.4.2 Nguyên tắc và quy trình kiểm tra 5.4.3 Các hình thức và kỹ thuật kiểm tra	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	31	12	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

.BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Kinh tế biển và hàng hải**
- Tiếng Anh: **Marine and Maritime Economics**

- Mã học phần: **KBQB2301**

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và Khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết: Cơ sở Tài nguyên và môi trường biển

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 37 tiết
- Làm bài tập trên lớp: 06 tiết
- Thảo luận, kiểm tra: 02 tiết
- Tự học: 135 tiết

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

+ Về kiến thức:

- Sinh viên hiểu và nắm bắt những kiến thức cơ bản kinh tế biển và hàng hải biển...;
- Những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên biển và kinh tế môi trường biển, kinh tế cảng biển. Những đặc trưng, các hình thức tổ chức trong hàng hải biển. Các chứng

từ liên quan đến hàng hoá vận chuyển bằng đường biển, nội dung các loại hợp đồng liên quan đến hàng hải biển,

+ *Về kỹ năng*: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên và môi trường biển làm cơ sở cho tiếp cận kinh tế trong quản tài nguyên và môi trường biển sau này.

+ *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, yêu thích ngành nghề biển; khả năng tự tìm tòi tư liệu và biết cách tổng hợp vấn đề.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

- Hiểu biết về những vấn đề chung của kinh tế biển và hàng hải, đặc trưng của sản xuất của kinh tế biển và hàng hải.

- Trình bày những kiến thức cơ bản liên quan đến tài nguyên biển bao gồm tài nguyên tái tạo, tài nguyên không tái tạo và tài nguyên cho phát triển ngành dịch vụ hàng hải, du lịch biển;

- Trình bày những kiến thức cơ bản liên quan đến môi trường biển như kiến thức về giá trị kinh tế của môi trường biển, Đánh giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm biển, các công cụ kinh tế sử dụng cho quản lý tài nguyên môi trường biển;

- Vận dụng các kiến thức về giá thành, giá cước vận chuyển đường biển trong các tình huống thực tế

- Hiểu biết về kinh tế cảng biển, thương vụ vận tải biển quốc tế

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh (Chủ biên), 2003. *Kinh tế và quản lý môi trường*. NXB thống kê, Hà Nội.

(2) PGS.TS. Nguyễn Văn Song (Chủ biên), 2009. *Giáo trình kinh tế tài nguyên*. NXB tài chính, Hà Nội.

(3) Vương Toàn Thuyên (Chủ biên), 1997. *Giáo trình Kinh tế vận tải biển - Đại học Hàng hải*

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) Bộ Khoa học công nghệ và môi trường, Cục Môi trường, 2000. Giới thiệu về công cụ kinh tế và khả năng áp dụng trong quản lý môi trường ở Việt Nam.

(2) Nguyễn Thế Chinh, 1999. *Áp dụng các công cụ kinh tế để nâng cao năng lực quản lý môi trường ở Hà Nội*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>

Dạy học theo dự án Dạy học thực hành Thu thập số liệu
 Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10. Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ BIỂN VÀ HÀNG HẢI	5			3	9	Đọc TL (1) Chương mở đầu
1.1 Đối tượng nghiên cứu	1,0					
1.2 Vai trò của kinh tế biển và hàng hải trong lĩnh vực sản xuất, phục vụ	1,0					
1.3 Chức năng quốc tế của kinh tế biển và hàng hải	1,0					
1.4 Đặc điểm của kinh tế biển và	1,0					

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
hàng hải						
1.5 Hiệu quả sản xuất của kinh tế biển và hàng hải	1,0					
CHƯƠNG II: KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN	10			10	30	Đọc TL (1) Chương 2
2.1 Tài nguyên biển	2			2	6	
2.1.1 Khái niệm.	1,0					
2.1.2 Phân loại tài nguyên biển.	1,0					
2.2 3 Tài nguyên biển không có khả năng tái tạo	2			2	6	
2.2.1 Mô hình kinh tế khai thác và sử dụng tài nguyên biển không có khả năng tái tạo: Khoáng sản biển.	1,0					
2.2.2 Vấn đề chiết khấu và tiết kiệm tài nguyên biển không có khả năng tái tạo.	1,0					
2.3 Tài nguyên biển có khả năng tái tạo	2			2	6	
2.3.1 Mô hình kinh tế khai thác và sử dụng tài nguyên biển có khả năng tái tạo: Hải sản biển.	1,0					
2.3.2 Vấn đề chiết khấu và tiết kiệm tài nguyên biển có khả năng tái tạo.	1,0					
2.4 Tài nguyên du lịch và hàng hải biển	2			2	6	
2.4.1 Tài nguyên du lịch biển.	1,0					
2.4.2 Tài nguyên hàng hải biển.	1,0					
2.5 Công cụ kinh tế và cơ chế tài chính trong quản lý tài nguyên biển	2			2	6	
2.5.1 Thuế tài nguyên biển.	0,5					
2.5.2 Phí dịch vụ tài nguyên biển	0,5					
2.5.3 Cơ chế tài chính liên quan đến	1,0					

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
tài nguyên biển.						
CHƯƠNG III: KINH TẾ MÔI TRƯỜNG BIỂN	9	3	1	13	39	Đọc TL (1) Chương 3
3.1 Môi trường biển	1			1	3	
3.1.1 Khái niệm môi trường biển	0,5					
3.1.2 Đặc điểm môi trường biển.	0,5					
3.2 Lượng giá kinh tế môi trường biển	2			2	6	
3.2.1 Giá trị kinh tế môi trường biển.	1,0					
3.2.2 Phương pháp lượng giá giá trị kinh tế môi trường biển	1,0					
3.3 Thiệt hại kinh tế do ô nhiễm môi trường biển.	3			3	9	
3.3.1 Khái niệm về thiệt hại kinh tế do ô nhiễm môi trường biển	1,5					
3.3.2 Đánh giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm môi trường biển	1,5					
3.4 Công cụ kinh tế trong quản lý môi trường biển.	3			3	9	
3.4.1 Thuế ô nhiễm môi trường biển	1,0					
3.4.2 Phí ô nhiễm môi trường biển	1,0					
3.4.3 Cota đánh bắt cá trên biển	1,0					
Bài tập		3		3	9	
Kiểm tra lần 1			1	1	3	
CHƯƠNG IV: KINH TẾ CẢNG BIỂN	5			5	15	Đọc TL (3) Chương 4
4.1 Những vấn đề chung về cảng biển	1,0					
4.2 Tài sản cố định ở cảng biển	1,0					
4.3 Tổ chức sản xuất kỹ thuật ở cảng biển	1,0					
4.4 Chi phí sản xuất phục vụ ở cảng biển	1,0					

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
4.5 Hiệu quả kinh tế của sản xuất ở cảng biển	1,0					
CHƯƠNG V: GIÁ THÀNH, GIÁ CƯỚC VẬN CHUYỂN ĐƯỜNG BIỂN	5			5	15	Đọc TL (3) Chương 3
5.1 Khái niệm, phân loại giá thành, giá cước vận chuyển	1,0					
5.2 Các loại chi phí	1,0					
5.3 Tính toán chi phí khai thác tàu	1,5					
5.4 Lợi nhuận khai thác tàu	1,5					
CHƯƠNG VI: THƯƠNG VỤ HÀNG HẢI BIỂN QUỐC TẾ	3	3	1	9	27	Đọc TL (3) Chương 5
6.1 Hợp đồng buôn bán	1,0					
6.2 Các loại chứng từ vận tải hàng hóa đường biển	1,0					
6.3 Hợp đồng thuê tàu vận chuyển hàng hóa	1,0					
Bài tập		3		3	9	
Kiểm tra			1	1	3	
TỔNG	37	6	2	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra; TH, TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: Tự nghiên cứu.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hải dương học đại cương**
 - Tiếng Anh: **General Oceanography**
- Mã học phần: **GOC101**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thủy văn đại cương, Khí tượng đại cương và Hải dương học

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
- Bài tập: 06 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
- Kiểm tra: 04 tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hải dương học, công nghệ biển và hàng hải, Khoa Khoa học biển & Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sinh viên phân tích được cấu tạo vật chất, hình thái, các tính chất lý hoá cơ bản của nước biển; giải thích được các hiện tượng, các quá trình diễn ra trong đại dương dưới ảnh hưởng của những ngoại lực và sự tương tác với lục địa và khí quyển.

- *Về kỹ năng*: Sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức đã học để tính toán, phân tích được sự phân bố các trường yếu tố hải văn trên đại dương nói chung và trên Biển Đông nói riêng. Sinh viên biết cách phân tích tổng hợp đáng giá tổng quan về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường biển.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, yêu thích lĩnh vực khoa học về biển

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Chương 1: Tổng quan về đại dương
- Chương 2: Các nhân tố hình thành, đặc điểm và tính chất khí tượng Hải văn và Môi trường biển.
- Chương 3: Các quá trình động lực trong đại dương
- Chương 4: Tài nguyên và quản lý tài nguyên và môi trường biển

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- (1) Phạm Văn Huân (1991), *Cơ sở hải dương học*, NXB Khoa học Kỹ thuật.
- (2) Nguyễn Văn Lai (2006), *Hải dương học*, NXB Xây dựng.
- (3) Phùng Ngọc Dĩnh (1999), *Tài nguyên Biển Đông Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

- (1) Phạm Văn Huân (2003), *Tính toán trong hải dương học*, NXB ĐHQG Hà Nội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra cùng hệ số. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐẠI DƯƠNG	4	0	2	6	18	
1.1. Đặc điểm chung của đại dương	2			2	6	Đọc TL (2) trang 19-44; Đọc TL (6) trang 11-20; Đọc TL (2) trang 48-69; Đọc TL (1) trang 4-6
1.2. Tính đối của đại dương	2			2	6	
1.3 Thảo luận:			2	2	6	
Chương 2. CÁC NHÂN TỐ HÌNH THÀNH, ĐẶC ĐIỂM, TÍNH CHẤT KHÍ TƯỢNG, HẢI VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN	8	0	2	10	30	
2.1. Thành phần hóa học và tính chất vật lý của nước biển	2			2	6	Đọc TL (1) trang 10-12;
2.1.1. Thành phần hóa học của nước biển	1			1	3	
2.1.2. Tính chất vật lý cơ bản nước biển	1			1	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Các trường nhiệt độ, độ muối, mật độ và áp suất trong đại dương	4			4	12	Đọc TL (2) trang 80-85
2.2.1. Trường Nhiệt độ	2			2	6	
2.2.2. Độ muối và mật độ	1			1	3	
2.2.3. Áp suất	1			1	3	
2.3. Tương tác khí quyển – đại dương	2			2	6	Đọc TL (1) trang 32-44
Ôn tập/kiểm tra			2	2	6	Ôn tập chương 1, 2
Chương 3. CÁC QUÁ TRÌNH ĐỘNG LỰC TRONG ĐẠI DƯƠNG	12	6	2	20	60	
3.1. Những lực cơ bản gây ra chuyển động của nước trong đại dương	2			1	6	Đọc TL (3) trang 9-13
3.2. Dòng chảy và hoàn lưu	2			1	6	Đọc TL (1) trang 78-86; Đọc TL (3) trang 13-20
3.3. Thủy triều	2	2		2	12	Đọc TL (5) trang 98-104; Đọc TL (3) trang 224-228; Đọc TL (5) trang 111-123.
3.4. Sóng	2	2		2	12	Đọc TL (1) trang 46-49; Đọc TL (5) trang 123-142
Bài tập/thảo luận		2		0	6	
3.5. Mục nước tổng hợp	2			2	6	Đọc TL (5) trang

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.5.1. Mục nước điều hòa	1			1	3	106-109
3.5.2. Mục nước phi điều hòa	1			1	3	
3.6. Nước dâng do bão	2			2	6	
Bài kiểm tra số 2			2	2	6	Ôn tập chương 3
Chương 4. TÀI NGUYÊN VÀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN	9	0	0	5	18	
4.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên biển	2			1	3	Đọc TL (3) trang 150-16
4.2. Tài nguyên sinh vật và hệ sinh thái biển	2			1	3	Đọc TL (3) trang 150-16
4.3. Tài nguyên khoáng sản biển	2			1	3	
4.4. Các dạng tài nguyên khác	2			1	3	Đọc TL (3) trang 171-175
4.5. Quản lý tài nguyên môi trường và phát triển bền vững	1			1	6	Đọc TL (5) trang 250-266
Cộng	33	6	6	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hóa học biển**
 - Tiếng Anh: **Marine Chemistry**
- Mã học phần: **MCH403**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở tài nguyên và môi trường biển <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết: Hóa học đại cương, Hải dương học đại cương.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 tiết
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

Hiểu được các kiến thức cơ bản về thành phần hoá học nước biển; giải thích được quá trình thành tạo, tồn tại, biến đổi và môi trường tác của các hợp phần hoá học trong biển dưới ảnh hưởng của các quá trình vật lý, hoá học, sinh học hải dương.

- Về kỹ năng:

Phân tích, đánh giá dữ liệu về hàm lượng các hợp chất hóa học trong nước biển; trình bày được dữ liệu về hàm lượng các hợp chất hóa học trong nước biển trên đồ thị; tính toán chuyển đổi nồng độ các hợp phần hóa học trong nước biển.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nghiên túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ, bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm chung thành phần hóa học nước biển và nguồn gốc các hợp phần; các khái niệm cơ bản và đặc điểm tồn tại, phân bố, biến động của các yếu tố thuộc các nhóm hợp phần hoá học nước biển (các ion chính, các khí hoà tan, các yếu tố dinh dưỡng, các nguyên tố vi lượng, các chất hữu cơ) cùng các quá trình thành tạo, tương tác và biến đổi chúng dưới tác động của các quá trình vật lý, hoá học, sinh học hải dương.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đoàn Bộ (2003). *Hoá học biển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Đoàn Văn Bộ (2001). *Các phương pháp phân tích hoá học nước biển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Trần Ngọc Lan (2008). *Hoá học nước tự nhiên*, NXB Đại học Khoa học Tự nhiên, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Trung Tạng (2004). *Sinh học và sinh thái học biển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập, bài kiểm tra kết thúc học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Bài Mở đầu: Giới thiệu học phần			1	1	3	
Chương 1: Thành phần hoá học nước biển	4	1		5	15	
1.1. Đặc điểm thành phần hoá học nước biển; Phương pháp biểu diễn nồng độ	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.1, 1.1
1.2. Các nguồn tạo nên thành phần hoá học nước biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.1, 1.2
1.3. Tương tác hóa học của biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.1, 1.3
1.4. Dòng vật chất tan của sông đưa ra biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.1, 1.4
Bài tập 1: Tính toán, chuyển đổi nồng độ các hợp phần hóa học trong nước biển		1		1	3	Đọc TL (1) Ch.1, 1.1
Chương 2: Các ion chính và độ muối nước biển	3	1		4	12	
2.1. Đặc điểm tồn tại các ion chính trong nước biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.2, 2.1
2.2. Độ Clo và độ muối nước biển	2			2	6	Đọc TL (1) Ch.2, 2.2
Bài tập 2: Xác định độ muối trong các mẫu nước biển Trình bày biến động độ muối theo các số liệu thu được và nhận xét, đánh giá kết quả		1		1	3	Đọc TL (1) Ch.2, 2.2 TL (2) Ch.1

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Chương 3: Các khí hoà tan trong nước biển	2	1		3	9	
3.1. Quy luật chung hoà tan các khí vào nước biển	0.5			0.5	1.5	Đọc TL (1) Ch.3, 3.1
3.2. Khí Ôxy hoà tan trong nước biển	0.5			0.5	1.5	Đọc TL (1) Ch.3, 3.2
3.3. Khí Cacbonic hoà tan trong nước biển	0.5			0.5	1.5	Đọc TL (1) Ch.3, 3.3
3.4. Khí Nito 3.5. Sunfuhydro và các khí khác hoà tan	0.5			0.5	1.5	Đọc TL (1) Ch.3, 3.4, 3,5
Bài tập 3 Xác định hàm lượng ôxy, cacbonic hòa tan trong nước biển. Trình bày biến động hàm lượng ôxy, cacbonic hòa tan theo các số liệu thu được và nhận xét, đánh giá kết quả		1		1	3	Đọc TL (1) Ch.3, 3.2-3.3 TL (2) Ch.2, 2.1
Kiểm tra			1	1	3	
Chương 4: Hệ cacbonat của biển	4	1		5	15	
4.1. pH nước biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.4, 4.1
4.2. Độ kiềm nước biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.4, 4.2
4.3. Hệ Cacbonat của biển	2			2	6	Đọc TL (1) Ch.4, 4.3
Bài tập 4: Xác định độ pH, độ kiềm trong nước biển. Trình bày biến động độ pH, độ kiềm theo các số liệu thu được và nhận xét, đánh giá kết quả		1		1	3	Đọc TL (1) Ch.4, 4.1-4.2 TL (2) Ch.3
Chương 5: Các hợp chất dinh dưỡng vô cơ và các các nguyên tố vi lượng trong biển	4	1		5	15	
5.1. Các hợp chất dinh dưỡng phot pho vô cơ trong biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.5, 5.1
5.2 Các hợp chất dinh dưỡng Nito vô cơ trong biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.5, 5.2

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
5.3. Các hợp chất dinh dưỡng Silic vô cơ	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.5, 5.3
5.4. Các nguyên tố vi lượng trong biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.5, 5.4
Bài tập 5: Xác định hàm lượng ammonia/nitrite/nitrate/phốtpho hòa tan trong nước biển. Trình bày biến động hàm lượng ammonia/nitrite/nitrate/phốtpho hòa tan theo các số liệu thu được và nhận xét, đánh giá kết quả		1		1	3	Đọc TL (1) Ch.5, 5.1-5.2 TL (2) Ch.4
Chương 6: Các chất hữu cơ trong biển	4			4	12	
6.1. Đặc trưng cơ bản của chất hữu cơ trong biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.6, 6.1
6.2. Tổng hợp và phân giải chất hữu cơ trong biển	1			1	3	Đọc TL (1) Ch.6, 6.2
6.3. Chu trình vật chất-chất hữu cơ trong biển	2			2	6	Đọc TL (1) Ch.6, 6.3
Kiểm tra			1	1	3	
Ôn tập toàn bộ học phần			1	1	3	
Cộng	21	5	4	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Cơ sở tài nguyên và môi trường biển**
- Tiếng Anh: **Introduction to Marine Natural Resources and Environment**

- Mã học phần: **MNR403**

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết: Hóa học đại cương, Hải dương học đại cương.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
- Bài tập, thảo luận: 10 tiết
- Kiểm tra: 2 tiết

- Thời gian tự học: 135 tiết

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức: Sinh viên có khả năng: Phân tích được đặc điểm của nước biển và thạch quyển dưới đáy các đại dương; Phân tích và so sánh được ảnh hưởng của các nguồn ô nhiễm đến môi trường biển. Đồng thời, phân tích và so sánh được tầm quan trọng của các nguồn tài nguyên biển như sinh vật biển, năng lượng, khoáng sản và du lịch biển... Từ đó, đưa ra được các biện pháp khắc phục, bảo tồn tài nguyên và môi trường biển.

- *Về kĩ năng*: Đánh giá được ảnh hưởng của các nguồn gây ô nhiễm biển đến nguồn tài nguyên biển.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập và có ý thức bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quang chúng ta.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần Tài nguyên và môi trường biển bao gồm các nội cơ bản sau:

- Môi trường biển;
- Sinh vật và du lịch biển
- Khoáng sản và năng lượng biển

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính

1. Nguyễn Chu Hồi (2005), *Cơ sở Tài nguyên và Môi trường Biển*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.

2. Phùng Ngọc Dĩnh (1999), *Tài nguyên Biển Đông Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục.

3. Lưu Đức Hải (2001), *Cơ sở khoa học Môi trường*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2 Tài liệu tham khảo

1. Vũ Trung Tạng (2004), *Sinh học và sinh thái học biển*, NXB ĐH Quốc gia.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10. Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
Cách viết, trình bày bài tham luận, báo cáo	3			3	9	
Chương 1: Các vấn đề chung	6	0	0	6	18	
1.1. Một số khái niệm cơ bản	1			1	3	Đọc TL (1) Trang 14-19
1.2. Tiếp cận hệ thống trong quản lý tài nguyên biển	2			2	6	Đọc TL (1) trang 19-23
1.2.1 Quan niệm về hệ thống	1					
1.2.2 Các hệ thống tự nhiên và tài nguyên biển	0.5					
1.2.3 Đại dương thế giới – một hệ tự nhiên cấp hành tinh	0.5					
1.3. Trái Đất trong hệ Mặt Trời	2			2	6	Đọc TL (1) trang 19-31
1.3.1. Các hành tinh trong hệ Mặt Trời	0.5					
1.3.2. Cấu tạo Trái Đất	0.5					
1.3.3. Thủy quyển của Trái Đất	0.5					
1.3.4. Đại dương của Trái Đất	0.5					
1.4. Quan niệm và phân loại tài nguyên biển	1			1	3	Đọc TL (1) trang 31-34
1.4.1. Quan niệm về tài nguyên	0.5					

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
biển						
1.4.2. Phân loại tài nguyên biển	0.5					
Chương 2: Môi trường biển	6	2	0	8	24	
2.1. Thạch quyển của đại dương	3			3	9	
2.1.1. Vỏ Trái Đất dưới đại dương	0.5					
2.1.2. Hình thái & địa hình đáy đại dương thế giới	0.5					Đọc TL (1) trang 34- 58
2.1.3. Các dạng địa hình lớn dưới đáy đại dương	1					
2.1.4. Trầm tích đáy biển và đại dương	1					
2.2. Nước biển	3			3	9	
2.2.1. Đặc điểm chung của nước biển	0.5					
2.2.2. Thành phần hoá học của nước biển	0.5					Đọc TL (1) trang 58- 75
2.2.3. Các cân bằng trong nước biển	0.5					
2.2.4. Thời gian lưu tồn	0.5					
2.2.5. Một số yếu tố môi sinh trong nước biển	1					
Thảo luận		2		2	6	
Chương 3: Tài nguyên sinh vật biển	3	0	0	3	9	
3.1. Đặc trưng sinh thái biển	1			1	3	Đọc TL (1) trang 95- 75
3.2. Đa dạng sinh học biển	1			1	3	
3.2.1. Tính đa dạng trong đại dương	0,5				1,5	Đọc TL (1) trang 95- 106
3.2.2. Mô tả một số hệ sinh thái điển hình	0,5				1,5	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
3.3. Nguồn lợi hải sản	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 107- 110
3.4. Nuôi trồng thủy sản biển	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 110- 113
Chương 4: Tài nguyên khoáng sản biển	4	2	1	7	21	
4.1. Dầu khí	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 114- 122
4.2. Sa khoáng biển	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 123- 128
4.3. Kết hạch sắt-mangan	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 128-135
4.4. Vật liệu xây dựng	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 136- 138
4.5. Phôtphorit	0,5			0,5	1,5	Đọc TL(1) Trang 138- 141
4.6. Bùn khoáng	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 141- 145
4.7. Nước biển-hoá phẩm tổng hợp	0,5			0,5	1,5	Đọc TL (1) trang 145- 148
4.8. Các khoáng sản khác	0,5			0,5	1,5	
Thảo luận		2		2	6	
Kiểm tra lần 1			1	1	3	
Chương 5: Năng lượng biển	5	1		6	18	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
5.1. Năng lượng sóng	2			2	6	Đọc TL (1) trang 149- 154
5.1.1 Sóng điện cũng có thể phát điện	1					
5.1.2 Phương cách tạo ra dòng điện từ sóng	1					
5.2. Năng lượng thủy triều	1			1	3	Đọc TL (1) trang 154- 166
5.2.1 Tiềm năng điện năng từ thủy triều	0,5					
5.2.2 Phương cách chuyển năng lượng từ thủy triều thành điện năng	0,5					
5.3. Năng lượng dòng chảy	1			1	3	Đọc TL (1) trang 167- 168
5.3.1 Phát điện từ dòng chảy	0,5					
5.3.2 Phương cách sử dụng nguồn năng lượng từ dòng chảy	0,5					
5.4. Các dạng năng lượng khác	1			1	3	Đọc TL (1) trang 168- 176
5.4.1 Điện phát ra từ chênh lệch độ mặn	0,25					
5.4.2 Biến sự chênh lệch nhiệt độ nước biển thành điện năng	0,25					
5.4.3 Nước biển có thể “đốt” được không	0,5					
Thảo luận		1		1	3	
Chương 6: Các dạng tài nguyên biển khác	6	5	1	12	36	
6.1. Tiềm năng phát triển du lịch biển	2			2	6	
6.1.1 Các giá trị du lịch biển chủ yếu	0,5					
6.1.2 Du lịch biển và du lịch ngầm dưới biển	0,5					
6.1.3 Tiềm năng du lịch biển Việt Nam	1					

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
6.2. Tiềm năng phát triển hàng hải	2			1	6	
6.2.1 Đại dương thế giới – tuyến giao thông đường biển	0.5					
6.2.2 Lợi nhuận	0,5					
6.2.3 Hàng hải Việt Nam	1					
6.3. Vị thế-một dạng tiềm năng p.triển	2			2	6	
6.3.1. Quan niệm về vị thế	0.5					
6.3.2. Không gian biển và bờ	0.5					
6.3.3. Phân tích vị thế	1					
Thảo luận		3		3	9	
Thảo luận		2		2	6	
Kiểm tra lần 2			1	1	3	
TỔNG	33	10	2	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra; TH, TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: Tự nghiên cứu.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Cơ sở địa chất biển**

Tiếng Anh: **General Marine Geology**

- Mã học phần: **GMG402**

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hải dương học đại cương

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
- Bài tập: 09 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nhân tố và các quá trình địa chất địa mạo biển, đặc điểm hình thái đáy đại dương, hình thái động lực đới bờ.

- Về kỹ năng:

Sinh viên biết cách phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản của môn học Địa chất biển vận dụng vào tính toán mô phỏng các quá trình vật lý động biển cũng như giải thích được các nguyên nhân xói lở, bồi tụ, biến động bờ có tính nội sinh của mỗi khu vực.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học. Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet. Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử. Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà. Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp. Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên. Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: 4 chương, tập trung vào mô tả các đặc trưng địa hình đáy, cấu tạo vỏ Trái Đất ở phần đại dương. Mặt khác môn học Địa chất biển trong phạm vi chương trình này sẽ giới thiệu về sự tiến hóa của đại dương và quá trình kiến tạo ở đại dương..

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính

1. Hoàng Văn Long (2011). *Giáo trình địa chất biển đại cương*, NXB Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội
2. Trần Nghi (2005). *Địa chất biển*, NXB ĐHQG Hà Nội.
3. Tống Duy Thanh (2008). *Địa chất cơ sở*. NXB Đại học quốc gia.

4.2 Tài liệu tham khảo

4. Lê Xuân Hồng, Lê Kim Thoa (2007). *Địa mạo bờ biển Việt Nam*. NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Nhập môn ĐC Biển	6			6	18	
1.1. Mục tiêu nhiệm vụ môn học địa chất, địa mạo biển	2			2	6	Đọc TL (4) trang 2-6
1.2. Các phương pháp nghiên cứu	2			2	6	Đọc TL (4) trang 6-8
1.3. Các quá trình địa mạo, địa chất biển cơ bản	2			2	6	Đọc TL (4) trang 8-10
Chương 2. Đặc điểm phân bố địa hình đáy và cấu tạo vỏ trái đất	8	3	3	14	42	
2.1 Đặc điểm phân bố địa hình đáy biển và đại dương	1			1	3	Đọc TL (4) trang 12-16
2.2 Đường cong độ cao sâu bề mặt Trái Đất	1			1	3	
2.3 Rìa lục địa, vùng chuyển tiếp	1			1	3	Đọc TL (4) trang 16-24
2.4 Lòng chảo đại dương	1			1	3	
2.5 Các sống núi giữa đại dương	1			1	3	Đọc TL (4) trang 28-32
2.6 Địa hình đáy các biển	1			1	3	
2.7 Cấu tạo vỏ Trái Đất đáy đại dương	1			1	3	Đọc TL (4) trang 36-43
2.8 Cấu tạo bên trong vỏ Trái Đất	1			1	6	
Bài tập lớn		3		3	9	Đọc TL (4) trang 45-55

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra chương 1,2			3	3	9	
Chương 3. Kiến tạo, nguồn gốc và sự tiến hóa của đại dương	5	3	2	10	30	
3.1 Chuyển động của các mảng quyển đá	1			1	3	Đọc TL (4) trang 60-65
3.2 Sự di chuyển của các lục địa	1			1	3	
3.3 Nguồn gốc và sự tiến hóa của các đại dương	1			1	3	Đọc TL (4) trang 66-70
3.4 Thuyết kiến tạo mảng và nguồn gốc của đại dương	1			1	3	
3.5 Sự tiến hóa của đại dương và cơ chế hình thành đại dương	1			1	3	
Bài tập lớn		3		3	9	Đọc TL (4) trang 71-75
Kiểm tra chương 3			2	2	6	
Tổng	19	6	5	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Khí tượng thủy văn biển đại cương**
- Tiếng Anh: **General Marine Hydrometeorology**

- Mã học phần: **KBQB2302**

- Số tín chỉ: 2

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: **Vật lý đại cương**

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết

Bài tập: 2 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết

Kiểm tra: 2 tiết

- Thời gian tự học: 106 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hải dương học, công nghệ biển và hàng hải,
Khoa Khoa học biển và hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức:

Sinh viên phân tích được ý nghĩa của các phương trình trạng thái của không khí, phương trình tĩnh học cũng như các công thức khí áp,...; Giải thích được sự biến thiên của nhiệt độ mặt đất, mặt nước và không khí; Sự hình thành và tính toán dòng chảy trong sông; Sự diễn biến lòng sông; Chế độ thủy văn vùng sông ảnh hưởng thủy triề

- Về kỹ năng:

Sinh viên áp dụng những công thức đã học để làm các bài tập có ý nghĩa thực tiễn; Quan sát, nhận biết và phân biệt một số hiện tượng khí tượng thủy văn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên cảm nhận được nhiều điều thú vị trong tự nhiên cần được khám phá; Giải thích được một số hiện tượng xảy ra trong khí quyển cũng như trong tự nhiên, từ đó sinh viên có thái độ yêu thích môn học cũng như ngành học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm các yếu tố khí tượng cơ bản, các phương trình trạng thái của không khí, phương trình tĩnh học cũng như các công thức khí áp,...;

- Các đại lượng đặc trưng, các định luật bức xạ cơ bản của bức xạ cũng như chế độ nhiệt của mặt đất, nước và khí quyển, cho ta thấy được sự biến thiên của nhiệt độ mặt đất, mặt nước và không khí

- Quá trình hình thành dòng chảy trên lưu vực sông

- Chế độ thủy văn trong sông

- Chế độ thủy văn vùng sông ảnh hưởng thủy triều

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Vũ Thanh Hằng, ThS. Chu Thị Thu Hường (2013), *Giáo trình Khí tượng đại cương*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Hoàng Ngọc Quang, Trần Thị Dung (2005), *Giáo trình Nguyên lý thủy văn*, NXB Bản đồ
3. Lê Văn Nghinh (2000), *Nguyên lý thủy văn*, NXB Nông nghiệp.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. TS. Nguyễn Việt Lành (2004), *Giáo trình Khí tượng cơ sở*, Nhà xuất bản Bản đồ.
2. Nguyễn Hường Điền (2004), *Vật lý khí quyển*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội
3. Phạm Ngọc Hồ - Hoàng Xuân Cơ (1993), *Khí tượng cơ sở*, NXB Khoa học kỹ thuật
4. Frederick K.Lutgens, Edward J.Tarback (1988), *The Atmosphere*, International Edittion.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên đến lớp đầy đủ, tích cực tham gia phát biểu trên lớp; chuẩn bị bài trước khi đến lớp,

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ KHÍ QUYỂN	5		1	6	12	Đọc TL (1) trang 1 – 32
Bài mở đầu	0,5			0,5	1,0	
1.1. Các yếu tố khí tượng cơ bản	0,5		0,5	1,0	2,0	
1.2. Thành phần của không khí	0,5			0,5	1,0	
1.3. Sự phân tầng theo phương thẳng đứng của khí quyển	0,5		0,5	1,0	2,0	
1.4. Sự bất đồng nhất theo phương ngang trong tầng đối lưu	0,5			0,5	1,0	
1.5. Phương trình trạng thái của không khí	1			1	1,0	
1.6. Tĩnh học khí quyển	1,5			1,5	3,0	
CHƯƠNG 2: BỨC XẠ VÀ CHẾ ĐỘ NHIỆT CỦA MẶT ĐẤT, MẶT NƯỚC VÀ KHÔNG KHÍ	4		3	7	14	
2.1. Các dòng bức xạ trong khí	0,5			0,5	1,0	Đọc TL (1), trang

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
quyển						33-49
2.2. Các định luật bức xạ cơ bản	1,0			1,0	2,0	
2.3. Cán cân bức xạ	1,0		0,5	1,5	3,0	Đọc TL (1), trang 52-63
2.4. Nhiệt độ đất	0,5		0,5	1,0	2,0	
2.5. Nhiệt độ nước	0,5		0,5	1,0	2,0	
2.6. Nhiệt độ không khí	0,5		0,5	1,0	2,0	
Kiểm tra chương 1 và 2			1,0	1,0	1,0	Ôn tập TL (1), trang 10-63
CHƯƠNG 3: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH DÒNG CHẢY	6	2	1	9	18	
3.1. Các đặc trưng dòng chảy thường dùng trong thủy văn	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 31, 47÷52; [3]: 23
3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến dòng chảy	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 22÷23; [3]: 23, 100÷104
3.3. Quá trình mưa và các phương pháp tính lượng mưa bình quân lưu vực	1,0			1,5	3,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 41÷53;
3.4. Sự hình thành dòng chảy trên sườn dốc	1,0			1,5	3,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 67÷69; [3]: 45
3.5. Sự hình thành dòng chảy trong sông	1,0	0,5	1,0	1,5	3,0	
3.6. Chuyển động của nước trong sông	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 31, [3]: tr 47÷54
CHƯƠNG 4: CHẾ ĐỘ THỦY VĂN TRONG SÔNG	5		3	8	16	
4.1. Chế độ mực nước trong sông	0,5		0,5	1,0	2,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 31, 47÷52;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
						[3]: 23
4.2. Chế độ dòng chảy trong sông	0,5			0,5	1,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 22÷23; [3]: 23, 100÷104
4.3. Chế độ phù sa trong sông	2,0		1,5	3,5	7,0	
4.4 Quá trình diễn biến lòng sông	1,0		1,0	2,0	4,0	Đọc trước tài liệu: [2]: tr 41÷53;
Kiểm tra chương 3, 4, 5			1,0	1,0	2,0	
Tổng cộng	20	2	8	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Năng lượng tái tạo biển**
 - Tiếng Anh: **Marine renewable energy**
- Mã học phần: **KBQB2303**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết: Hải dương học đại cương.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
- Bài tập: 4 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
- Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hải dương học, công nghệ biển và hàng hải
- Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản của các dạng năng lượng mới bao gồm: cơ sở hình thành, khai thác và sử dụng hiệu quả các dạng năng lượng mới
- Về kỹ năng: Kỹ năng học nhóm, seminar.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học. Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet. Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử. Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà. Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp. Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên. Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học năng lượng tái tạo giới thiệu cho sinh viên chuyên ngành quản lý biến các dạng năng lượng tái tạo có nguồn gốc liên quan đến đại dương, biến mà có thể được sử dụng để chuyển đổi thành năng lượng dùng trong đời sống. Các dạng năng lượng tái tạo này có thể bao gồm: Năng lượng mặt trời, Năng lượng gió, Năng lượng địa nhiệt, Năng lượng thủy triều, Năng lượng sóng biển. Kiến thức về cơ sở hình thành, khai thác và sử dụng hiệu quả các dạng năng lượng này sẽ được cung cấp cho sinh viên.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Bảo (2017), “ Năng lượng tái tạo và sự phát triển bền vững”, NXB ĐHQG Hồ Chí Minh.
2. Vaughn Nelson (2010) *Introduction to renewable energy*, , CRC Press.
3. Fundamentals of renewable energy processes, Academic Press, 2005.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bent Sorensen (1997). *Renewable energy*, Academic Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập, bài kiểm tra kết thúc học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Chương 1 – Giới thiệu chung	4	0	0	4	12	[1], [2]
1.1. Giới thiệu	0.5			0.5	1.5	
1.2. Khái niệm về năng lượng tái tạo	0.5			0.5	1.5	
1.3. Nguồn gốc của năng lượng tái tạo	0.5			0.5	1.5	
1.4. Phân loại các nguồn năng lượng tái tạo	0.5			0.5	1.5	
1.5. Nguyên tắc cơ bản của việc sử dụng năng lượng tái tạo	0.5			0.5	1.5	
1.6. Vai trò của năng lượng tái tạo	0.5			0.5	1.5	
1.7. Tình hình triển khai, khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo ở Việt Nam	0.5			0.5	1.5	
1.8. Kết luận	0.5			0.5	1.5	
Chương 2 – Năng lượng gió	4	1	1	6	18	[1], [3]
2.1. Giới thiệu về năng lượng gió						
2.1.1. Sự hình thành năng lượng gió	0.5			0.5	1.5	
2.1.2 Sự lưu thông gió trên trái đất						
2.2. Các đại lượng liên quan đến năng lượng gió	0.5			0.5	1.5	
2.3. Tuabin gió						
2.3.1. Phân loại tuabin gió						
2.3.2. Cấu tạo cơ bản của tuabin gió	0.5			0.5	1.5	
2.3.3. Nguyên lý điều chỉnh tốc độ của tuabin gió						
2.4. Máy phát điện tuabin gió	0.5			0.5	1.5	
2.5. Hòa đồng bộ máy phát điện tuabin	0.5			0.5	1.5	

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
gió vào lưới điện						
2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác năng lượng gió	0.5	1		1.5	4.5	
2.7. Tình hình khai thác năng lượng gió tại Việt Nam	0.5			0.5	1.5	
2.8. Kết luận	0.5		1	1.5	4.5	
Chương 3 – Năng lượng địa nhiệt	4	1	1	6	18	
3.1. Giới thiệu năng lượng địa nhiệt	1			1	3	
3.2. Các ảnh hưởng của việc khai thác năng lượng địa nhiệt	0.5			0.5	1.5	
3.3. Phân loại nhà máy điện năng lượng địa nhiệt	0.5	1		1.5	4.5	[1], [3]
3.4. Cấu tạo cơ bản của nhà máy điện năng lượng địa nhiệt	0.5			0.5	1.5	
3.5. Tình hình khai thác năng lượng địa nhiệt tại Việt Nam	1			1	3	
3.6. Kết luận	0.5		1	1.5	1.5	
Chương 4 – Năng lượng thủy triều	4	1	1	6	18	
4.1. Giới thiệu	0.5			0.5	1.5	
4.2. Khái niệm năng lượng thủy triều	0.5			0.5	1.5	
4.3. Phân loại năng lượng thủy triều	0.5			0.5	1.5	
4.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lượng thủy triều	0.5			0.5	1.5	
4.5. Các hình thức khai thác năng lượng điện từ thủy triều	0.5			0.5	1.5	[1], [3]
4.6. Cấu tạo cơ bản của một hệ thống điện thủy triều	0.5			0.5	1.5	
4.7. Tiềm năng năng lượng thủy triều tại Việt Nam	0.5	1		1.5	4.5	
4.8. Kết luận	0.5		1	1.5	4.5	
Chương 5 – Năng lượng sóng biển	4	1	1	6	18	
5.1. Giới thiệu	0.5			0.5	1.5	[1], [3]
5.2. Khái niệm năng lượng sóng biển	0.5			0.5	1.5	

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
5.3. Phân loại năng lượng sóng biển	0.5			0.5	1.5	
5.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lượng sóng biển	0.5			0.5	1.5	
5.5. Các hình thức khai thác năng lượng điện từ sóng biển	0.5			0.5	1.5	
5.6. Cấu tạo cơ bản của một hệ thống điện sóng biển	0.5			0.5	1.5	
5.7. Tiềm năng năng lượng sóng biển tại Việt Nam	0.5	1		1.5	4.5	
5.8. Kết luận	0.5		1	1.5	4.5	
Ôn tập	2			2	6	
Cộng	22	4	4	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Khí hậu Việt Nam và biến đổi khí hậu**
- Tiếng Anh: **Climate in Vietnam and climate change**
 - Mã học phần: **CCV404**
 - Số tín chỉ: 03
 - Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
 - Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Khí hậu Việt Nam
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - Bài tập: 12 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 4 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên phân tích và so sánh được ảnh hưởng của những nhân tố hình thành khí hậu đến một số yếu tố và hiện tượng khí hậu cơ bản theo không gian và thời gian; Hiểu rõ nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay; Kịch bản về phát thải khí nhà kính, về sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng; Biến

đổi khí hậu ở Việt Nam, kịch bản và tác động của nó tới kinh tế xã hội; những giải pháp ứng phó chủ yếu.

- *Về kỹ năng*: Sinh viên so sánh được sự giống và khác nhau giữa đặc điểm khí hậu của từng vùng trên lãnh hải Việt Nam; Áp dụng được cơ sở khoa học của việc xây dựng các kịch bản về biến đổi khí hậu; những nét chính về biến đổi khí hậu ở Việt Nam, tác động và giải pháp ứng phó.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên nghiêm túc trong học tập, tăng khả năng tham khảo tài liệu và tiếp cận với thông tin qua mạng để có những thông tin mới.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các nhân tố hình thành khí hậu Việt Nam: Phần này giới thiệu các nhân tố cơ bản hình thành khí hậu Việt Nam bao gồm bức xạ, hoàn lưu, địa hình và mặt đệm chi phối đến sự hình thành khí hậu của từng khu vực Việt Nam;

- Quy luật phân bố một số yếu tố khí hậu trên lãnh hải Việt Nam: Giới thiệu về phân bố một số yếu tố đặc trưng khí áp, gió, nhiệt độ mặt nước biển, độ ẩm tương đối, mưa;

- Biến đổi khí hậu, tác động và các giải pháp ứng phó: Trình bày khái niệm về biến đổi khí hậu, thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Đồng thời giải thích nguyên nhân của biến đổi khí hậu, các tác động và các giải pháp ứng phó trên thế giới và Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Ngọc Toàn và Phan Tất Đắc (1993), *Khí hậu Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật.

2. Nguyễn Đức Ngữ và Nguyễn Trọng Hiệu (2004), *Khí hậu và tài nguyên khí hậu Việt Nam*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

3. Nguyễn Đức Ngữ (2008), *Biến đổi khí hậu*, Viện Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Văn Cự (2011), *Những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu*, Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu biến đổi khí hậu toàn cầu.

2. Nguyễn Văn Thắng và cộng sự (2010), *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam*, Viện Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

3. Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam (2009, 2012, 2016), Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Trần Thục và cộng sự (2013), *Các hành động giảm nhẹ KNK phù hợp với điều kiện Quốc gia (NAMA)*, Nhà xuất bản Bản đồ.

5. Huỳnh Thị Lan Hương (2012), *Tích hợp vấn đề biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội*, Nhà xuất bản Bản đồ.

6. *Tài liệu hướng dẫn: Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và xác định các giải pháp thích ứng* (2011), Viện Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện khóa luận môn học theo đúng yêu cầu, nội dung và thời hạn quy định;

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi báo cáo, thực hành và thực tập tại lớp;

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	<input checked="" type="checkbox"/>	Trắc nghiệm	<input type="checkbox"/>	Thực hành	<input type="checkbox"/>
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Các nhân tố hình thành khí hậu Việt Nam	9,0	5,0	1,0	15,0	15,0	Đọc TL (01, 02)
1.1 Bức xạ	2,0	2,0		4,0	5,0	
1.2 Hoàn lưu	6,0	3,0		9,0	5,0	
1.2.1 Hoàn lưu chung khí quyển	1,0	1,0		2,0		
1.2.2 Hoàn lưu gió mùa	2,0	1,0		3,0		
1.2.3 Hoàn lưu gió đất - biển	1,0		1,0	2,0		
1.2.4 Hoàn lưu đại dương	2,0	1,0		3,0		
1.3 Địa hình và mặt đệm	1,0			1,0	5,0	
<i>Kiểm tra 1 tiết</i>			1,0	1,0		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2: Quy luật phân bố một số yếu tố khí hậu trên lãnh hải Việt Nam	6,0	4,0	4,0	14,0	15,0	Đọc TL (01, 02)
2.1 Phân bố khí áp và gió	2,0	1,0	1,0	4,0	4,0	
2.2 Phân bố nhiệt độ mặt nước biển	2,0	1,0	1,0	4,0	5,0	
2.3 Phân bố độ ẩm tương đối	1,0	1,0	1,0	3,0	3,0	
2.4 Phân bố mưa	1,0	1,0	1,0	3,0	3,0	
Chương 3. Biến đổi khí hậu, tác động và các giải pháp ứng phó	12,0	3,0	1,0	16,0	30,0	Đọc TL (03, 04, 05, 06, 07, 08, 09)
3.1 Khí hậu trong thời kỳ địa chất 3.1.1 Phương pháp xác định 3.1.2 Biểu hiện	3,0			3,0	5,0	
3.2 Khí hậu trong thời hiện đại 3.2.1 Phương pháp xác định 3.2.2 Biểu hiện	3,0			3,0	5,0	
3.3 Kích bản biến đổi khí hậu	3,0			3,0	5,0	
3.4 Tác động biến đổi khí hậu đến hệ sinh thái biển	3,0	3,0	1,0	5,0	10,0	
3.5 Ứng phó biến đổi khí hậu	3,0			3,0	5,0	
<i>Kiểm tra 1 tiết</i>			1,0	1,0		
Cộng	27,0	12,0	6,0	45,0	60,0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý**
 - Tiếng Anh: **Remote sensing and Geography Information Systeme**
- Mã học phần: **GIS403**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biên trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Vật lý, Cơ sở trắc địa và bản đồ biên

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết

Bài tập: 13 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

Kiểm tra: 03 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Bản đồ - Viễn thám - GIS, Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

❖ *Về kiến thức*

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về viễn thám;
- Trình bày được các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật viễn thám;
- Liệt kê được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám;
- Trình bày được các thuật toán phân loại dùng trong viễn thám;
- Khái niệm, chức năng, nhiệm vụ và các thành phần cơ bản của GIS;
- Phân biệt được các loại cơ sở dữ liệu của GIS;
- Xây dựng được cơ sở dữ liệu trong GIS.

❖ *Về kỹ năng*

- Vận dụng các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản;
- Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả vào một vấn đề cụ thể;
- Vận dụng phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám kết hợp với phần mềm của GIS để tạo ra một sản phẩm cụ thể.

❖ *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- Rèn luyện tác phong: tỉ mỉ, chính xác, trung thực;
- Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về viễn thám, bộ cảm biến và các vệ tinh viễn thám;
- Giới thiệu về ảnh vệ tinh quang học, các phương pháp xử lý ảnh vệ tinh quang học; thuật toán phân loại ảnh vệ tinh quang học;
- Giới thiệu khái quát về GIS, khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, lịch sử phát triển GIS. Trình bày những nguyên lý cơ bản về các kiểu cấu trúc dữ liệu thường gặp trong các hệ thống thông tin địa lý hiện hành. Nhập và xây dựng cơ sở dữ liệu là một công đoạn quan trọng trong ứng dụng GIS. Trên cơ sở dữ liệu được xây dựng, hầu hết các ứng dụng phải tiến hành phân tích và xử lý dữ liệu để cho ra kết quả cụ thể theo mục đích ứng dụng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Nguyễn Khắc Thời (2012), *Giáo trình viễn thám*, nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp, Hà Nội

[2] Dương Đăng Khôi (2012), *Hệ thống thông tin địa lý*, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

[3]. Phạm Trọng Mạnh & Phạm Vọng Thành (1999), *Cơ sở hệ thống thông tin địa lý*, NXB Xây Dựng.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Nguyễn Ngọc Thạch, Dương Văn Khảm (2012), *Địa thông tin ứng dụng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

[2] ArcGIS Desktop Địa chỉ www.esri.com

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững lí thuyết sau đó làm bài tập ở nhà và chữa trên lớp
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Phần I: VIỄN THÁM						
Chương 1: Các khái niệm cơ bản về kỹ thuật viễn thám	7	1		8		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Khái niệm và nguyên lý cơ bản của viễn thám	2					TL [1], Chương 1
1.1.1. Khái niệm về viễn thám	0.5					
1.1.2. Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển	0.5					
1.1.3. Phân loại viễn thám	0.5					
1.1.4. Nguyên lý cơ bản của viễn thám	0.5					
1.2. Bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám	2					TL[1], Chương 7
1.2.1. Khái niệm, phân loại bộ cảm biến	0.5					
1.2.2. Vật mang và quỹ đạo bay	0.5					
1.2.3. Các vệ tinh giám sát tài nguyên	1					
1.3. Cơ sở vật lý của viễn thám	3					TL [1], Chương 2
1.3.1. Tính chất của bức xạ điện từ	1					
1.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên	1					
1.3.3. Phổ phản xạ của một số đối tượng tự nhiên chính	1					
Bài tập chương 1		1				
Chương 2: Ảnh vệ tinh quang học và xử lý ảnh vệ tinh quang học	6	1		7		
2.1. Khái niệm về ảnh vệ tinh quang học	1					TL[1], Chương 3, tr39
2.2. Độ phân giải của ảnh vệ	1					TL [1], Chương 3, tr

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tinh						53
2.2.1. Độ phân giải không gian						
2.2.2. Độ phân giải phổ						
2.2.3. Độ phân giải bức xạ						
2.2.4. Độ phân giải thời gian						
2.3. Phân tích ảnh	4					TL [1], Chương 8
2.3.1. Phân tích ảnh bằng mắt	1					
2.3.2. Phân tích ảnh số	3					
2.3.2.1. Hiệu chỉnh ảnh	0.5					
2.3.2.2. Tăng cường chất lượng ảnh	0.5					
2.3.2.3. Chuyển đổi ảnh	0.5					
2.3.2.4. Phân loại ảnh	1.5					
Bài tập chương 1		1				
Chương 3 Viễn thám trong nghiên cứu biển	4	4		8		
3.1 Viễn thám trong nghiên cứu nhiệt độ bề mặt mực nước biển	1	1				TL [1], Chương 10
3.2 Viễn thám trong nghiên cứu chất lượng nước biển	1	1				
3.3 Viễn thám trong nghiên cứu biến động đường bờ	1	1				
3.4 Viễn thám trong nghiên cứu sử dụng đất và lớp phủ bề mặt	1	1				
<i>Kiểm tra chương 1,2,3</i>			1.5	1.5		
Phần II: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ (GIS)						
Chương 4: Khái niệm cơ bản về GIS	6	1		7		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1. Khái niệm và chức năng của GIS	2					TL[3], Chương 1, tr1
4.1.1. Khái niệm GIS	0.5					
4.1.2. Chức năng GIS	0.5					
4.1.3. Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển	0.5					
4.1.4. Một số ứng dụng cơ bản của GIS	0.5					
4.2. Các thành phần cơ bản của GIS	1					TL[3], Chương 1, tr8-
4.2.1. Phần cứng						
4.2.2. Phần mềm						
4.2.3. Cơ sở dữ liệu						
4.2.4. Chuyên gia						
4.2.5. Phương pháp						
4.3. Mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu của GIS	3					TL[3], Chương 3
4.3.1. Khái quát chung	0.5					
4.3.2. Mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu không gian	1					
4.3.3. Mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu thuộc tính	0.5					
4.3.4. Mô hình DEM	1					
Bài tập chương 4		1				
Chương 5: Nhập và phân tích dữ liệu trong GIS	4	2		6		
5.1. Nhập dữ liệu và biên tập dữ liệu	1					TL[3], Chương 4
5.1.1. Nhập dữ liệu						
5.1.2. Kết nối dữ liệu không gian và thuộc tính						
5.1.3. Hiển thị và xuất dữ liệu						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2. Phân tích dữ liệu trong GIS	3					TL[3], Chương 6
5.2.1. Tổng quan về phân tích dữ liệu GIS	1					
5.2.2. Các phép phân tích dữ liệu cơ bản	2					
Bài tập chương 5		2				
Chương 6. GIS trong nghiên cứu biển	3	3		6		TL[3], Chương 7
6.1 Xây dựng cơ sở dữ liệu cho bản đồ biển	1	1				
6.2 Thành lập bản đồ trường nhiệt bề mặt nước biển	1	1				
6.3 Thành lập bản đồ biến động đường bờ	1	1				
Kiểm tra chương 4,5,6			1.5	1.5		
Cộng	29	13	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Cơ sở kỹ thuật bờ biển**
- Tiếng Anh: **General Coastal Engineering**

- Mã học phần: **GCE403**

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không có

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
- Bài tập: 10 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
- Kiểm tra: 04 tiết

- Thời gian tự học: 135 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hải dương học, công nghệ biển và hàng hải, Khoa Khoa học biển & Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vùng bờ biển Việt Nam, như: quá trình thành tạo, phát triển của đường bờ biển, các yếu tố khí tượng, thủy

và hải văn. Các vấn đề về hình thái, địa mạo, ô nhiễm vùng bờ, dòng chảy và tác động của các nhân tố này đến môi trường và các giải pháp nhằm quản lý bền vững vùng bờ biển. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến vùng bờ biển. Các giải pháp bảo vệ vùng bờ biển.

- *Về kỹ năng:* Qua những kiến thức học được của môn này sinh viên biết phân tích và vận dụng các kiến thức đã học vào trong thực tiễn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, yêu thích lĩnh vực khoa học về biển

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1: Khái niệm chung

Chương 2: Quá trình hình thành bờ biển

Chương 3: Các quá trình động lực bờ biển

Chương 4: Cửa sông và vịnh triều

Chương 5: Hình thái bờ biển

Chương 6: Các dạng xói lở bờ biển và các giải pháp bảo vệ

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Vũ Minh Cát (2013), *Cơ sở kỹ thuật bờ biển*, Trường Đại học Thủy Lợi.

(2) Phạm Văn Huân (1991), *Cơ sở hải dương học*, NXB Khoa học Kỹ thuật.

(3) Lương Phương Hậu và nnk, (2006) *Giáo trình Hải dương học*, NXB Xây dựng.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLĐT)

(1) Phạm Văn Huân (2003), *Tính toán trong hải dương học*, NXB ĐHQG Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra cùng hệ số. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM CHUNG	4			4	12	
1.1 Khái quát chung về kỹ thuật bờ biển	2			2	3	Đọc TLC (1) trang 2-6
1.2 Các định nghĩa	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 6-8
1.3 Các thuật ngữ chuyên môn và ký hiệu	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 8-10
Chương 2. CÁC QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐƯỜNG BỜ BIỂN	8			8	24	
2.1 Mở đầu	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 12-16
2.2 Sự hình thành vũ trụ, trái đất, đại dương và khí quyển	3			3	9	
2.3 Phân loại đường bờ theo quan điểm địa chất kiến tạo	2			2	6	Đọc TLC (1) trang 16-24
2.4 Các kiểu bờ biển	1			1	3	
2.5 Đường bờ biển Việt Nam	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 28-32
Chương 3. CÁC QUÁ TRÌNH ĐỘNG LỰC BỜ BIỂN	6	4	2	12	36	
3.1 Mở đầu	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 60-65
3.2 Hải lưu	1			1	6	
3.3 Dòng mật độ	1			1	3	Đọc TLC (1)

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4 Thủy triều	1	2		1	3	trang 66-70
3.5 Sóng ngắn	2	2		2	3	
Kiểm tra bài số 1			2	0	9	
Chương 4. CỬA SÔNG VÀ VỊNH TRIỀU	7	2		9	27	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.1 Sự khác nhau giữa cửa vịnh triều và cửa sông	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.2 Đặc tính cửa vịnh triều	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.3 Chuyển vận bùn cát/ bồi lắng ở cửa vịnh triều	1			1	6	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.4 Đẩy nhanh quá trình bồi tụ	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.5 Cửa sông vùng triều	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.6 Lạch triều lên và triều rút	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 71-75
4.7 Các cửa sông siêu mặn	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 71-75
Bài tập/thảo luận chương 4		2		2	6	
Chương 5: HÌNH THÁI HỌC BỜ BIỂN	4	2	2	8	24	Đọc TLC (1) trang 76-90
5.1 Các quá trình trong vùng sóng vỡ	1			1	6	Đọc TLC (1) trang 76-90
5.2 Chuyển vận của bùn cát	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 76-90
5.3 Sự thay đổi của đường bờ và trạng thái cân bằng của đường bờ	1			1	9	Đọc TLC (1) trang 76-90
5.4 Tính toán bùn cát ven bờ	1			1	6	Đọc TLC (1) trang 76-90
Bài tập chương 5		2		2	3	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra chương 3,4,5			2	2	9	
Chương 6: CÁC DẠNG XÓI LỖ BỜ BIỂN VÀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ	2	2	0	4	6	Đọc TLC (1) trang 90-113
6.1 Các dạng xói	1			1	9	Đọc TLC (1) trang 90-113
6.2 Giải pháp công trình bảo vệ bờ biển	0.5			0.5	6	Đọc TLC (1) trang 90-113
6.3 Giải pháp phi công trình	0.5			0.5	3	Đọc TLC (1) trang 90-113
6.4 Thảo luận/bài tập		2		0		Đọc TLC (1) trang 2-6
Cộng	31	10	4	45	135	Đọc TLC (1) trang 6-8

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Cơ sở trắc địa và bản đồ biển**
- Tiếng Anh: **General Surveying and Marine Cartography**

- Mã học phần: **GGM402**

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đại số tuyến tính, giải tích 2.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
- Bài tập: 03 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Trắc địa Cao cấp- Công trình, Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản của cơ sở trắc địa và bản đồ biển.

Nắm được các đơn vị thường dùng trong trắc địa cùng với các mặt chuẩn quy chiếu độ cao và các hệ tọa độ được dùng trong trắc địa

+ Trình bày được các nguyên lý và nội dung của công tác định vị trên biển. Như phương pháp định vị mặt bằng và độ cao, cùng với phương pháp định vị vệ tinh GNSS và các kỹ thuật xác định vị trí

+ Biết vận dụng được những kiến thức cơ bản về quy trình thành lập bản đồ địa hình đáy biển. Như phương pháp đo sâu, phân loại đáy biển và biết viết được báo cáo kết quả.

- *Về kỹ năng:*

+ Sinh viên phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản để thành lập bản đồ địa hình đáy biển và vận dụng các kỹ thuật trắc địa cơ bản vào công tác quản lý biển.

+ Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để làm được các bài tập như như các bài toán trắc địa cơ bản trên mặt phẳng mà cụ thể là tính tọa độ vuông góc từ chiều dài và góc phương vị, cũng như tính chiều dài và góc phương vị tọa độ từ tọa độ vuông góc.

+ Sinh viên viết được báo cáo kết quả trong quy trình thành lập bản đồ địa hình đáy biển để phục vụ cho chuyên ngành biển và hải đảo của mình.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề.

+ Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động, sáng tạo trong học tập, thực hành và làm bài tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức khái quát về:

- Bản đồ địa hình: Bao gồm các khái niệm về bản đồ và các hệ tọa độ thường dùng trong trắc địa. Các phương pháp biểu diễn địa hình và địa vật trên bản đồ địa hình. Như phương pháp giải tích, phương pháp đồ giải và phương pháp nội suy. Cùng với các kiến thức về định hướng đường thẳng và làm được các bài tập về các bài toán trắc địa cơ bản trên mặt phẳng.

- Lưới khống chế trắc địa mặt bằng và độ cao, cùng với các nguyên lý định vị trên biển, như định vị mặt bằng và định vị độ cao, định vị bằng GNSS và kỹ thuật xác định vị trí.

- Khảo sát và đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển, xác định các đặc trưng và phân loại đáy biển cùng với việc xác định bờ biển và định vị hàng hải. Cùng với các kiến thức về đo sâu hồi âm đa tia và Side scan sonar.

- Thành lập bản đồ địa hình đáy biển, xác định bờ biển và định vị hàng hải từ các phương pháp và các kỹ thuật định vị. Quy trình thành lập bản đồ địa hình đáy biển và viết báo cáo kết quả

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đinh Xuân Vinh, Trần Duy Kiều, Nguyễn Xuân Thủy, Cao Minh Thủy, (2014), *Trắc địa biển*, Giáo trình Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội Hà Nội.
2. Trần Viết Tuấn (2011), *Trắc địa biển*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
3. Phạm Văn Chuyên (2001), *Trắc địa*, NXB KHKT Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thế Thuận, Nguyễn Thạc Dũng (1999), *Trắc địa và Bản đồ kỹ thuật số trong xây dựng*, NXB Giáo dục.
2. Trần Văn Quảng (2000) *Trắc địa đại cương*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
3. Lê Ánh (1999) *Bài tập trắc địa*, NXB KHKT.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, bài kiểm tra hệ số 1.

- Trao đổi kỹ năng học tập theo nhóm, làm tiểu luận và trình bày trước lớp. Chấp hành các quy định về thời gian trên lớp, thời hạn nộp bài tập, chất lượng bài tập và tìm kiếm thông tin.

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;

- Phối hợp khi làm việc nhóm;

- Chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài tập lớn môn học;

- Hoàn thành các bài tập lớn môn học, bài kiểm tra và các thông tin tự tìm kiếm liên quan đến nội dung của môn học.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá:

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành **9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian**

Nội dung (1)	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên (7)
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ) (6)	
	LT (2)	BT (3)	TL, KT (4)	Tổng cộng (5)		
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ TRẮC ĐỊA	8	2	1	11	24	
<i>1.1 Khái niệm về bản đồ, Tỷ lệ bản đồ</i>	1				3	Đọc TL
<i>1.2 Các hệ tọa độ cầu trong trắc địa và phép chiếu bản đồ</i>	1				3	(1) trang
<i>1.3 Phương pháp biểu thị địa hình trên bản đồ địa hình</i>	1				3	2-30. Yêu cầu hiểu rõ các hệ
<i>1.4 Phương pháp biểu diễn địa vật trên bản đồ địa hình</i>	1				3	tọa độ và phép chiếu.
<i>1.5 Định hướng đường thẳng</i>	2				6	Phương pháp biểu
<i>1.6 Các phép tính tọa độ phẳng</i>	2				6	diễn địa hình địa vật
Kiểm tra chương 1			1			
CHƯƠNG 2. ĐỊNH VỊ TRÊN BIỂN	9		1	10	22	
<i>2.1 Nguyên lý định vị trên biển</i>	3				8	Đọc TL
<i>2.2 Phương pháp định vị mặt bằng</i>	3				7	(2) trang
<i>2.3. Phương pháp định vị độ cao</i>	3				7	2-54.
Kiểm tra chương 2			1			Sinh viên phân biệt nguyên lý định vị và kỹ thuật định vị
CHƯƠNG 3. QUAN TRẮC VÀ THÀNH LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH ĐÁY BIỂN	7	1	1	9	14	
<i>3.1 Xác định đặc trưng và phân loại đáy biển</i>	3				6	Đọc TL
<i>3.2 Bản đồ địa hình, xác định bờ biển và</i>	2				4	(2) trang 55-110.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
<i>định vị hàng hải</i>						Sinh viên nắm vững đặc trưng và phân loại đáy biển. Thành lập bản đồ đáy biển theo dữ liệu thu thập trong khảo sát biển.
3.3 Thu thập dữ liệu và quy trình xử lý dữ liệu, báo cáo kết quả	2				4	
Kiểm tra chương 3			1			
Cộng	24	3	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Sinh thái và bảo tồn biển**
- Tiếng Anh: **Marine Ecology and Conservation**

- Mã học phần: **KBQB2405**

- Số tín chỉ: 03

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở tài nguyên và môi trường biển

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
- Bài tập, thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 135 tiết

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản về sinh thái biển (quần thể, quần xã hệ sinh thái biển), đa dạng sinh học biển (các khái niệm, định nghĩa, những giá trị mà đa dạng sinh học biển đem lại cho môi trường và con người,..); đa dạng sinh học các hệ sinh thái biển đặc trưng (rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn); về sự mất đa dạng sinh học biển, nguyên nhân và sự tuyệt chủng các loài (do mất nơi cư trú, nơi cư trú bị ô nhiễm, khai thác quá mức, sự du nhập của các loài ngoại lai hay sự lây lan của bệnh dịch,...); Tính cấp thiết của việc bảo tồn đa dạng sinh học biển, các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, vấn đề bảo tồn và kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học biển ở Việt Nam; Hệ thống các khu bảo tồn biển Việt Nam

- *Về kỹ năng*: Sinh viên vận dụng kiến thức được học để đánh giá và lập kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học biển, tham gia và tuyên truyền về bảo tồn đa dạng sinh học biển, đánh giá hiệu quả quản lý công tác bảo tồn biển
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:
- + Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao.
- + Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và thu thập dữ liệu về các văn bản pháp luật liên quan.
- + Sinh viên có ý thức cao hơn trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, không gây ô nhiễm trong khu vực mà mình đang sinh sống.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Bảo tồn các hệ sinh thái biển trang bị cho sinh viên các kiến thức về:

- Các khái niệm, định nghĩa về sinh thái và đa dạng sinh học: Các khái niệm cơ bản (đa dạng sinh học, đa dạng di truyền, loài và hệ sinh thái,...); Đa dạng của các khu sinh học biển điển hình; Những giá trị mà đa dạng sinh học biển đem lại (giá trị cho sản xuất, tiêu thụ, văn hóa, du lịch, giải trí,...); Mục đích, yêu cầu và phương pháp của việc nghiên cứu đa dạng sinh học biển.

- Sự suy thoái và các tổn thất về đa dạng sinh học biển hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới: Các khái niệm về sự tuyệt chủng (tuyệt chủng tự nhiên, cục bộ, toàn cầu, do con người gây ra, tuyệt chủng hàng loạt...); Các nguyên nhân gây nên sự tuyệt chủng của các loài (do mất nơi cư trú, nơi cư trú bị chia cắt và cách ly, do ô nhiễm, khai thác quá mức, bệnh dịch,...), Sự suy thoái đa dạng sinh học biển của Việt Nam hiện nay (do mất nơi sống, khai thác quá mức, ô nhiễm, chiến tranh,...).

- Các vấn đề về bảo tồn đa dạng sinh học: Tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn (thông qua những giá trị mà đa dạng sinh học đem lại như giá trị về sử dụng, sinh thái, đạo đức, thẩm mỹ,...); Các công ước quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học biển (bảo tồn loài, quần xã, quần thể và hệ sinh thái); Luật pháp của Việt Nam liên quan đến vấn đề bảo tồn và kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học biển ở Việt Nam; Các hình thức bảo tồn đang được áp dụng hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam (bảo tồn nguyên vị và chuyển vị), thiết kế và quản lý các khu bảo tồn biển, tuyên truyền giáo dục ý thức của người dân địa phương trong vấn đề bảo tồn biển; đánh giá hiệu quả quản lý các khu bảo tồn biển.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Trung Tạng (2004) *Sinh học và sinh thái học biển*, ĐHQG Hà Nội
2. Peter Castro and Michael E. Huber Dr. (2015), *Marine Biology 10th Edition*, McGraw-Hill Education
3. Đặng Ngọc Thanh và Nguyễn Huy Yết (2010), *Bảo tồn đa dạng sinh học biển*, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Chu Hồi (2006), *Quản lý tài nguyên và môi trường biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Vũ Trung Tạng (2007), *Cơ sở sinh thái học*, NXB Giáo dục

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học
- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Tiết)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT TL	KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ SINH THÁI HỌC	8	3	0	11	33	Đọc TLC 1, chương 1,2
1.1. Sơ lược lịch sử phát triển của sinh học biển và sinh thái học	1	1		2	6	
1.2 Các nhân tố môi trường và sự thích nghi	1	1		2	6	
1.3. Quần thể	2			2	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Tiết)	
	LT	BT TL	KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4. Quần xã	2			2	6	
1.5. Hệ sinh thái	2	1		3	9	
Chương 2. ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ HỆ SINH THÁI BIỂN	8	3	1	12	36	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 1
2.1 Đặc trưng của đa dạng sinh học biển	2			2	6	
2.2 Khái niệm về sinh thái, các hệ sinh thái biển đặc trưng	2			2	6	
2.3 Các giá trị của đa dạng sinh học biển	2	1		3	9	
2.4 Hiện trạng và nguyên nhân suy giảm đa dạng sinh học trên thế giới và Việt Nam	2	2		4	12	
Kiểm tra chương 1, 2			1	1	3	
Chương 3. BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ HỆ SINH THÁI BIỂN	8	3	0	11	33	Đọc TLC 1, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 2
3.1 Tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn biển	2			2	6	
3.2 Các nguyên tắc bảo tồn đa dạng sinh học biển	2			2	6	
3.3 Các công cụ bảo tồn hệ sinh thái biển						
3.3.1 Danh lục đỏ và sách đỏ	4	3		7	21	
3.3.2 Thiết lập các khu bảo tồn biển						
3.3.3 Bảo tồn đa dạng sinh học chuyển vị (EX-SITU)						
Chương 4. BẢO TỒN BIỂN TẠI VIỆT NAM	7	3	1	11	33	Đọc TLC 3, chương 2,3
4.1 Những nỗ lực trong hoạt động bảo	2	1		3	9	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Tiết)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT TL	KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tồn biển ở Việt Nam						
4.2 Hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam	2			2	6	
4.3 Đánh giá hiệu quả quản lý các khu bảo tồn biển Việt Nam	3	2		5	15	
Kiểm tra chương 3,4			1	1	3	
Cộng	31	12	02	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Quản lý tài nguyên và môi trường biển**
- Tiếng Anh: **Management to Marine Natural Resources and Environment**

- Mã học phần: **MRE203**

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết: Cơ sở Tài nguyên và môi trường biển

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết : 37 tiết
- Làm bài tập trên lớp : 06 tiết
- Thảo luận, kiểm tra : 02 tiết
- Tự học : 132 tiết

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

+ Về kiến thức:

- Sinh viên hiểu và nắm bắt những kiến thức cơ bản về kinh tế như thị trường, phúc lợi xã hội, ngoại ứng, hàng hóa công cộng, quyền tài sản,...

- Những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên biển và kinh tế môi trường biển, hiểu được các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; Trang bị những kiến thức cơ bản về phân tích chi phí-lợi ích, chi phí hiệu quả đối với tài nguyên và môi trường biển; Lượng giá tài nguyên biển.

+ Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên và môi trường biển làm cơ sở cho tiếp cận kinh tế trong quản tài nguyên và môi trường biển sau này.

+ *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, yêu thích ngành nghề biển; khả năng tự tìm tòi tư liệu và biết cách tổng hợp vấn đề.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Ngoài chương mở đầu có tính chất giới thiệu. Học phần được chia thành 4 chương;

Chương 1. Trình bày những kiến thức cơ bản liên quan đến tiếp cận kinh tế đối với tài nguyên và môi trường biển;

Chương 2. Trình bày những kiến thức cơ bản liên quan đến tài nguyên biển bao gồm tài nguyên tái tạo, tài nguyên không tái tạo và tài nguyên cho phát triển ngành dịch vụ hàng hải, du lịch biển;

Chương 3. Trình bày những kiến thức cơ bản liên quan đến môi trường biển như kiến thức về giá trị kinh tế của môi trường biển, Đánh giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm biển, các công cụ kinh tế sử dụng cho quản lý tài nguyên môi trường biển;

Chương 4. Trình bày nội dung phân tích chi phí và lợi ích và lượng giá tài nguyên biển làm cơ sở cho hoạch định chính sách biển dựa trên tiếp cận kinh tế.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) Nguyễn Thế Chinh (Chủ biên), 2003. *Kinh tế và quản lý môi trường*. NXB thống kê, Hà Nội.

(2) Nguyễn Văn Song (Chủ biên), 2009. *Giáo trình kinh tế tài nguyên*. NXB tài chính, Hà Nội.

(3) Trần Võ Hùng Sơn (Chủ biên), 2003. *Nhập môn phân tích lợi ích-chi phí*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) Bộ Khoa học công nghệ và môi trường, Cục Môi trường, 2000. Giới thiệu về công cụ kinh tế và khả năng áp dụng trong quản lý môi trường ở Việt Nam.

(2) Nguyễn Thế Chinh, 1999. *Áp dụng các công cụ kinh tế để nâng cao năng lực quản lý môi trường ở Hà Nội*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10. Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
MỞ ĐẦU: GIỚI THIỆU VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN.	3			3	9	Đọc TL (1) Chương mở đầu
<i>I. KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN.</i>	1			1	3	
1. Những vấn đề cơ bản về kinh tế học.	0,5					
2. Kinh tế tài nguyên và môi trường biển.	0,5					
<i>II. ĐỐI TƯỢNG MÔN HỌC</i>	0,5			0,5	1,5	
<i>III. NHIỆM VỤ MÔN HỌC</i>	0,5			0,5	1,5	
<i>III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC</i>	1			1	1	
CHƯƠNG I: TIẾP CẬN KINH TẾ TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN	9		1	10	30	Đọc TL (1) Chương 1
<i>1.1 MỐI QUAN HỆ CON NGƯỜI – MÔI TRƯỜNG BIỂN.</i>	1			1	3	
1.1.1 Con người và hoạt động kinh tế biển.	0,5					
1.1.2 Tiếp cận kinh tế tài nguyên và môi trường biển.	0,5					
<i>1.2 THỊ TRƯỜNG VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ.</i>	2			2	6	

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
1.2.1 Cầu thị trường-Thặng dư tiêu dùng.	0,5					
1.2.2 Cung thị trường-Thặng dư sản xuất.	0,5					
1.2.3 Hiệu quả kinh tế-Thặng dư xã hội.	1,0					
1.3 NGOẠI ỨNG VÀ THẤT BẠI THỊ TRƯỜNG.	2			2	6	
1.3.1 Khái niệm ngoại ứng.	0,5					
1.3.2 Ngoại ứng tiêu cực và thất bại thị trường	1,0					
1.3.3 Ngoại ứng tích cực và thất bại thị trường.	0,5					
1.4 QUYỀN TÀI SẢN, Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ CẠN KIẾT TÀI NGUYÊN BIỂN.	2			2	6	
1.4.1 Quyền tài sản.	0,5					
1.4.2 Ô nhiễm môi trường biển	0,5					
1.4.3 Cạn kiệt tài nguyên biển.	1,0					
1.5 HÀNG HÓA CÔNG CỘNG VÀ THẤT BẠI THỊ TRƯỜNG.	2			2	6	
1.5.1 Khái niệm hàng hóa công cộng.	0,5					
1.5.2 Đặc điểm hàng hóa công cộng.	0,5					
1.5.3 Hàng hóa công cộng và thất bại thị trường.	1,0					
Kiểm tra lần 1			1	1	3	
CHƯƠNG II: KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN.	10			10	30	Đọc TL (1) Chương 2
2.1 TÀI NGUYÊN BIỂN.	2			2	6	
2.1.1 Khái niệm.	1,0					
2.1.2 Phân loại tài nguyên biển.	1,0					
2.2 TÀI NGUYÊN BIỂN KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG TÁI TẠO.	2			2	6	
2.2.1 Mô hình kinh tế khai thác và sử dụng tài nguyên biển không có khả năng tái tạo: Khoáng sản biển.	1,0					
2.2.2 Vấn đề chiết khấu và tiết kiệm tài nguyên biển không có khả năng tái tạo.	1,0					
2.3 TÀI NGUYÊN BIỂN CÓ KHẢ	2			2	6	

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
NĂNG TÁI TẠO.						
2.3.1 Mô hình kinh tế khai thác và sử dụng tài nguyên biển có khả năng tái tạo: Hải sản biển.	1,0					
2.3.2 Vấn đề chiết khấu và tiết kiệm tài nguyên biển có khả năng tái tạo.	1,0					
2.4 TÀI NGUYÊN DU LỊCH VÀ HÀNG HẢI BIỂN.	2			2	6	
2.4.1 Tài nguyên du lịch biển.	1,0					
2.4.2 Tài nguyên hàng hải biển.	1,0					
2.5 CÔNG CỤ KINH TẾ VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN BIỂN.	2			2	6	
2.5.1 Thuế tài nguyên biển.	0,5					
2.5.2 Phí dịch vụ tài nguyên biển	0,5					
2.5.3 Cơ chế tài chính liên quan đến tài nguyên biển.	1,0					
CHƯƠNG III: KINH TẾ MÔI TRƯỜNG BIỂN.	9	3	1	13	39	Đọc TL (1) Chương 3
3.1 MÔI TRƯỜNG BIỂN.	1			1	3	
3.1.1 Khái niệm môi trường biển.	0,5					
3.1.2 Đặc điểm môi trường biển.	0,5					
3.2 LƯỢNG GIÁ KINH TẾ MÔI TRƯỜNG BIỂN.	2			2	6	
3.2.1 Giá trị kinh tế môi trường biển.	1,0					
3.2.2 Phương pháp lượng giá giá trị kinh tế môi trường biển.	1,0					
3.3 THIẾT HẠI KINH TẾ DO Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN.	3			3	9	
3.3.1 Khái niệm về thiệt hại kinh tế do ô nhiễm môi trường biển.	1,5					
3.3.2 Đánh giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm môi trường biển	1,5					
3.4 CÔNG CỤ KINH TẾ TRONG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG BIỂN.	3			3	9	
3.4.1 Thuế ô nhiễm môi trường biển	1,0					
3.4.2 Phí ô nhiễm môi trường biển.	1,0					
3.4.3 Cota đánh bắt cá trên biển.	1,0					

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Bài tập		3		3	9	
Kiểm tra lần 2			1	1	3	
CHƯƠNG IV: PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ HIỆU QUẢ.	6	3		9	27	Đọc TL (1) Chương 4
<i>4.1 PHÂN TÍCH CHI PHÍ-LỢI ÍCH (CBA)</i>	2			2	6	
4.1.1 Khái niệm CBA.	0,5					
4.1.2 Các bước tiến hành phân tích chi phí-lợi ích	1,0					
4.1.3 Các chỉ tiêu sử dụng trong phân tích chi phí-lợi ích.	0,5					
<i>4.2 PHÂN TÍCH CHI PHÍ HIỆU QUẢ (EC).</i>	2			2	6	
4.2.1 Khái niệm EC.	0,5					
4.2.2 Nội dung tiến hành phân tích chi phí hiệu quả.	1,0					
4.2.3 Các chỉ tiêu sử dụng trong EC.	0,5					
<i>4.3 SỬ DỤNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHI PHÍ-LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ HIỆU QUẢ CHO HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH BIỂN.</i>	2			2	6	
4.3.1 Phân tích chi phí-lợi ích và hoạch định chính sách tài nguyên và môi trường biển.	1,0					
4.3.2 Phân tích chi phí-hiệu quả và hoạch định chính sách tài nguyên và môi trường biển.	1,0					
Bài tập		3		3	9	
TỔNG	37	6	2	45	132	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra; TH, TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: Tự nghiên cứu.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Thủy văn đảo**
- Tiếng Anh: **Island Hydrology**

- Mã học phần: **IHY204**

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thủy văn đại cương, Khí tượng đại cương và Hải dương học

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 00 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
- Kiểm tra: 05 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hải dương học, công nghệ biển và hàng hải, Khoa Khoa học biển & Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên có kiến thức cơ bản về thủy văn đảo, phương pháp đánh giá tài nguyên nước và tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến chế độ thủy văn và tài nguyên nước đảo.

- *Về kỹ năng*: Sinh viên biết cách phân tích và đánh giá tình hình thủy văn, tài nguyên nước và tác động của biến đổi khí hậu đến thủy văn đảo.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học. Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet. Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử. Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà. Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp. Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên. Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Chương 1: Mở đầu
- Chương 2: Thủy văn đảo

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- (1) À. C. FALKLAND (2001), *Hydrology and water management on tropical small islands*. Hydrology and Water Resources Branch, ACT Electricity and Water, Australia.
- (2) Lê Đức An (2008). *Hệ thống đảo ven bờ Việt Nam: Tài nguyên và Phát triển*. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hà Nội.
- (3) Phạm Văn Huân (2003), *Tính toán trong hải dương học*, NXB ĐHQG Hà Nội.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- (1) Ban Tuyên giáo Trung ương và Quân chủng Hải quân (2007). *Biển và Hải đảo Việt Nam*. NXB xí nghiệp bản đồ I, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra cùng hệ số. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
PHẦN 1: CẤU TRÚC KHÔNG GIAN CỦA NƯỚC ĐẠI DƯƠNG VÀ CÁC KHỐI NƯỚC	11	3	2	16	48	
1.1 Các đối cấu trúc của Đại dương Thế giới	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 264-269
1.2 Cấu trúc thẳng đứng của các tham số trạng thái của đại dương	1	1		2	6	Đọc TL C(1) trang 269-284
1.3 Khái niệm về các khối nước. Phân định các khối nước trên cơ sở phân tích nhiệt muối	3			3	9	Đọc TLC (1) trang 284-291
1.4. Những khối nước cơ bản của Đại dương Thế giới	2			2	6	Đọc TLC (1) trang 291-297
1.5. Về những cơ chế hình thành và tiến triển của các khối nước đại dương	2			2	6	Đọc TLC (1) trang 297-302
1.6 Cấu trúc phương ngang của các tham số trạng thái đại dương	2	1		3	9	Đọc TLC (1) trang 302-310
1.7. Thảo luận		1		1	3	
1.8. Kiểm tra			2	2	6	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
PHẦN 2: CÁC TÍNH CHẤT ÂM HỌC BIỂN	9	2	3	14	42	
2.1. Sự truyền âm trong nước biển	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 140-144
2.2. Sự khúc xạ các tia âm. Kênh âm ngầm	2			2	6	Đọc TLC (1) trang 144-148
2.3. Sự tắt dần âm trong nước biển	2			2	6	Đọc TLC (1) trang 148-150
2.4. Đặc điểm phân bố tốc độ âm trong các đại dương	1			1	3	Đọc TLC (1) trang 150-153
2.5. Tiếng ồn của đại dương	2			2	6	Đọc TLC (1) trang 153-155
2.6 Thảo luận	1	2		3	9	
2.7. Kiểm tra			3	3	9	
Cộng	20	5	5	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản lý nhà nước về biển**
 - Tiếng Anh: **Marine State Management**
- Mã học phần: **MSM203**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các môn học tiên quyết: Cơ sở tài nguyên và môi trường biển; Hải dương học đại cương

- Các môn học kế tiếp: Theo chương trình đào tạo của ngành Quản lý biển
- Các môn học song hành: không có
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết : 38 tiết
- Làm bài tập trên lớp : 05 tiết
- Thảo luận, kiểm tra : 02 tiết
- Tự học : 135 tiết

- BM phụ trách môn học: BM Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò và chức năng của biển và đại dương với đời sống Trái đất và nhân loại. Vị trí địa chính trị, địa kinh tế và địa văn hóa của biển Đông và vị thế của biển Việt Nam. Tình trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển. Các cơ hội và thách thức đối với công tác quản lý nhà nước về biển, bao gồm các tác động của thiên tai và nhân tai, cũng như nhu cầu phải quản lý nhà nước về biển Việt Nam. Phân biệt quản lý nhà nước theo ngành và quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo.
- *Về kỹ năng:* Cung cấp kỹ năng liên quan tới việc áp dụng các công cụ và biện pháp quản lý thuộc các lĩnh vực biển. Giới thiệu một số công cụ chủ lực áp dụng trong quản lý biển và quản lý nhà nước tổng hợp về biển.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập và có ý thức bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quang chúng ta.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần này có 2 phần và 4 chương, không tính mở đầu và phụ lục:

+ Phần I đề cập đến các vấn đề chung và gồm 3 chương.

- Chương 1 giới thiệu về vai trò của đại dương, biến đổi với đời sống Trái đất và cuộc sống của con người.

- Chương 2 khái quát về vị thế và tiềm năng của biển Đông đối với sự phát triển của các nước quanh khu vực biển Đông và các vấn đề toàn cầu của biển Đông (vị trí địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hóa-xã hội). Trình bày kỹ hơn về lợi thế so sánh, tình hình khai thác, sử dụng và những cơ hội, thách thức đối với biển Việt Nam.

+ Phần II bàn về quản lý nhà nước về biển ở Việt Nam và gồm 2 chương.

- Chương 3 giới thiệu khái quát về quản lý (management) và quản trị (governance) biển và đại dương trên thế giới, nhấn mạnh đến Công ước Liên hiệp quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS 1982) và các điều ước quốc tế khác về biển và quản lý biển trên thế giới; các thể chế quản lý biển trên thế giới và các bài học thực tiễn tốt ở một số nước,...Chương này cũng phân tích sâu hơn về quản lý biển theo ngành và quản lý tổng hợp, thống nhất về biển.

- Chương 4 đi sâu giới thiệu về một số vấn đề quản lý nhà nước về biển: Vai trò của quản lý nhà nước về biển; cơ cấu tổ chức, bộ máy QLNN về biển; chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về biển; xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về biển; quản lý nhà nước đối với công tác điều tra, nghiên cứu và hoạt động KH-CN biển; vấn đề quản lý môi trường biển; quản lý khai thác, sử dụng biển, bao gồm giám sát biển; công tác tuyên truyền về biển, hải đảo,...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1).Nguyễn Hữu Hải (2014). *Đại cương về quản lý nhà nước*. Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội.

(2) Lê Đức Tố (2005). *Quản lý biển*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

(3) Chua Thia-Eng (2006). *The dynamics of Intergrated Coastal Management: Practical Applications in the Sustainable Coastal Development in East*, GEF/UNDP/IMO PEMSEA.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) Ban tuyên giáo Trung ương (2010). *Chiến lược biển Việt Nam: Từ quan điểm đến thực tiễn*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

(2) Nguyễn Hồng Thao (2008). *Công ước biển 1982 và Chiến lược biển của Việt Nam*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

(3) Biliiana Cicin-Sain B and KnechtR (1998). *Intergrated Coastal and Ocean Managment. Concepts and Practices* Island Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10. Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	<input checked="" type="checkbox"/>	Trắc nghiệm	<input type="checkbox"/>	Thực hành	<input type="checkbox"/>
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Mở đầu	0.5			0.5	1.5	
PHẦN 1: CÁC VẤN ĐỀ CHUNG						
CHƯƠNG 1: VAI TRÒ CỦA BIỂN, ĐẠI DƯƠNG ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG TRÁI ĐẤT VÀ CUỘC SỐNG CỦA CON NGƯỜI	3.5			3.5	10.5	Đọc TL (1) Chương 1
1.1. Đại dương của Trái đất	0,5				1,5	
1.2. Đại dương cung cấp không gian sống cho các loài và các hoạt động phát triển	0,5				1,5	
1.3. Vai trò điều hòa của đại dương trong mối tương tác với khí quyển	1				3	
1.4. Đại dương – nơi dự trữ cuối cùng của loài người về tài nguyên thiên nhiên	0,5				1,5	

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
1.5. Các vấn đề đại dương toàn cầu	1				3	
CHƯƠNG 2: BIỂN VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH KHU VỰC	8		1	9	27	Đọc TL (1) Chương 2
2.1. Khái quát về vị thế và tiềm năng của biển Đông	3			3	9	
2.1.1. Biển Đông – Ngã ba đường của thế giới	1				3	
2.1.2. Vị trí địa chính trị và địa kinh tế của biển Đông	1				3	
2.1.3. Tiềm năng phát triển của biển Đông	1				3	
2.2. Biển Việt Nam trong bối cảnh khu vực	1			1	3	
3.1. Tài nguyên biển Việt Nam	1			1	3	
3.2. Lợi thế so sánh trong phát triển	1			1	3	
3.3. Tình hình khai thác, sử dụng biển, vùng ven biển và hải đảo	1			1	3	
3.4. Các thách thức, cơ hội và vấn đề quản lý biển Việt Nam.	1			1	3	
Kiểm tra chương 1, 2			1	1	3	
PHẦN II: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BIỂN						
CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ THEO NGÀNH VÀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP, THỐNG NHẤT VỀ BIỂN Ở VIỆT NAM	8			8	24	Đọc TL (1) Chương 3
3.1. Quản lý và quản trị biển, đại dương trên thế giới	4			4	12	
3.1.1. Khái niệm	1				3	
3.1.2. Công ước Liên hiệp quốc về biển 1982 (UNCLOS 1982)	1				3	
3.1.3. Các điều ước quốc tế khác về đại dương và biển	1				3	
3.1.4. Quản trị tổng hợp đại dương và biển quốc gia	1				3	
3.2. Quản lý biển theo ngành và quản lý tổng hợp, thống nhất về biển ở Việt Nam	4			4	12	
3.2.1. Quản lý biển theo ngành	1				3	
3.2.2. Quản lý biển theo vấn đề chuyên biệt	1				3	
3.2.3. Quản lý biển tổng hợp và thống nhất quản lý nhà nước về biển	2				6	
CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ NHÀ	18	5	1	24	72	Đọc TL (1)

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
NƯỚC VỀ BIỂN Ở VIỆT NAM						Chương 4
4.1. Các vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước về biển	3			3	9	
4.1.1. Vai trò của quản lý nhà nước (QLNN) về biển	1				3	
4.1.2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy QLNN về biển	1				3	
4.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan QLNN về biển	1				3	
4.2. Xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về biển	3			3	9	
4.2.1. Xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật biển quốc gia	1				3	
4.2.2. Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020	1				3	
4.2.3. Thực hiện các cam kết quốc tế về quản lý biển tại Việt Nam	1				3	
4.3. Quản lý nhà nước đối với công tác điều tra, nghiên cứu (ĐTNC) và khoa học-công nghệ (KHCCN) biển	3			3	9	
4.3.1. Đặc điểm của công tác ĐTNC, KHCCN biển	1				3	
4.3.2. Tổ chức hoạt động QLNN về ĐTNC	1				3	
4.3.3. Quản lý KHCCN biển (bao gồm cấp phép tàu thuyền nước ngoài vào khảo sát, nghiên cứu biển Việt Nam)	1				3	
4.4. Quản lý môi trường biển	3			3	9	
4.4.1. Quan trắc và kiểm soát môi trường biển	0.5				1.5	
4.4.2. Quản lý ô nhiễm biển nguồn từ đất liền	0.5				1.5	
4.4.3. Quản lý ô nhiễm biển nguồn trên biển	0.5				1.5	
4.4.4. Xác định “điểm nóng môi trường biển” và xây dựng kế hoạch ứng cứu sự cố môi trường biển	0.5				1.5	
4.4.5. Áp dụng các công cụ quản lý môi trường biển: đánh giá rủi ro, ĐTM, ĐCM,...	0.5				1.5	
4.4.6. Quản lý đa dạng sinh học và các khu bảo tồn biển	0.5				1.5	
4.5. Quản lý khai thác, sử dụng biển, hải	3			3	9	

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
đảo						
4.5.1. Chính sách phát triển kinh tế - xã hội biển và các tác động ở Việt Nam	0.5				1.5	
4.5.2. Quan niệm về kinh tế biển "xanh"	0.5				1.5	
4.5.3. Chính sách, pháp luật về quản lý khai thác, sử dụng biển	0.5				1.5	
4.5.4. Các thể lệ quản lý: cấp và thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng biển; thuế, lệ phí và phí sử phạt trong khai thác, sử dụng biển, hải đảo	0.5				1.5	
4.5.5. Công tác quy hoạch: quy hoạch quản lý không gian biển và vùng ven biển; quy hoạch khai thác, sử dụng biển, vùng ven biển và hải đảo	0.5				1.5	
4.5.6. Giám sát tình trạng khai thác, sử dụng biển (hải giám): kế hoạch và phương tiện giám sát, tổ chức giám sát	0.5				1.5	
4.6. Công tác tuyên truyền về biển, hải đảo	2			4	12	
4.6.1. Tuyên truyền và truyền thông về biển, hải đảo	0.5				1.5	
4.6.2. Quan điểm và nguyên tắc tuyên truyền	0.5				1.5	
4.6.3. Các phương tiện và hình thức tuyên truyền	0.5				1.5	
4.6.4. Tổ chức Ngày Đại dương Thế giới (8/6) và Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (1-7/6), các sự kiện bên lề.	0.5				1.5	
4.7. Các công tác khác	1			1	3	
4.7.1. Hệ thống QLNN về biển/hải đảo cấp địa phương	0.5				1.5	
4.7.2. Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về biển	0.5				1.5	
Bài tập chung (tiểu luận theo nhóm trên lớp)		2		3	9	
Thảo luận		2		6	6	
Kiểm tra chương 3, 4			1	1	3	
TỔNG	38	5	2	45		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra; TH, TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: Tự nghiên cứu.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quan trắc tổng hợp môi trường biển**
 - Tiếng Anh: **Integrated Marine Environment Monitoring**
- Mã học phần: **IMO203**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết: Hóa học đại cương, Hóa học biển, Thủy văn đại cương

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
- Bài tập: 2 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 7 tiết

- Thời gian tự học: 135 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu được các kiến thức, khái niệm cơ bản về quan trắc môi trường và vận dụng vào hoạt động quan trắc tổng hợp môi trường biển; trình bày được các nguyên tắc và các bước cơ bản trong thiết kế, thực hiện và đánh giá một chương trình/kế hoạch quan trắc tổng hợp môi trường biển; tổng hợp, phân tích được các dữ liệu và viết báo cáo quan trắc tổng hợp môi trường biển; và áp dụng được quy trình đảm bảo chất lượng, kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong thiết kế, thực hiện, phân tích dữ liệu và viết báo cáo quan trắc tổng hợp môi trường biển.

- *Về kỹ năng*: Thiết kế được mạng lưới thu mẫu, thông số và tần xuất lấy mẫu; biết cách bảo quản và vận chuyển mẫu từ thực địa về các phòng thí nghiệm. Tổng hợp, phân tích được dữ liệu trên máy tính và trình bày, đánh giá được các số liệu thông qua bảng biểu, đồ thị. Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ, bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về quan trắc môi trường nói chung và quan trắc môi trường biển nói riêng; các bước cơ bản và những nội dung trong xây dựng kế hoạch, chương trình quan trắc môi trường biển; những nguyên tắc cơ bản trong kiểm soát, đảm bảo chất lượng trong quan trắc môi trường và cách xử lý, đánh giá kết quả và viết báo cáo quan trắc môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2011). *Quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường nước biển (bao gồm cả trầm tích đáy và sinh vật biển)*. Thông tư số 31/2011/TT-BTNMT.
2. Trương Mạnh Tiến (2005). *Quan trắc Môi trường*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Lê Quốc Hùng (2006). *Các phương pháp và thiết bị quan trắc môi trường nước*, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đoàn Văn Bộ (2001). *Các phương pháp phân tích hoá học nước biển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. ASEAN (2008). *ASEAN Marine Water Quality Management Guidelines and Monitoring Manual*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập, bài kiểm tra kết thúc học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Bài Mở đầu: Giới thiệu học phần			1	1	3	
Chương 1: Các khái niệm chung và tổng quan về quan trắc môi trường	5		2	7	21	
1.1. Một số khái niệm và thuật ngữ thường dùng	1			1	3	
1.2. Vai trò của quan trắc môi trường	1			1	3	
1.3. Tổng quan mạng lưới quan trắc môi trường thế giới và Việt Nam	3			3	9	
Thảo luận về một số hoạt động quan trắc môi trường ở Việt Nam			2	2	6	
Chương 2: Các vấn đề cơ bản trong quan trắc môi trường biển	10		1	11	33	
2.1. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến quan trắc môi trường biển	2			2	6	
2.2. Các đặc trưng cơ bản của môi trường biển	2			2	6	
2.3. Ô nhiễm và suy thoái môi trường biển	2			2	6	
Thảo luận về ô nhiễm và suy thoái			1	1	3	

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
môi trường biển						
2.4. Hệ thống quản lý, quan trắc môi trường biển	2			2	3	
2.5. Nhu cầu và ý nghĩa của hệ thống quan trắc môi trường biển Việt Nam	2			2	6	
Chương 3: Xây dựng chương trình quan trắc tổng hợp môi trường biển	7		2	9	27	
3.1. Các bước thiết lập chương trình quan trắc môi trường biển	1			1	3	
3.2. Xây dựng các nội dung cụ thể trong chương trình quan trắc môi trường biển	3			3	9	
3.3. Yêu cầu cơ bản đối với chương trình quan trắc biển	1			1	3	
3.4. Xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) đối với chương trình quan trắc biển	2			2	6	
Thảo luận nhóm về xây dựng chương trình quan trắc tổng hợp môi trường biển			2	2	6	
Chương 4: Thực hiện chương trình quan trắc tổng hợp môi trường biển	8			8	24	
4.1. Phương pháp thu, bảo quản và	2			2	6	

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
vận chuyển mẫu; biểu mẫu, nhật ký quan trắc						
4.2. Đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong quan trắc tại hiện trường	2			2	6	
4.3. Phương pháp đo đạc, phân tích các thông số môi trường; biểu mẫu và nhật ký phân tích môi trường	2			2	6	
4.4. Đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong phòng thí nghiệm	2			2	6	
Chương 5: Xử lý số liệu và viết báo cáo quan trắc tổng hợp môi trường biển	6			8	18	
5.1. Xử lý số liệu quan trắc môi trường biển	2			2	6	
5.2. Đánh giá kết quả quan trắc và viết báo cáo quan trắc môi trường biển.	2			2	6	
5.3. Đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong quản lý số liệu và lập báo cáo quan trắc môi trường biển.	2			2	6	
Trình bày bài tập nhóm về chương trình quan trắc tổng hợp môi trường biển		2		2	6	
Ôn tập toàn bộ học phần			1	1	3	

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Cộng	36	2	7	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Quản lý tổng hợp vùng bờ biển**
- Tiếng Anh: **Integrated Coastal Management**
- Mã học phần: **ICM203**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở tài nguyên và môi trường biển, Quản lý nhà nước về biển, Hải dương học đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đới bờ, vùng bờ và thuộc tính của chúng, vùng bờ quản lý; tầm quan trọng của vùng bờ, các vấn đề kinh tế-xã hội ở vùng bờ và thể chế-chính sách quản lý hiện hành. Trên cơ sở đó xác định nhu cầu quản lý tổng hợp vùng bờ biển (QLTHVB). Các nguyên tắc và chu trình QLTHVB, nội dung và sản phẩm đầu ra của QLTHVB. Cách thức tiến hành xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB cụ thể, các công cụ thường áp dụng trong QLTHVB. Giới thiệu các bài học kinh nghiệm QLTHVB trên thế giới và thực trạng hoạt động QLTHVB ở Việt Nam.

- *Về kỹ năng:* Cung cấp kỹ năng liên quan tới việc áp dụng các công cụ trong quá trình thực hiện QLTHVB; các phương pháp và kỹ năng trong xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB; kỹ năng phân vùng chức năng vùng bờ biển,...

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Rèn luyện tinh thần chủ động, tự chủ trong công việc, có trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

+ Chương 1: giới thiệu chung về các khái niệm cơ bản liên quan: đường bờ biển, đới bờ biển, vùng bờ biển, các thuộc tính cơ bản của đới bờ và vùng bờ, khái niệm vùng bờ quản lý và ranh giới QLTHVB; Bản chất các hệ thống tài nguyên vùng bờ, cách tiếp cận hệ thống trong quản lý vùng bờ; phát triển bền vững và phát triển bền vững vùng bờ. Trong chương này còn đề cập đến nhu cầu quản lý và QLTHVB. Phân tích tầm quan trọng của vùng bờ, các thách thức và bối cảnh kinh tế-xã hội, thể chế-chính sách quản lý vùng bờ và xác định các vấn đề bức xúc/ưu tiên quản lý của vùng bờ.

+ Chương 2: về lập kế hoạch QLTHVB đề cập đến bản chất sử dụng đa ngành và bối cảnh quản lý; các nguyên tắc trong lập kế hoạch QLTHVB; phân biệt khái niệm quản lý theo ngành và QLTHVB; các mục tiêu và nguyên tắc chỉ dẫn QLTHVB; Lập kế hoạch QLTHVB.

+ Chương 3: Các công cụ hỗ trợ QLTHVB bao gồm công cụ quản lý thông tin, công cụ phân tích đánh giá tiến độ và công cụ quy hoạch quản lý.

+ Chương 4: Tổng quan về QLTHVB ở Việt Nam, những tiềm năng thách thức và áp dụng QLTHVB ở Việt Nam. Phần cuối nêu lên một số ví dụ điển hình, những bài học về QLTHVB trên thế giới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Chua Thia-Eng (2006), *The Dynamics of Integrated Coastal Management: Practical Applications in the Sustainable Coastal Development in East Asia*, GEF/UNDP/IMO PEMSEA.

2. Nguyễn Lâm Anh (2011). *Quản lý tổng hợp vùng ven biển*. Đại học Nha Trang.

3. Lê Đức Tố (2005), *Quản lý biển*, NXB ĐHQG Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2003), *Quản lý tổng hợp đới bờ: Kinh nghiệm thực tế ở Việt Nam*

2. Nguyễn Chu Hồi và nnk (2000), *Nghiên cứu xây dựng giải pháp quản lý tổng hợp vùng bờ biển Việt Nam, bảo đảm an toàn sinh thái và phát triển bền vững*, Báo cáo đề tài cấp nhà nước KH-06-07, lưu trữ tại Bộ KH&CN, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input checked="" type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học
- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHU CẦU QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ	8	1	3	12	36	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
						chương 1.
1.1. Các đặc điểm của vùng bờ <i>1.1.1. Một số khái niệm liên quan</i> <i>1.1.2. Các quá trình tự nhiên vùng bờ</i>	1			1	3	
1.2. Tài nguyên vùng bờ <i>1.2.1. Sinh vật</i> <i>1.2.2. Phi sinh vật</i> <i>1.2.3. Nhân văn</i>	2		1	3	9	
1.3. Tầm quan trọng về kinh tế và môi trường của vùng bờ <i>1.3.1. Cảng biển - giao thông</i> <i>1.3.2. Khai thác khoáng sản và dầu mỏ</i> <i>1.3.3. Du lịch và giải trí</i> <i>1.3.4. Thủy sản</i> <i>1.3.5. Các ngành khác</i>	2		1	3	9	
1.4 Các vấn đề vùng bờ <i>1.4.1. Ô nhiễm</i> <i>1.4.2. Suy giảm tài nguyên và mất dần hệ sinh thái</i> <i>1.4.3. Thiên tai và sự cố</i> <i>1.4.4. Biến đổi khí hậu và nước biển dâng</i> <i>1.4.5. Bùng nổ dân số và đô thị hóa</i> <i>1.4.6. Mâu thuẫn trong sử dụng tài nguyên và môi trường vùng bờ</i>	2		1	3	9	
1.5 .Các cách tiếp cận quản lý vùng bờ	1	1		2	6	
Chương 2. LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ	8	1	2	11	33	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 2.
2.1. Phát triển bền vững	2			2	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Quá trình hình thành 2.1.3. Nguyên tắc PTBV						
2.2. Khái niệm và lịch sử phát triển QLTBVB 2.2.1. Các định nghĩa 2.2.2. Lịch sử phát triển 2.2.3. Phân định ranh giới QLTHVB	2			2	6	
2.3. Một số nguyên tắc trong lập kế hoạch QLTHVB	1			1	3	
2.4. Các mục tiêu của QLTHVB	1			1	3	
2.5. Lập kế hoạch QLTHVB 2.5.1. Chu trình 4 bước Delft 2.5.2. Chu trình 6 bước PEMSEA	2	1	1	4	12	
Kiểm tra chương 1 & 2			1	1	3	
Chương 3. CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ QLTHVB	8	1	3	12	36	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 3.
3.1 Công cụ phân tích thông tin 3.1.1. Hồ sơ vùng bờ 3.1.2. Đánh giá nhanh môi trường vùng bờ (RACE) 3.1.3. Đánh giá rủi ro môi trường 3.1.4. Phương pháp đánh giá năng lực chịu tải 3.1.5. Hệ thống thông tin tổng hợp (IIMS) 3.1.6. Chương trình quan trắc môi trường tổng hợp 3.1.7. Đánh giá tác động môi trường (EIA)	4		2	6	18	
3.2 Công cụ quản lý 3.2.1. Chiến lược vùng bờ	4	1	1	6	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
3.1.2. Quy hoạch sử dụng biển 3.1.3. Kế hoạch truyền thông/giáo dục 3.1.4. Lượng giá kinh tế 3.1.5 Hợp tác công tư trong đầu tư môi trường 3.1.6. Cơ cấu tổ chức thực hiện 3.1.7. Cơ chế tài chính bền vững						
Chương 4. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ VIỆT NAM	8	1	1	10	30	Đọc TLC 2, chương 4.
4.1. Hiện trạng quản lý vùng bờ tại Việt Nam	1			1	3	
4.2. Nhu cầu quản lý tổng hợp vùng bờ tại Việt Nam	1			1	3	
4.3. Các nguyên tắc cơ bản về quản lý tổng hợp vùng bờ ở Việt Nam	1			1	3	
4.4. Tổ chức thực hiện QLTHVB tại Việt Nam	2			2	6	
4.5. Một số dự án điển hình QLTHVB trên thế giới						
4.5.1. Hà Lan	3	1		3	9	
4.5.2. Hạ Môn, Trung Quốc						
4.5.3. Philippines						
Kiểm tra chương 3 & 4			1	1	3	
Cộng	32	04	09	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Quy hoạch sử dụng không gian biển**
- Tiếng Anh: **Marine Spatial Planning**
- Mã học phần: **MSP203**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các môn học tiên quyết: Cơ sở TN&MT, Thủy văn đại cương, Hải dương học, Quản lý nhà nước về biển, ICM

- Các môn học kế tiếp: Theo chương trình đào tạo của ngành Quản lý biển

- Các môn học song hành: không có

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết : 40 tiết
- Làm bài tập trên lớp : 3 tiết
- Thảo luận, kiểm tra : 2 tiết
- Tự học : 120 tiết

- BM phụ trách môn học: BM Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

+Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quy hoạch không gian biển và vùng bờ (CMSP) và cách tiếp cận từng bước khi thực hiện một chu trình CMSP. Phân biệt các khái niệm cơ bản như phân vùng và quy hoạch, tiếp cận dựa vào vùng và hệ sinh thái (area-based và ecosystem-based approaches), và vùng quy hoạch (planned area). Giới thiệu các nguyên tắc và chu trình CMSP, nội dung và sản phẩm đầu ra của CMSP. Các công cụ thường áp dụng trong quá trình triển khai CMSP. Lấy ví dụ

một số bài học kinh nghiệm về CMSP trên thế giới, cũng như đánh giá nhu cầu và thực tế áp dụng CMSP ở Việt Nam.

+ *Về kỹ năng*: Cung cấp kỹ năng liên quan tới việc áp dụng các công cụ trong quá trình thực hiện CMSP; các phương pháp và kỹ năng trong xây dựng và triển khai một CMSP thông qua làm bài tập và thực tế.

+ *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, khả năng tự tìm tòi tư liệu và biết cách tổng hợp vấn đề trong quy hoạch.

3. Tóm tắt nội dung môn học

+ Học phần này được xây dựng theo các bước quy hoạch (tương đương các chương) và có thể đưa vào 2 phần chính sau (không tính mở đầu và phụ lục):

+ Phần I: Giới thiệu chung về các khái niệm cơ bản liên quan đến quy hoạch, quy hoạch không gian và quy hoạch không gian bờ và biển, mà bản chất là quy hoạch sử dụng không gian ở vùng bờ và biển. Phân biệt các khái niệm: CMSP và quản lý tổng hợp vùng bờ biển, CMSP với phân vùng sử dụng vùng bờ và biển (coastal and marine zoning), CMSP với quản lý không gian biển và vùng bờ biển (CMSM). Đề cập đến nhu cầu CMSP và các cách tiếp cận được áp dụng trong quá trình triển khai một chương trình CMSP. Xác định vị trí pháp lý của CMSP ở cấp quốc gia và xây dựng hướng dẫn kỹ thuật thực hiện CMSP ở cấp quốc gia, vùng và tỉnh.

+ Phần II: Giới thiệu chu trình quy hoạch (3 giai đoạn và 10 bước). Bước 1 là xác định nhu cầu và thành lập cơ quan thực hiện CMSP; Bước 2 - xác định nguồn tài chính; Bước 3 đề cập đến giai đoạn trước quy hoạch (preplanning), tập trung giới thiệu 06 nhiệm vụ mang tính nguyên tắc cơ bản trong lập CMSP; Bước 4 giới thiệu sự tham gia của các bên liên quan/cộng đồng dân trong (liên quan đến) vùng quy hoạch; Bước 5: xác định và phân tích hiện trạng vùng quy hoạch; Bước 6: xác định và phân tích các điều kiện (nhu cầu) tương lai; Bước 7: Chuẩn bị và phê duyệt CMSP; Bước 8: Thực thi CMSP (đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt); Bước 9: Giám sát và đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch; và Bước 10: Rà soát và điều chỉnh CMSP.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) Ehler C. và F. Douvère (2009). *Quy hoạch không gian biển: Tiếp cận từng bước hướng tới quản lý dựa vào hệ sinh thái*. IOC UNESCO – MAB xuất bản (Bản dịch tiếng Việt năm 2010).

(2) Spatial Planning in the Coastal Zone of the East Asian Seas Region: *Integrating Emerging Issues and Modern Management Approaches*. Interim Edition, UNEP-Sida-COBSEA published in November, 2011.

(3) Nguyễn Chu Hồi (2013) *Quy hoạch không gian biển và vùng bờ biển*. NXB Nông Nghiệp

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) Blair T. Bower, Charles N. Ehler and Daniel J. Basta (1994) *A Framework of Integrated Coastal Management Planning*. NOAA/IUCN.

(2) Biliana Cicin-Sain B. and Knecht R. (1998). *Integrated Coastal and Ocean Management: Concepts and Practices*. Island Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10. Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	<input checked="" type="checkbox"/>	Trắc nghiệm	<input type="checkbox"/>	Thực hành	<input type="checkbox"/>
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
PHẦN I: QUAN NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VỀ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN	4			4	12	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
Mở đầu	0.5					
1.1. Quy hoạch không gian biển là gì? Khái niệm và các tiếp cận.	0.5					
1.2. Tại sao chúng ta cần quy	0.5					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hoạch không gian biển?						
1.3. Tại sao không gian và thời gian lại quan trọng?	0.5					
1.4. CMSP ảnh hưởng thế nào đến hàng hóa và giá trị dịch vụ của hệ sinh thái?	0.5					
1.5. Các lợi ích của CMSP	0.5					
1.6. Các sản phẩm của CMSP	0.5					
1.7. CMSP và các quy hoạch khác liên quan. Phân vùng chức năng trong QLTHVB. Câu hỏi thảo luận	0.5					
PHẦN II: CHU TRÌNH QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN	28		2	28	84	
2.1. Xác định nhu cầu và thành lập cơ quan thực hiện CMSP	2					
2.1.1. Xác định lý do vì sao cần CMSP?	1					
2.1.2. Xác định và thành lập cơ quan quy hoạch và triển khai quy hoạch	1					
2.2. Tiếp nhận nguồn hỗ trợ kinh phí	2					
2.2.1. Xác định cơ chế cấp kinh phí	1					
2.2.2. Phân tích tính khả thi của cơ chế cấp kinh phí. Thảo luận	1					
2.3. Tiến hành công tác chuẩn bị quy hoạch	6			6	18	
2.3.1. Thành lập Nhóm chuyên gia CMSP	1					
2.3.2. Xây dựng kế hoạch triển	1					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
khai						
2.3.3. Xác định ranh giới và thời kỳ quy hoạch. Thảo luận	1					
2.3.4. Xác định các nguyên tắc quy hoạch. Thảo luận	1					
2.3.5. Xác định mục đích và mục tiêu	1					
2.3.6. Xác định các rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng phó	1					
2.4. Tổ chức cho các bên liên quan tham gia	3			3		
2.4.1. Xác định các bên liên quan đến CMSP	1					
2.4.2. Xác định khi nào các bên tham gia. Thảo luận	1					
2.4.3. Xác định các bên liên quan tham gia bằng cách nào	1					
2.5. Xác định và phân tích các điều kiện hiện tại (hiện trạng)	3			3		
2.5.1. Thu thập và lập bản đồ về các yếu tố môi trường tự nhiên và sinh thái	1					
2.5.2. Thu thập và lập bản đồ thông tin về hoạt động của con người	1					
2.5.3. Xác định các mâu thuẫn và tương thích. Thảo luận	1					
2.6. Xác định và phân tích các điều kiện tương lai (dự báo)	4			4		
2.6.1. Dự đoán khuynh hướng về nhu cầu không gian và thời gian của các hoạt động của con người hiện tại	1					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.6.2. Dự tính nhu cầu mới về không gian biển và thời gian của các hoạt động của con người trong tương lai	1					
2.6.3. Xác định các kịch bản thay thế trong tương lai đối với vùng quy hoạch	1					
2.6.4. Lựa chọn kịch bản sử dụng không gian biển tối ưu. Thảo luận	1					
2.7. Chuẩn bị và phê duyệt quy hoạch quản lý không gian biển	4			4		
2.7.1. Xác định các giải pháp quản lý không gian biển và theo thời gian, động cơ và thiết chế	1					
2.7.2. Cụ thể hóa tiêu chí lựa chọn giải pháp quản lý không gian biển	1					
2.7.3. Xây dựng kế hoạch phân vùng	1					
2.7.4. Đánh giá kế hoạch quản lý không gian biển	0.5					
2.7.5. Phê duyệt kế hoạch quản lý không gian biển. Thảo luận	0.5					
2.8. Thực hiện quy hoạch không gian biển	1.5			1.5		
2.8.1. Thực hiện quy hoạch quản lý không gian biển	0.5					
2.8.2. Bảo đảm tuân thủ quy hoạch quản lý không gian biển	0.5					
2.8.3. Thực thi quy hoạch quản lý không gian biển	0.5					
2.9. Giám sát và đánh giá	1.5			1.5		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quá trình thực hiện						
2.9.1. Xây dựng chương trình giám sát	0.5					
2.9.2. Đánh giá dữ liệu giám sát việc thực hiện	0.5					
2.9.3. Báo cáo kết quả đánh giá việc thực hiện (cho cơ quan có thẩm quyền)	0.5					
2.10. Điều chỉnh kế hoạch quản lý không gian biển. Thảo luận	1			1		
2.10.1. Rà soát và thiết kế lại CMSP	0.5					
2.10.2. Xác định nhu cầu nghiên cứu đã áp dụng 2.10.3. Bắt đầu triển khai chu trình tiếp theo của CMSP	0.5					
<i>Bài tập chung (tiểu luận theo nhóm trên lớp)</i> Kiểm tra		3	1	4		
PHẦN III: ÁP DỤNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN TRÊN THẾ GIỚI	4			4	12	
3.1 Xác định vị trí pháp lý của QHKGB	1					
3.2 Mở rộng áp dụng QHKB	1					
3.3 Đóng góp của các tổ chức quốc tế	1					
3.4 Một số thực hành tốt về QHKGB trên thế giới. Thảo luận	1					
PHẦN IV: QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN Ở VIỆT NAM	4			4	12	
4.1 Nhu cầu QHKGB ở Việt	1					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Nam						
4.2 Khung pháp lý thực hiện QHKGB tại Việt Nam	1					
4.3 Một số hoạt động QHKGB tại Việt Nam	1					
4.4 Định hướng QHKGB Việt Nam trong tương lai. Thảo luận	1					
<i>Bài tập chung (tiểu luận theo nhóm trên lớp) Kiểm tra</i>			1	1		
TỔNG SỐ	40	3	2	45	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra; TH, TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: Tự nghiên cứu.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển**
- Tiếng Anh: **Marine Pollution Control and Management**
- Mã học phần: **MPM203**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hải dương học, Quản lý nhà nước về biển

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
- Bài tập: 04 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 135 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Nắm được các kiến thức cơ bản về ô nhiễm môi trường biển, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, phương pháp quản lý nguồn thải, xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường biển; các sự cố môi trường biển và phương pháp quản lý sự cố môi trường biển; các vấn đề trong tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của hệ vừa làm vừa học và nhân dân về xử lý rác thải, bảo vệ môi trường sông và biển và cách giải quyết.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng cứng: Nắm được và có khả năng vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển.

+ Kỹ năng mềm: Có khả năng tham gia xây dựng và thực thi một số chính sách, pháp luật quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo cũng như các giải pháp tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của hệ vừa làm vừa học và nhân dân về xử lý rác thải, bảo vệ môi trường sông và biển.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tinh thần chủ động, tự chủ trong công việc, có trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Chương 1: Môi trường biển và ô nhiễm môi trường biển: giới thiệu khái niệm chung về ô nhiễm môi trường biển, các nguồn gây ô nhiễm biển, các chất gây ô nhiễm biển và tác hại của ô nhiễm biển;

- Chương 2: Quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển từ các nguồn thải đất liền: hiện trạng ô nhiễm biển từ các nguồn thải đất liền trên thế giới, các phương thức quản lý và kiểm soát ô nhiễm từ nguồn thải đất liền ;

- Chương 3: Quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển từ các nguồn thải trên biển: hiện trạng ô nhiễm biển từ các nguồn thải trên biển, các phương thức quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển từ các nguồn thải trên biển, kế hoạch ứng phó tràn dầu, một số công ước và tổ chức quốc tế về quản lý và kiểm soát ô nhiễm từ nguồn thải trên biển;

- Chương 4: Quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển tại Việt Nam: hiện trạng ô nhiễm biển hiện nay ở Việt Nam, một số case-study, quản lý nhà nước và các giải pháp quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển ở Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Ngô Kim Định (2014), *Kiểm soát và quản lý ô nhiễm môi trường biển*, NXB Giao thông Vận tải.
2. R.B.Clark (2011), *Marine Pollution*, 5th edition, Oxford University Press.
3. Lê Đức Tố (2005), *Quản lý biển*, NXB ĐHQG Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Chu Hồi (2005), *Cơ sở tài nguyên và môi trường biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input checked="" type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học
- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN	7	1	4	12	36	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.1. Khái niệm về môi trường biển và ô nhiễm môi trường biển bờ <i>1.1.1 Khái niệm môi trường biển</i> <i>1.1.2 Khái niệm ô nhiễm môi trường biển</i>	1			1	3	
1.2. Tổng quan về nguồn ô nhiễm môi trường biển <i>1.2.1 Nguồn ô nhiễm từ đất liền</i> <i>1.2.2 Nguồn ô nhiễm từ các hoạt động thăm dò và khai thác tài nguyên trên thềm lục địa và đáy đại dương</i> <i>1.2.3 Hoạt động đổ thải các chất độc hại trên biển</i> <i>1.2.4 Nguồn ô nhiễm từ hoạt động vận tải hàng hải</i> <i>1.2.5 Nguồn ô nhiễm từ không</i>	2		1	3	9	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>khí.</i>						
1.3. Tổng quan về các chất gây ô nhiễm biển 1.3.1 Rác thải 1.3.2 Chất dinh dưỡng (N & P) 1.3.3 Kim loại 1.3.4 Dầu và các hợp chất liên quan (PAH: hydrocacbua thơm đa vòng) 1.3.5 Chất phóng xạ 1.3.6 Thuốc trừ sâu (DDT) và các hóa chất hữu cơ công nghiệp (PCB) 1.3.7 Khí nhà kính 1.3.8 Ô nhiễm nhiệt	2		2	4	12	
1.4. Tác động của ô nhiễm môi trường biển 1.4.1 Tác động sinh thái 1.4.2 Tác động đối với kinh tế xã hội 1.4.3 Tác động đối với sức khỏe con người	2	1	1	4	12	
Chương 2. QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM BIỂN TỪ CÁC NGUỒN THẢI ĐẤT LIỀN	8	1	2	11	33	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 2,3.
2.1. Tổng quan về nguy cơ ô nhiễm biển từ các nguồn thải đất liền	2			2	6	
2.2 Các nguồn thải chính từ đất liền 2.2.1 Hoạt động công nghiệp 2.2.2 Hoạt động nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản 2.2.3 Hoạt động du lịch, dịch vụ và đô thị	3	1		4	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển từ các nguồn đất liền <i>2.3.1 Công ước và luật quốc tế</i> <i>2.3.2 Giải pháp quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển từ nguồn đất liền</i>	3		1	4	12	
Kiểm tra chương 1 & 2			1	1	3	
Chương 3. QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM BIỂN TỪ CÁC NGUỒN THẢI TRÊN BIỂN	8	1	3	12	36	Đọc TLC 1, chương 2,3; Đọc TLC 2, chương 4.
3.1. Tổng quan về nguy cơ ô nhiễm từ nguồn thải trên biển	1			1	3	
3.2 Các nguồn thải chính từ các hoạt động trên biển <i>3.2.1 Nguồn ô nhiễm từ các hoạt động hàng hải</i> <i>3.2.2 Nguồn ô nhiễm từ các hoạt động nhận chìm</i> <i>3.2.3 Nguồn ô nhiễm từ các hoạt động khai thác khoáng sản và dầu khí</i>	2		1	3	9	
3.3 Quản lý và kiểm soát nguồn thải từ các hoạt động kinh tế - xã hội trên biển có khả năng gây ô nhiễm môi trường biển <i>3.3.1 Công ước và pháp luật liên quan đến ô nhiễm từ các nguồn trên biển</i> <i>3.3.2 Giải pháp quản lý và kiểm soát ô nhiễm từ các nguồn thải trên biển</i>	3	1	1	5	15	
3.4 Sự cố tràn dầu <i>3.4.1 Cơ chế lan tỏa và hậu quả của tràn dầu</i>	2		1	3	9	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4.2 Quy trình ứng phó và xử lý sự cố tràn dầu						
Chương 4. QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN TẠI VIỆT NAM	6	1	3	10	30	Đọc TLC 1, chương 4.
4.1 Hiện trạng ô nhiễm biển ở Việt Nam	1			1	3	
4.2 Hệ thống pháp luật, chính sách quản lý ô nhiễm môi trường biển Việt Nam	2		1	3	9	
4.3 Các giải pháp quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển tại Việt Nam 4.3.1. Từ hoạt động công nghiệp 4.3.2. Từ hoạt động nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản 4.3.3. Từ hoạt động du lịch, dịch vụ, đô thị 4.3.4. Từ hoạt động hàng hải và cảng biển 4.3.5. Từ hoạt động khai thác dầu khí và khoáng sản	3	1	1	5	15	
Kiểm tra chương 3 & 4			1	1	3	
Cộng	29	04	12	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Quản lý thiên tai và tai biến môi trường biển**
- Tiếng Anh: **Managing Marine Environmental Disasters**

- Mã học phần: **MED203**

- Số tín chỉ: 3

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở sinh học và hệ sinh thái

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết

Bài tập: 7 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

Kiểm tra: 4tiết

- Thời gian tự học: 135 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Nắm được các kiến thức cơ bản về thiên tai và tai biến môi trường biển, rủi ro thiên tai và tai biến môi trường biển; tính dễ bị tổn thương của các vùng biển và ven biển do thiên tai và tai biến môi trường biển;

+ Các giải pháp quản lý để giảm thiểu rủi ro và tính dễ bị tổn thương do thiên tai và tai biến môi trường biển.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng cứng: Nắm được và có khả năng vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế quản lý thiên tai và tai biến môi trường biển.

+ Kỹ năng mềm: Có khả năng tham gia xây dựng và thực thi một số chính sách, pháp luật thiên tai và tai biến môi trường biển và hải đảo cũng như các giải pháp tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của hệ vừa làm vừa học và nhân dân về phòng chống, giảm nhẹ tác hại của thiên tai và tai biến môi trường biển.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao.

+ Có ý thức bảo vệ môi trường biển, đề xuất sáng kiến, giải pháp và vận động hệ vừa làm vừa học, nhân dân tham gia phòng chống, giảm nhẹ tác hại của thiên tai và tai biến môi trường biển.

+ Hợp tác và sáng tạo trong công tác.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung của học phần sẽ được trình bày trong 4 chương:

Chương 1: Thiên tai và tai biến môi trường biển;

Chương 2: Rủi ro thiên tai và tai biến môi trường;

Chương 3: Tính dễ bị tổn thương của các vùng biển và ven biển do thiên tai và tai biến môi trường;

Chương 4: Quản lý thiên tai và tai biến môi trường biển

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) Lê Đức Tố (2005). *Quản lý biển*, NXB ĐHQG Hà Nội

(2) Lê Văn Khoa (2012). *Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu*, NXB Giáo dục Việt Nam.

(3) *Tài liệu hướng dẫn ứng phó khẩn cấp và phục hồi sớm (2010)* – Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (DMC), Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão TW.

4.2 Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Nguyễn Công Minh, Nguyễn Đức Tú (2006). *Sổ tay đánh giá tiến độ và kết quả của công tác quản lý biển và vùng bờ biển*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.

- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.
- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung (1)	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên (7)
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ) (6)	
	LT (2)	BT (3)	TL, KT (4)	Tổng cộng (5)		
MỞ ĐẦU	1	0	0	1	3	
CHƯƠNG 1: THIÊN TAI VÀ TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG BIỂN	6	1	0	7	21	
1.1. Thiên tai và thảm họa tự nhiên	4				12	
1.1.1 Bão/Áp thấp nhiệt đới	1				3	
1.1.2 Sóng lớn/ sóng thần	1				3	
1.1.4 Xói lở bờ biển	0.5				1.5	
1.1.5 El nino	0.5				1.5	
1.1.6 Các thiên tai khác	1				3	
1.2 Tai biến môi trường biển có nguồn gốc từ con người	2				6	
1.2.1. Tai biến từ các hoạt động công nghiệp	0.5				1.5	

Nội dung (1)	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ) (6)	Yêu cầu đối với sinh viên (7)
	Lên lớp (Tiết)					
	LT (2)	BT (3)	TL, KT (4)	Tổng cộng (5)		
1.2.2. Tai biến từ các hoạt động khai thác khoáng sản và dầu khí	0.5				1.5	
1.2.3. Tai biến từ các hoạt động hàng hải	0.5				1.5	
1.2.4. Tai biến từ các hoạt động nông lâm ngư nghiệp	0.5				1.5	
Bài tập		1			3	
CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ RỦI RO DO THIÊN TAI	12	2	2	16	48	
2.1 Tổng quan về quản lý rủi ro thiên tai	4				12	
2.1.1 Thành phần của rủi ro thiên tai	2				6	
2.1.2 Các yếu tố gây ra rủi ro thiên tai	2				6	
2.2 Đánh giá rủi ro thiên tai	4				12	
2.2.1 Các khái niệm	1				3	
2.2.2 Mục đích đánh giá rủi ro thiên tai	1				3	
2.2.3 Các nội dung cần đánh giá	1				3	
a. Đánh giá thiên tai	0.5				1.5	
b. Đánh giá tình dễ bị tổn thương	0.5				1.5	
2.2.4 Đánh giá khả năng	1				3	
2.3 Chu trình quản lý rủi ro thiên tai	4				12	
Bài tập Chương 2		2			6	
Kiểm tra			2		6	
CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ RỦI RO DO TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG	6	2	0	8	24	
3.1 Tổng quan quản lý rủi	2				6	

Nội dung (1)	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ) (6)	Yêu cầu đối với sinh viên (7)
	Lên lớp (Tiết)					
	LT (2)	BT (3)	TL, KT (4)	Tổng cộng (5)		
ro tai biến môi trường biển						
3.2 Đánh giá rủi ro tai biến môi trường biển	2				6	
3.3 Chu trình quản lý rủi ro tai biến môi trường biển	2				6	
Bài tập		2			6	
CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ THIÊN TAI VÀ TAI BIẾN MÔI TRƯỜNG BIỂN Ở VIỆT NAM	9	2	2	13	36	
4.1. Quản lý thiên tai ở Việt Nam	4				12	
4.1.1. Các văn bản pháp luật, quy định	2				6	
4.1.2. Cơ cấu tổ chức	2				6	
4.2. Quản lý tai biến môi trường ở Việt Nam	4				12	
4.2.1. Các văn bản pháp luật, quy định	2				6	
4.2.2. Cơ cấu tổ chức	2				6	
Bài tập		2			6	
Kiểm tra			2		6	
Ôn tập	1				3	
Tổng	34	7	4	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Quản lý dự án trong lĩnh vực biển và hải đảo**
- Tiếng Anh: **Marine and coastal project management**

- Mã học phần: **KBQB2506**

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý nhà nước về biển

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
- Bài tập và thảo luận trên lớp : 05 tiết
- Kiểm tra : 05 tiết
- Tự học : 90 tiết

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần giúp sinh viên biết phương pháp điều tra thu thập thông tin, xử lý thông tin và biết xây dựng, tổ chức thực hiện, quản lý dự án thuộc lĩnh vực quản lý biển đảo, có thể xây dựng và quản lý các dự án thuộc các lĩnh vực khác của quốc gia và quốc tế.

- *Về kỹ năng:*

+ Có khả năng xây dựng được các đề xuất chương trình, đề án của Quốc gia, Bộ; ngành, địa phương phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng trong lĩnh vực biển đảo.

+ Có khả năng tổ chức thực hiện việc tiếp xúc cộng đồng, cư dân các địa phương để điều tra đánh giá nhu cầu và các vấn đề liên quan đến các lĩnh vực biển đảo.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao.

+ Có ý thức bảo vệ môi trường biển, đề xuất sáng kiến, giải pháp và vận động hệ vừa làm vừa học, nhân dân tham gia xử lý rác thải, nước thải, bảo vệ môi trường biển.

+ Hợp tác và sáng tạo trong công tác.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về đặc điểm về dự án quản lý biển đảo, mối quan hệ giữa chương trình, dự án và kế hoạch; đầu tư và dự án; đánh giá nhu cầu của địa phương để lựa chọn và xây dựng dự án. Vấn đề quan trọng nhất mà học viên cần quan tâm là xây dựng tốt bản đề xuất dự án, làm thế nào để nhà đầu tư đồng ý đầu tư cho dự án, sau khi đã thẩm định. Sau khi dự án được duyệt, đồng ý đầu tư, cần có kiến thức về quản lý dự án, như: Thành lập Ban quản lý dự án; chọn người vào các bên tham gia; xây dựng kế hoạch cụ thể để khi thực hiện dự án đạt được kiến quả tốt nhất. Tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế, xã hội và môi trường... Kiến thức về giám sát và đánh giá dự án để dự án được thực hiện tốt hơn...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Joseph Heagney (2016), *Fundamentals of Project Management*, AMACOM
2. Từ Quang Hiền, Vũ Tùng Hoa, Tạ Thị Thanh Phương, Vũ Khắc Sơn (2007), *Giáo trình xây dựng và quản lý dự án*, Nhà xuất bản Nông nghiệp..
3. Từ Quang Phương (2014). *Giáo trình quản lý dự án*. Đại học Kinh tế Quốc dân. Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đỗ Kim Chung (2003), *Giáo trình Dự án phát triển nông thôn*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học

- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN	6			6	18	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1,2
1.1 Một số khái niệm liên quan, đặc điểm dự án quản lý biển đảo	1			1	3	
1.2 Nội dung cơ bản và kết quả cần đạt của quản lý dự án	2			2	6	
1.3 Chu trình dự án và các giai đoạn của quản lý dự án	2			2	6	
1.4 Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của dự án	1			1	3	
CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG DỰ ÁN	8			13	39	Đọc TLC 1, chương 2,3 Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						chương 3
2.1 Lập kế hoạch của dự án 2.1.1. Phân tích các bên liên quan 2.1.2. Phân tích vấn đề 2.1.3. Phân tích mục tiêu 2.1.4. Phân tích khả năng 2.1.5. Lập kế hoạch theo khung theo khung logic 2.1.6. Thu thập thông tin để xây dựng dự án	4			4	12	
2.2 Cách viết một bản đề xuất dự án 2.2.1. Cách viết mục đích, mục tiêu dự án 2.2.2. Cách viết nội dung (hoạt động) 2.2.3. Cách thiết lập, tính toán dự trù kinh phí của dự án	4			4	12	
Bài tập nhóm		5		5	15	
CHƯƠNG 3. THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN	6		5	11	33	Đọc TLC 2, chương 4,5 Đọc TLC 3, chương 4
3.1 Thực hiện và quản lý dự án 3.1.1. Thiết lập hệ thống tổ chức của dự án 3.1.2. Hệ thống thông tin cho quản lý dự án 3.1.3. Quản lý thực hiện dự án	3				9	
3.2 Giám sát và đánh giá dự án 3.2.1 Xây dựng các chỉ tiêu giám sát đánh giá dự án 3.2.2. Phương pháp giám sát và đánh	3				9	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>giá dự án</i> 3.2.3. Tổ chức giám sát và đánh giá dự án						
Trình bày seminar nhóm			5	5	15	
Cộng	20	5	5	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Quản lý nguồn lợi hải sản**
- Tiếng Anh: **Marine fisheries resources management**

- Mã học phần: **KBQB2304**

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - Bài tập: 3 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 14 tiết

- Thời gian tự học: 135 tiết

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Quản lý biển - Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được các kiến thức về đa dạng thành phần loài thủy sinh vật trong biển và vùng ven bờ; sự phân bố thành phần loài, nguồn lợi hải sản theo các vùng địa lý, vùng sinh thái; tiềm năng nguồn lợi hải sản và thực trạng khai thác hải sản trên thế giới và ở Việt Nam; vận dụng vào bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản.

- *Về kỹ năng:* Hiểu được điều tra thực địa, phỏng vấn và thu thập mẫu vật thủy sinh trên biển và vùng bờ; tổng hợp, phân tích được dữ liệu về nguồn lợi hải sản và trình

bày, đánh giá được các số liệu thông qua bảng biểu, đồ thị. Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ, bảo vệ môi trường và nguồn lợi hải sản.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm các kiến thức, khái niệm cơ bản về đa dạng thành phần loài hải sản, tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi hải sản, nguyên nhân gây suy giảm nguồn lợi hải sản và một số định hướng chiến lược nhằm bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản trên thế giới và ở Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- (1) Đặng Ngọc Thanh (2003). *Biển Đông IV: Sinh vật và sinh thái biển*, ĐHQG Hà Nội.
- (2) Phùng Ngọc Đỉnh (1999). *Tài nguyên Biển Đông Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- (3) Hội nghề cá Việt Nam (2008). *Bách Khoa thủy sản*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

- (4) Quốc hội CHXHCN Việt Nam (2017). Luật Thủy sản số 18/2017/QH14.
- (5) Quốc hội CHXHCN Việt Nam (2008) Luật Đa dạng sinh học số 20/08/QH12.
- (6). Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 13/2/2012 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thực hành và thảo luận.

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập, bài kiểm tra kết thúc học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Bài Mở đầu: Giới thiệu học phần			1	1	3	
Chương 1: Tổng quan về nguồn lợi hải sản trên thế giới và ở Việt Nam	8	2	1	11	33	
1.1. Khái niệm về nguồn lợi hải sản và một số thuật ngữ liên quan	1			1	3	
1.2. Đa dạng về thành phần loài hải sản trên thế giới và ở Việt Nam	2			2	6	
1.3. Trữ lượng về nguồn lợi hải sản trên thế giới và ở Việt Nam	2			2	6	
1.4. Vai trò và ý nghĩa của nguồn lợi hải sản với con người	1			1	3	
1.5. Tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi hải sản trên thế giới	1			1	3	
1.6. Tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi hải sản ở Việt Nam	1			1	3	
<i>Bài tập và trình bày về đa dạng thành phần loài và nguồn lợi hải sản</i>		2	1	3	9	
Chương 2: Nguồn lợi hải sản và những điều kiện cho sự phát triển nghề cá ở Việt Nam	6		5	11	33	
2.1. Điều kiện tự nhiên của vùng nước thềm lục địa	1		1	2	6	
2.2. Cấu trúc về thành phần loài và nguồn lợi sinh vật biển	2		1	3	9	
2.3. Phân bố nguồn lợi theo các vùng sinh thái ven bờ ở nước ta	2		2	4	12	
2.4. Nguồn lợi hải sản ở một số hệ sinh thái biển đặc trưng	1		1	2	6	
Chương 3: Nguyên nhân làm suy giảm nguồn lợi hải sản	7	1	6	14	42	

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
5.1. Khai thác nguồn lợi quá mức và mang tính hủy diệt	1		1	2	6	
5.2. Ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu	2		1	3	9	
5.3. Di nhập các loài sinh vật ngoại lai	2		1	3	9	
5.4. Thất thoát đa dạng sinh học	1		1	2	6	
5.6. Những hạn chế trong quản lý, chính sách phát triển nghề cá	1		1	2	6	
<i>Bài tập và trình bày về nguyên nhân gây ảnh hưởng tới nguồn lợi hải sản</i>		1	1	2	6	
Chương 4: Một số định hướng chiến lược nhằm bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản ở Việt Nam	7			7	21	
4.1. Điều tra, nghiên cứu, đánh giá nguồn lợi, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái thủy vực	1			1	3	
4.2. Ngăn chặn sự suy giảm nguồn lợi hải sản	1			1	3	
4.3. Thiết lập và quản lý các khu bảo tồn biển	1			1	3	
4.4. Phục hồi, tái tạo nguồn lợi hải sản và các hệ sinh thái	1			1	3	
4.5. Ban hành và thực thi các văn bản pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản	1			1	3	
4.6. Truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản	1			1	3	
4.7. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản	1			1	3	
Ôn tập toàn bộ học phần			1	1	3	
Cộng	28	3	14	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra.

Ngày phê duyệt:

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tên Tiếng Việt: **Quản lý hệ thống đảo Việt Nam**
- Tên tiếng Anh: **Island System Management**

- Mã môn học: **ISM203**

- Số tín chỉ : 3

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý Nhà nước về biển

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
- Bài tập: 5 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 5 tiết
- Kiểm tra: 3 tiết

Thời gian tự học: 135 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đảo, quần đảo và hệ thống đảo ở Việt Nam; phân loại hệ thống đảo theo các tiêu chí. Khái quát về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường của đảo, quần đảo và hệ thống đảo; tình hình kinh tế-xã hội các huyện đảo;

+ Phân tích tài nguyên vị thế các đảo và quần đảo Việt Nam – lợi ích về kinh tế, chính trị, quân sự

+ Phân tích tiềm năng phát triển kinh tế- xã hội và bảo vệ chủ quyền quốc gia của các đảo và quần đảo Việt Nam

- Về kỹ năng:

+ Cung cấp cho sinh viên kỹ năng phân loại, nhận dạng các đảo, cơ sở pháp lý quản lý đảo. Phân tích các vấn đề môi trường đảo và cách tiếp cận giải quyết vấn đề hướng tới tính bền vững, đặc biệt đối với các đảo nhỏ..

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, khả năng tiếp cận các vấn đề liên quan.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung của học phần sẽ được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về hệ thống đảo và quần đảo Việt Nam

Chương 2: Tài nguyên vị thế các đảo và quần đảo Việt Nam

Chương 3: Tiềm năng phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ chủ quyền quốc gia của các đảo và quần đảo Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) Lê Đức An (2008). *Hệ thống đảo ven bờ Việt Nam: Tài nguyên và Phát triển*. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hà Nội

(2) Lê Đức Tố (2005), *Quản lý biển*, NXB ĐHQG Hà Nội.

(3)Trần Đức Thạnh (Chủ biên) (2011). *Biển đảo Việt Nam –Tài nguyên vị thế và những kỳ quan địa chất, sinh thái tiêu biểu*.NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam, Hà Nội.

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) Nguyễn Văn Kim (Chủ biên), 2011. *Người Việt với biển*. NXB Thế giới, Hà Nội.

(2) Ban Tuyên giáo Trung ương và Quân chủng Hải quân (2007). *Biển và Hải đảo Việt Nam* (Tài liệu dùng cho Báo cáo viên). NXB xí nghiệp bản đồ I, Hà Nội.

(3) Nguyễn Hồng Thao (Chủ biên) (2008). *Công ước Biển 1982 và Chiến lược biển của Việt Nam*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.
- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
MỞ ĐẦU	0.5	0	0	0.5	1.5	
Chương 1: Tổng quan về hệ thống đảo và quần đảo Việt Nam	11.5	3	0	14,5	43.5	Đọc TL(1) Chương 1
1.1 Những vấn đề chung	2.5				7.5	
1.1.1. Khái niệm về đảo và quần đảo	1.5				4.5	
1.1.2. Khái quát về các nghiên cứu đảo và quần đảo Việt Nam	1				3	
1.2 Phân bố, số lượng và đặc điểm khái quát hệ thống đảo và quần đảo	2				6	
1.2.1. Hệ thống đảo ven bờ	1				3	
1.2.2. Các quần đảo khơi xa Hoàng Sa và Trường Sa	1				3	
1.3 Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội các vùng	7				21	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đảo Việt Nam						
1.3.1. Tổ chức hành chính	1				3	
1.3.2. Vùng đảo ven bờ Bắc Bộ	1				3	
1.3.3. Vùng đảo ven bờ Bắc Trung Bộ	1				3	
1.3.4. Vùng đảo ven bờ Nam Trung Bộ	1				3	
1.3.5. Vùng đảo ven bờ Nam Bộ	1				3	
1.3.6. Nhận định chung về phát triển kinh tế biển trên các vùng đảo ven bờ	1				3	
1.3.7. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	1				3	
Bài tập		3			9	
Chương 2: Tài nguyên vị thế các đảo và quần đảo Việt Nam	9	2	1	12	36	Đọc TL(1) Chương 2
2.1 Khái niệm về vị thế và tài nguyên vị thế	0.5				1.5	
2.2 Khái quát về tài nguyên vị thế hệ thống đảo ven bờ Việt Nam	2				6	
2.2.1 Những yếu tố vị thế của hệ thống đảo ven bờ	0.5				1.5	
2.2.2 Vị thế và các lợi ích về kinh tế	0.5				1.5	
2.2.3 Vị thế và các lợi ích về chính trị-quân sự	1				3	
2.3 Tài nguyên vị thế các đảo ven bờ Bắc Bộ	1.5				4.5	
2.3.1 Tài nguyên vị thế của lớp đảo tiền tiêu và tiền tiêu-biên giới	0.5				1	
2.3.2 Tài nguyên vị thế của các đảo tuyến trong	0.5				1	
2.3.3 Tài nguyên vị thế đặc trưng của vùng đảo ven bờ Bắc Bộ và một vài đề xuất	0.5				1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4. Tài nguyên vị thế các đảo ven bờ Bắc Trung Bộ	1				3	
2.4.1. Tài nguyên vị thế của một số đảo tiêu biểu	0.5				1.5	
2.4.2. Một số đề xuất	0.5				1.5	
2.5. Tài nguyên vị thế đảo ven bờ Nam Trung Bộ	1				3	
2.5.1. Tài nguyên vị thế các đảo tiền tiêu	0.5				1.5	
2.5.2 Đặc điểm chung của tài nguyên vị thế các đảo ven bờ Nam Trung Bộ và một vài đề xuất	0.5				1.5	
2.6. Tài nguyên vị thế đảo ven bờ Nam Bộ	2				6	
2.6.1. Tài nguyên vị thế của các đảo tiền tiêu-biên giới	0.5				1.5	
2.6.2. Tài nguyên vị thế của các đảo tiền tiêu	0.5				1.5	
2.6.3. Tài nguyên vị thế của các đảo tuyến trong	0.5				1.5	
2.6.4. Đặc điểm chung của tài nguyên vị thế các đảo ven bờ Nam Bộ và một vài đề xuất	0.5				1.5	
2.7. Tài nguyên vị thế hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	1				3	
2.7.1. Vị thế Biển Đông	0.5				1.5	
2.7.2. Tài nguyên vị thế quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	0.5				1.5	
Bài tập		2			6	
Kiểm tra			1		3	
Chương 3: Tiềm năng phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ chủ quyền quốc gia của các đảo và quần đảo Việt Nam	11	0	7	18	54	Đọc TL(1) Chương 3
3.1 Tiềm năng phát triển nông-lâm-ngư nghiệp	2				6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.1. Tiềm năng phát triển nông-lâm nghiệp	0.5				1.5	
3.1.2. Tiềm năng phát triển ngư nghiệp	0.5				1.5	
3.1.3. Định hướng phát triển nông - lâm - ngư nghiệp bền vững trên các đảo và quần đảo Việt Nam	1				3	
3.2 Tiềm năng phát triển giao vận tải biển	2				4	
3.2.1. Tiềm năng phát triển giao thông thủy và cảng biển	0.5				1.5	
3.2.2. Tiềm năng phát triển cảng hàng không	0.5				1.5	
3.2.3. Hiện trạng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải trên các đảo và quần đảo	0.5				1.5	
3.2.4. Định hướng phát triển giao thông vận tải biển	0.5				1.5	
3.3. Tiềm năng phát triển các ngành dịch vụ	1.5				4.5	
3.3.1. Dịch vụ hậu cần nghề cá	0.5				1.5	
3.3.2. Dịch vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, dẫn đường	0.5				1.5	
3.3.3. Dịch vụ tài chính, ngân hàng, hội nghị, sự kiện	0.5				1.5	
3.4. Tiềm năng phát triển du lịch	2.5				7.5	
3.4.1. Tài nguyên du lịch từ các giá trị tự nhiên	0.5				1.5	
3.4.2. Tài nguyên du lịch nhân văn	0.5				1.5	
3.4.3. Cơ sở hạ tầng và các loại hình du lịch	0.5				1.5	
3.4.4. Tiềm năng phát triển du lịch một số đảo trọng điểm	0.5				1.5	
3.4.5. Định hướng phát triển du lịch	0.5				1.5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.5. Vai trò của các đảo và quần đảo trong bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên các vùng biển Việt Nam	2				6	
3.5.1. Phân loại chức năng quốc phòng của các đảo và quần đảo	1				3	
3.5.2. Các tuyến đảo và cụm đảo trong vai trò an ninh quốc phòng	1				3	
Thảo luận			5		15	
Kiểm tra			2		6	
Ôn tập	1				3	
Tổng	32	5	8	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Tiếng Anh chuyên ngành**
- Tiếng Anh: **Marine Management**

- Mã môn học: **SEN203**

- Số tín chỉ : 3

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: Đã hoàn thành học phần tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 14,5 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 3 tiết
- Thực hành: 0 tiết
- Kiểm tra: 2 tiết
- Bài tập: 24,5 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Chú ý:

- Một giờ thực dạy là 50 phút.
- Mỗi giờ thực học trên lớp tương ứng với 2 giờ tự học ở nhà.
- Số giờ kiểm tra đánh giá là 2 giờ.
- Các kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng về chuyên ngành Thủy văn được dạy trong các giờ kỹ năng và thực hành

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của môn học

- Về kiến thức: Sinh viên có vốn từ vựng khái quát chung về chuyên ngành Quản lý tổng hợp đới bờ biển như định nghĩa đới bờ biển, vai trò của đới bờ biển và chiến lược

quản lý tổng hợp đới bờ biển; trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về việc quản lý tổng hợp đới bờ biển nhằm đạt được sự phát triển bền vững.

- *Về kỹ năng*: Sinh viên có khả năng đọc, phân tích và tổng hợp các tài liệu chuyên ngành cũng như giải thích được một số vấn đề liên quan đến chuyên ngành quản lý tổng hợp đới bờ biển bằng tiếng Anh; Sinh viên có khả năng sử dụng các kiến thức đã được cung cấp làm cơ sở cho việc tự học ở các lĩnh vực từ vựng, đọc, viết, dịch, nghe giảng và thuyết trình;

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động và phải nhận thức được tầm quan trọng của việc học tiếng Anh chuyên ngành đối với công việc sau này; Tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý tổng hợp đới bờ biển dành cho hệ Đại học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cập nhật về các chủ đề khác nhau của Quản lý tổng hợp đới bờ biển với dẫn chứng cụ thể là quản lý tổng hợp đới bờ biển của nước Anh, như:

- Định nghĩa về Quản lý tổng hợp đới bờ biển theo quy định chung của Châu Âu.
- Tầm nhìn về đới bờ biển
- Chính sách và những định hướng chiến lược
- Quá trình lên kế hoạch và đưa ra quyết định
- Khuôn khổ quốc gia cho việc hòa nhập ven biển
- Sự tham gia và hợp tác của các bên liên quan
- Tầm quan trọng của thu thập số liệu, bằng chứng và thông tin về đới bờ biển

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Huw Irranca-Davies MP (2007), *A strategy for promoting an integrated approach to the management of coastal areas in England*, Department for Environment, Food and Rural Development, England, United Kingdom.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Carwyn Jones AM (2007), *Making the Most of Wales' Coast The Integrated Coastal Zone Management Strategy for Wales*, Department for Environment, Food and Rural Development, Wales, United Kingdom.

2. Haines-Young, R. and M. Potschin (2011), *Integrated Coastal Zone Management and the Ecosystem Approach*, Deliverable D2.1, PEGASO Grant agreement n°: 244170. CEM Working Paper No 7, 17pp.

4.3. Các websites:

1. http://www.coastalwiki.org/wiki/The_Integrated_approach_to_Coastal_Zone_Management

2. http://www.doeni.gov.uk/iczm_document-2.pdf

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Thuyết trình Phát vấn Đàm thoại

Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10, quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc đánh giá kết quả học tập, xếp loại trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	<input checked="" type="checkbox"/>	Trắc nghiệm	<input type="checkbox"/>	Thực hành	<input type="checkbox"/>
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Unit 1: Integrated Coastal Zone Management						
Lead –in and vocabulary	0,5	2	0,5	3	6	Find words related to the topic
Reading comprehension	1	1		1	6	Try to answer the question: What's Integrated Coastal Zone Management? Re –read the text and translate it into Vietnamese
Drilling	0,5	0,5		1		
Unit two: Vision for coastal management						
Lead –in and vocabulary	0,5	2	0,5	3	6	Find words related to the topic

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Reading comprehension	1	1		1	6	Try to answer the question: What's vision for coastal management?
Drilling	0,5	0,5		1		Re –read the text and translate it into Vietnamese
Unit three: Policy and strategic direction						
Lead –in and vocabulary	0,5	2	0,5	3	6	Find words related to the topic
Reading comprehension	1,5	1,5		3	6	Try to answer the question: What's policy and strategic direction?
Unit four: Planning and decision making process						
Lead –in and vocabulary	0,5	2	0,5	3	6	Find words related to the topic
Reading comprehension	1	2		3	6	Find information to answer the question: What's planning and decision making process?
Unit five: National framework for coastal integration						
Lead –in and vocabulary	1	2		3	6	Find words related to the topic
Reading comprehension	1	1	1	3	6	Try to answer the question: What's national framework for coastal integration?
Unit six: Partnership working and participation						
Lead-in and vocabulary	1	1	1	3	6	Find words related to the topic

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Reading comprehension	1	1		2	6	Try to answer the question: What's national framework for coastal integration?
Drilling	0,5	0,5		1		Re –read the text and translate it into Vietnamese
Unit seven: Data, evidence and information						
Lead-in and vocabulary	1	1	1	3	6	Find words related to the topic
Reading comprehension	1	2		3	6	Look through the text and try to answer the question: What's data, evidence and information?
Revision and Test	0,5	1,5	1	3	6	Do the revision guided by the teacher
TỔNG	14,5	24,5	5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Đánh giá tác động môi trường**
- Tiếng Anh: **Environmental Impact Assessment**

- Mã học phần: **MTQM2504**

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Để học học phần này, sinh viên phải học qua các học phần trong Khối kiến thức chung bắt buộc, Khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý Tài nguyên nước: Cơ sở khoa học môi trường.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
- Bài tập: 03 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường và các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội.

- *Về kỹ năng:* áp dụng các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến tài nguyên và môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên và môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về đánh giá tác động môi trường
- Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường
- Các phương pháp dùng trong đánh giá tác động môi trường

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Ngọc Khắc, Nguyễn Khắc Thành, Vũ Văn Doanh (2013), *Giáo trình Đánh giá tác động môi trường* (hệ đại học), Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Trần Văn Ý (Chủ biên) (2006), *Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển*, NXB Thống kê.

3. Phạm Ngọc Hồ & Hoàng Xuân Cơ (2007), *Đánh giá tác động môi trường*, NXB ĐHQG HN.

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Lê Xuân Hồng (2006), *Cơ sở đánh giá tác động môi trường*, NXB Thống kê.

2. Cục Môi trường (biên dịch) (1995), *Đánh giá tác động môi trường*.

3. UNEP/NEA (1997), *Đánh giá tác động môi trường*, Tài liệu hướng dẫn nguồn lực đào tạo.

4. SEACAM (2000), *Environmental assessment for Coastal Aquaculture Development*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra giữa kì. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	3		1	4	8	
1.1. Định nghĩa, mục đích, ý nghĩa, đối tượng của đánh giá tác động môi trường	1			1	2	Đọc TL (1) trang 07-27; Đọc TL (2) trang 01-17; Đọc TL (2) trang 48-69; Đọc TL (1) trang 4-6
1.2. Nội dung cơ bản của đánh giá tác động môi trường						
1.3. Phân biệt các hình thức đánh giá môi trường						
1.4. Hệ thống cơ sở pháp lý liên quan đến đánh giá tác động môi trường	1		1	2	4	
1.5. Tổ chức và quản lý công tác đánh giá tác động môi trường	1			1	2	
1.6. Sử dụng kết quả đánh giá tác động môi trường						
CHƯƠNG 2. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	7	1	4	12	24	
* Quy trình chung	1				2	
2.1. Lược duyệt						Đọc TL (1) trang 33-71; Đọc TL (2) trang 27-75;
2.2. ĐTM sơ bộ (Xác định mức độ, phạm vi đánh giá)	1			1	2	
2.3. ĐTM chi tiết, đầy đủ						
2.3.1. Chuẩn bị tài liệu và lập đề cương	3	1	3	7	14	
2.3.2. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường						
2.4. Tham vấn cộng đồng	1			1	2	
2.5. Thẩm định báo cáo đánh	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
giá tác động môi trường						
2.6. Quản lí và giám sát môi trường (hậu thẩm định)						
2.6.1. Nghiệm thu công trình môi trường trước giai đoạn vận hành dự án						
2.6.2. Quản lí và giám sát môi trường khi thực hiện dự án						
Kiểm tra			1	1	2	Ôn tập chương 1, 2
CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	10	2	2	14	28	
3.1. Phương pháp phân tích logic (LFA)	1			1	2	
3.2. Phương pháp liệt kê số liệu	1			1	2	
3.3. Phương pháp danh mục	1		1	2	4	
3.4. Phương pháp ma trận môi trường	1	1		2	4	
3.5. Phương pháp chấp bản đồ môi trường	1			1	2	
3.6. Phương pháp sơ đồ mạng lưới			1			
3.7. Phương pháp đánh giá nhanh bằng ước tính tải lượng ô nhiễm	3	1		5	10	
3.8. Phương pháp mô hình hóa môi trường	1				2	
3.9. Phương pháp phân tích chi phí – lợi ích mở rộng	1				2	
Cộng	20	3	7	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Khảo sát khí tượng thủy văn biển**
 - Tiếng Anh: **Surveying in Marine Meteorology and Hydrology**
- Mã học phần: **ICS204**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: -Hải dương học đại cương, Khí tượng đại cương

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
- Bài tập: 4 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 4 tiết
- Kiểm tra: 4 tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ
 - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hải dương học, công nghệ biển và hàng hải, Khoa Khoa học biển & Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Nhận biết được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và cách sử dụng thiết bị đo các yếu tố khí tượng hải văn và môi trường biển; nắm rõ các quy phạm về quan trắc khí tượng hải văn.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng các thiết bị đo khí tượng theo Quy phạm quan trắc khí tượng, thủy văn và hải văn. Sinh viên tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đo khí tượng và lắp đặt các thiết bị đo tại trạm khí tượng, thủy văn và hải văn thành thạo.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Thái độ, chuyên cần: rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các quy phạm quan trắc khí tượng hải văn ven bờ và quy phạm quan trắc khí tượng hải văn môi trường trên tàu biển.và công tác khảo sát biển
- Các thiết bị máy quan trắc khí tượng hải văn môi trường và các thiết bị hải dương học
- Lý thuyết về thực hành quan trắc các yếu tố khí tượng hải văn và môi trường biển và cách quy toán số liệu quan trắc.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Minh Huân (2002). *Giáo trình Dự báo thủy văn biển*, Đại học Khoa học Tự nhiên.
2. *Quy phạm quan trắc hải văn trên tàu*. (2001) Tổng Cục Khí tượng Thủy văn,.
3. Phạm Văn Huân(2011) *Phương pháp thống kê trong hải dương học*, Đại học quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1] *Quy phạm quan trắc hải văn ven bờ* (1991). Tổng Cục Khí tượng Thủy văn,.
- [2] Coastal Oceanographic Inc. Hypack Max – Hydrographic Survey Software.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 . Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tổng cộng	Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	LT	BT	LT,KT				
CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM VỀ KHẢO SÁT HẢI VẤN	3	0	0	3	15	Đọc TLC 1, chương 1;2	
1.1 Định nghĩa	1			1	5		
1.2 Phân bố các mặt cắt hải văn chuẩn	1			1	5		
1.3 Hệ thống liên kết toàn cầu các trạm hải văn	1			1	5		
CHƯƠNG 2: CÔNG TÁC TỔ CHỨC KHẢO SÁT BIỂN	4	0	0	4	15		
2.1 Công tác chuẩn bị cho đợt điều tra biển	2		0	2	5		
2.2 Thứ tự quan trắc tại các trạm hải văn	1			1	5		
2.3 Tài liệu báo cáo tổng kết	1			1	5		
CHƯƠNG 3: NHỮNG THIẾT BỊ CỦA TÀU HẢI DƯƠNG HỌC	4	0	0	4	20	Đọc TLC 3, chương 4;	
3.1 Tời hải văn, cần dầm, dầm công và cần vọt	1			1	5		
3.2 Ròng rọc, máy đếm., dụng cụ đo góc nghiêng của dây cáp, các trọng vật	1			1	5		
3.3 Các loại dây dùm trong công tác khảo sát hải văn	1			1	5		
3.4. Hệ thống định vị vệ tinh toàn cầu	1			1	5		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	LT	BT	LT,KT	Tổng cộng		
CHƯƠNG 4: CÁC TRẠM PHAO ĐỘC LẬP	4	0	0	4	10	
4.1 Trạm phao vùng nước nông	1			1	2	
4.2 Trạm phao vùng nước trung bình và nước sâu	1			1	2	
4.3 Tính toán tải trọng thủy động lực khi thả các trạm phao	1			1	3	
4.4 Các phương pháp thả và thu hồi trạm phao	1			1	5	
CHƯƠNG 5: QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG TRÊN TÀU NGHIÊN CỨU BIỂN	3	0	1	4	15	
5.1 Tổ chức quan trắc khí tượng trên tàu	1			1	5	
5.2 Quan trắc nhiệt độ và độ ẩm không khí	1			1	5	
5.3 Quan trắc gió trên tàu	1			1	5	
CHƯƠNG 6: XÁC ĐỊNH ĐỘ MUỐI CỦA NƯỚC BIỂN	3	2	0	5	10	Đọc TLC 5, chương 6;
6.1 Phương pháp đo lường bậc để xác định độ Clo và độ muối của nước biển	2	2		4	6	
6.2 Phương pháp xác định độ muối bằng phù kê	1			1	2	
6.3 Phương pháp điện từ xác định độ muối	1			1	2	
CHƯƠNG 7: XÁC ĐỊNH NHIỆT ĐỘ CỦA NƯỚC BIỂN	4	2	1	7	15	
7.1 Đo nhiệt độ lớp nước bề mặt bằng nhiệt kế có vỏ bọc	1	1		2	5	
7.2 Quan trắc nhiệt độ bằng nhiệt kế đảo	1	1		2	5	
7.3 Kiểm định nhiệt kế đảo và nhiệt kế đo sâu	1			1	5	
Kiểm tra chương 5, 6, 7			1	1		
CHƯƠNG 8: CÔNG TÁC LẤY MẪU NƯỚC BIỂN	2	0	0	2	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tổng cộng	Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	LT	BT	LT,KT				
8.1 Đặc điểm của công tác lấy mẫu nước biển, các ống lấy mẫu nước	1				1	5	
8.2 Phương pháp tính khoảng cách giữa các ống và lấy mẫu nước	1				1	5	
CHƯƠNG 9: QUAN TRẮC DÒNG CHẢY BIỂN	2	2	0		4	15	
9.1 Quan trắc dòng chảy bằng phao	0.5	1			1.5	5	
9.2 Phương pháp đo dòng chảy bằng các chong chóng	0.5	1			1.5	5	
9.3 Máy tự ghi dòng chảy DNC-2M	1				1	5	
CHƯƠNG 10: QUAN TRẮC SÓNG BIỂN	2	2	0		4	15	
10.1. Thuật ngữ và giải thích	0.5	1			1.5	5	
10.2. Địa điểm quan trắc sóng	0.5	1			1.5	5	
10.3. Máy đo sóng phối cảnh Ivanov	1				1	5	
10.4. Máy tự ghi sóng và thủy triều DNW-5M	1				1	5	
CHƯƠNG 11: QUAN TRẮC MỰC NƯỚC BIỂN	2	0	2		4	10	
11.1 Thuật ngữ và giải thích	0.5				0.5	2	
11.2 Địa điểm quan trắc mực nước biển	0.5				0.5	2	
11.3 Các loại số “0”, mốc của trạm đo mực nước biển	0.5				0.5	2	
11.4 Nội dung và giờ quan trắc mực nước biển	0.25				0.25	2	
11.5 Hướng dẫn sử dụng và bảo quản triều ký SYM	0.25				0.25	2	
Kiểm tra chương 8, 9, 10, 11				2	2		
TỔNG	33	8	4		45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tin học ứng dụng trong Quản lý biển**
 - Tiếng Anh: **Information Technology Application in Marine Management**
- Mã học phần: **KBQB2305**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương, Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

	45	tiết
+ Nghe giảng lý thuyết:	19	tiết
+ Bài tập:	11	tiết
+ Thảo luận, kiểm tra:	13	tiết
+ Thực hành:	02	tiết
+ Thời gian tự học:	135	giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học Biển & Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Vận dụng các kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực viễn thám, hệ thống thông tin địa lý vào quản lý biển và hải đảo.
- *Về kỹ năng:* Sử dụng tốt các phần mềm chuyên dụng trong quản lý biển và hải đảo.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc, logic trong giải quyết các vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực quản lý biển, bảo vệ môi trường biển.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH			
Bài mở đầu: Giới thiệu học phần			1		1	3	
CHƯƠNG 1. Tổng quan về tin học ứng dụng trong quản lý biển	1		3		4	12	
Tổng quan về tin học ứng dụng trong quản lý biển	1		3		4	12	
CHƯƠNG 2. Ứng dụng viễn thám trong quản lý biển	8	3	3	1	15	45	
2.1. Giới thiệu về viễn thám	1				1	3	
2.2. Ứng dụng viễn thám trong quản lý biển	2		3		5	15	
2.3. Một số phần mềm sử dụng trong xử lý ảnh viễn thám	5	3		1	9	27	
CHƯƠNG 3. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý biển	8	3	3	1	15	45	
3.1. Giới thiệu về GIS	1				1	3	
3.2. Ứng dụng GIS trong quản lý biển	2		3		5	15	
3.3. Một số phần mềm GIS sử dụng	5	3		1	9	27	
CHƯƠNG 4. Một số phần mềm ứng dụng khác trong quản lý biển	2				2	6	
Giới thiệu một số phần mềm ứng dụng khác (xử lý số liệu) trong quản lý biển	2				2	6	
Bài tập ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý biển		5			5	15	
Báo cáo và trình bày bài tập			3		3	8	
Tổng	19	11	13	2	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Chủ quyền biển, đảo của Việt Nam**
 - Tiếng Anh: **Vietnam Sea Sovereignty**
- Mã học phần: **VSS204**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các môn học tiên quyết: Cơ sở TN&MT biển, Quản lý nhà nước về biển, ICM, Hải dương học,

- Các môn học kế tiếp: Theo chương trình đào tạo của ngành Quản lý biển
- Các môn học song hành: không có
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết : 23 tiết
- Làm bài tập trên lớp : 5 tiết
- Thảo luận, kiểm tra : 2 tiết
- Tự học : 90 tiết

- BM phụ trách môn học: BM Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

+ *Về kiến thức*: Sinh viên hiểu rõ bản chất và hiện trạng các tranh chấp về chủ quyền và các vùng biển chồng lấn trên Biển Đông; quan điểm, lập trường các bên tranh chấp; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về giải quyết hoà bình các tranh chấp trên Biển Đông.

+ *Về kỹ năng*: Sinh viên vận dụng kiến thức được học cho công tác quản lý biển sau này.

+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và thu thập dữ liệu về các văn bản pháp luật liên quan.

3. Tóm tắt nội dung môn học

+ Một số vấn đề chung về chủ quyền biển, đảo theo luật pháp và thực tiễn quốc tế.

+ Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông đối với các nước trong và ngoài khu vực nói chung, với Việt Nam nói riêng.

+ Hiện trạng các tranh chấp về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên Biển Đông; yêu sách và quan điểm của các bên tranh chấp.

+ Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về giải quyết hoà bình các tranh chấp trên Biển Đông.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) Đặng Đình Quý, Nguyễn Minh Ngọc (2013). *Biển đông: Quản lý tranh chấp và định hướng giải pháp*. NXB Thế giới.

(2) Ban Tuyên giáo Trung ương (2010). *Chiến lược biển Việt nam: Từ quan điểm đến thực tiễn*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

(3) Đặng Đình Quý (2011). *Biển Đông hướng tới một khu vực hoà bình, an ninh và hợp tác*. NXB Thế giới.

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

(1) Nguyễn Hồng Thao (1997). *Những điều cần biết về Luật Biển*. Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

(2) Hệ thống văn bản pháp luật liên quan:

<http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban>

(3) Ban Tuyên giáo Trung ương (2008). *Phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

(4) Nguyễn Chu Hồi (2013). *Quy hoạch không gian biển và vùng bờ biển*. NXB Nông Nghiệp.

(5) Blair T. Bower, Charles N. Ehler and Daniel J. Basta (1994). *A Framework of Integrated Coastal Management Planning*. NOAA/IUCN.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra hệ số 1 và hệ số 2. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

7. Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10. Phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ BIỂN ĐÔNG	3			3	9	
1.1. Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông đối với các nước trong và ngoài khu vực.	1					
1.2. Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam	1					
1.3. Vị trí chiến lược của Biển Đông và vấn đề chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông	1					
CHƯƠNG 2: CÁC VÙNG BIỂN CỦA VIỆT NAM THEO CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN NĂM 1982 VÀ CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ BIỂN CỦA VIỆT NAM	6			6	18	
2.1. Vùng nội thủy	1					
2.2. Lãnh hải	0.5					
2.3. Vùng tiếp giáp lãnh hải	0.5					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4. Vùng đặc quyền kinh tế	0.5					
2.5. Thềm lục địa	0.5					
2.6. Các văn bản pháp lý về biển của Việt Nam	2					
Ôn tập, làm bài tập		1				
<i>Bài tập chung (tiểu luận theo nhóm trên lớp)</i> Kiểm tra	1	1	1	3	9	
CHƯƠNG 3: TÌNH HÌNH TRANH CHẤP TRÊN BIỂN ĐÔNG	9			9	27	
3.1. Tranh chấp chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	1					
3.2. Vị trí địa lý chiến lược của hai quần đảo	1					
3.3. Lập trường của các bên tranh chấp chủ quyền đối với hai quần đảo	1					
3.4. Hiện trạng các vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và các nước trên Biển Đông	1					
3.5. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 giữa ASEAN (DOC) và Trung Quốc, triển khai xây dựng Quy tắc ứng xử (COC)	1					
3.6. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 giữa ASEAN (DOC)	1					
3.7. Quy tắc hướng dẫn triển khai DOC	1					
3.8. Quá trình triển khai xây dựng COC	1					
Bài tập thảo luận nhóm		1				
CHƯƠNG 4. THỎA	9			9	27	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
THUẬN VỀ CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TRÊN BIỂN VIỆT NAM – TRUNG QUỐC VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI BIỂN ĐÔNG						
4.1. Các nguyên tắc cơ bản giải quyết các vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc	1					
4.2. Nội dung thoả thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết các vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc	1					
Bài tập thảo luận nhóm	1					
4.3. Chủ trương của Việt Nam đối với Biển Đông	1					
4.4. Bảo vệ chủ quyền các vùng biển, đảo của Tổ quốc trong tình hình mới	2					
Bài tập thảo luận nhóm		2				
Kiểm tra chương 3, 4			1			
Tổng	23	5	2	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận và kiểm tra; TH, TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: Tự nghiên cứu.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Hợp tác trong quản lý và khai thác biển Đông**
- Tiếng Anh: **Vietnam Sea Cooperation and Management**

- Mã học phần: **VCM304**

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Luật pháp và chính sách biển

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

+ Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết

+ Bài tập: 04 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết

+ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 135 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên hiểu rõ về khái niệm cơ bản, cơ sở pháp lý và các lĩnh vực hợp tác quốc tế trên Biển Đông.

- *Về kỹ năng:* Sinh viên vận dụng kiến thức được học cho công tác quản lý biển sau này.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Rèn luyện tinh thần chủ động, tự chủ trong công việc, có trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 4 chương nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức:

- + Khái niệm cơ bản về hợp tác quốc tế về biển.
- + Luật pháp và thực tiễn quốc tế về hợp tác quốc tế về biển.
- + Hiện trạng các lĩnh vực và các biện pháp triển khai hợp tác quốc tế trên

Biển Đông.

- + Phương thức thực hiện các dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý

Biển Đông

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ BIỂN

Chương 2: VAI TRÒ CỦA BIỂN ĐÔNG VÀ MỤC TIÊU HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC BIỂN ĐÔNG

Chương 3: CÁC LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ TRÊN BIỂN ĐÔNG

Chương 4: TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ

BIỂN

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Bá Diễn (2006), *Chính sách, pháp luật biển của Việt Nam và chiến lược phát triển bền vững*, NXB Tư Pháp.
2. Đặng Đình Quý (2011), *Biển Đông hướng tới một khu vực hoà bình, an ninh và hợp tác*, NXB thế giới.
3. Đặng Đình Quý (2012), *Biển Đông: Địa chính trị, lợi ích, chính sách và hành động của các bên liên quan*, NXB Thế giới.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 13/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Hợp tác quốc tế về biển đến 2020”.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input checked="" type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input checked="" type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học
- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ BIỂN	5		1	6	18	Đọc TLC 1, phần 1 Đọc TLC 2, chương 1,2.
1.1 Khái niệm chung về hợp tác quốc tế về biển	2			2	6	
1.2 Quy định về hợp tác quốc tế về biển theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982	1			1	3	
1.3 Các tổ chức về hợp tác quốc tế trên biển	2		1	3	9	
Chương 2. VAI TRÒ CỦA BIỂN ĐÔNG VÀ MỤC TIÊU HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC BIỂN ĐÔNG	6	1	4	11	33	Đọc TLC 1 Đọc TLC 2, chương 2,3.
2.1. Vai trò của Biển Đông đối với Việt Nam	2		1	3	9	
2.2 Những thách thức trong khai thác và quản lý Biển Đông	2	1	1	4	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3 Mục tiêu hợp tác quốc tế trong quản lý và khai thác Biển Đông	2		1	3	9	
Kiểm tra chương 1 & 2			1	1	3	
Chương 3. CÁC LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ TRÊN BIỂN ĐÔNG	9	1	4	14	42	Đọc TLC 1, phần 2,3,4; Đọc TLC 2, chương 4.
3.1 Hợp tác quốc tế bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam	1		1	2	6	
3.2 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về biển	1		1	2	6	
3.3 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế và xuất nhập khẩu - Dầu khí - Thủy hải sản - Du lịch	1			1	3	
3.4 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp và khu chế xuất	1		1	2	6	
3.5 Hợp tác trong lĩnh vực hàng hải	1			1	3	
3.6 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thăm dò tài nguyên và phát triển khoa học - công nghệ biển	1			2	6	
3.7 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực	1	1	1	2	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
bảo vệ tài nguyên môi trường biển						
3.8 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo đảm an ninh, an toàn trên biển	1			1	3	
3.9 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nhân lực cho ngành biển	1			1	3	
Chương 4. TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ BIỂN	9	2	3	14	42	
4.1 Các dự án Hợp tác Quản lý Biển điềm của Việt Nam	3			3	9	
4.2 Kỹ năng viết đề xuất dự án	3	1	1	5	15	
4.3 Chu trình quản lý dự án	3	1	1	5	15	
Kiểm tra chương 3 & 4			1	1	3	
Cộng	29	04	12	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **An toàn và an ninh trên biển**
- Tiếng Anh: **Marine Safety and Security**

- Mã học phần: **VSM204**

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý nhà nước về biển

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
- Bài tập: 02 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên hiểu rõ về khái niệm cơ bản, cơ sở pháp lý và các lĩnh vực đảm bảo an ninh, an toàn trên biển.
- *Về kỹ năng:* Sinh viên vận dụng kiến thức được học cho công tác quản lý biển sau này.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Rèn luyện tinh thần chủ động, tự chủ trong công việc, có trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 3 chương nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức:

- + Khái niệm cơ bản về an ninh, an toàn trên biển.
- + Luật pháp và thực tiễn quốc tế về đảm bảo an ninh, an toàn trên biển.
- + Hiện trạng các lĩnh vực và các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trên Biển Đông.

Chương 1: tổng quan về an ninh, an toàn trên biển

Chương 2: luật pháp quốc tế và các công ước quốc tế chuyên ngành về bảo đảm an toàn an ninh trên biển

Chương 3: hợp tác quốc tế và bảo đảm an ninh, an toàn trên biển đông

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đặng Đình Quý (Chủ biên) (2013), *Biển Đông Quản lý tranh chấp và định hướng giải pháp*, Nhà xuất bản thế giới.
2. Đặng Đình Quý (Chủ biên) (2011), *Biển Đông hướng tới một khu vực hoà bình, an ninh và hợp tác*, Nhà xuất bản thế giới.
3. Nguyễn Bá Diên (2006), *Chính sách, pháp luật biển của Việt Nam và chiến lược phát triển bền vững*, NXB Tư Pháp.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Các công ước quốc tế về an ninh, an toàn trên biển.
2. *Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input checked="" type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học
- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

x **8.1. Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ AN NINH, AN TOÀN TRÊN BIỂN	5		1	6	18	Đọc TLC 1, phần 1,2; Đọc TLC 2, chương 1.
1.1 Khái niệm chung về an ninh, an toàn trên biển	2			2	6	
1.2 Tự do hàng hải theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982	1			1	3	
1.3 Tổ chức hàng hải quốc tế IMO <i>1.3.1. Cơ cấu tổ chức</i> <i>1.3.2. Nhiệm vụ và vai trò</i> <i>1.3.3. Các công ước an toàn an ninh</i>	2		1	3	9	
Chương 2. ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN BIỂN THEO LUẬT PHÁP QUỐC TẾ VÀ CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH	10	1	3	14	42	Đọc TLC 1, phần 3, 4; Đọc TLC 2, chương 2,3.
2.1 An ninh chung trên biển	1			1	3	
2.2 An ninh, an toàn các tuyến đường biển	1			1	3	
2.3 Cướp biển và trộm cắp có vũ trang trên biển	1		1	2	6	
2.4 Buôn lậu, buôn người có vũ trang và khủng bố trên biển	1			1	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5 An ninh cảng biển	2		1	3	9	
2.6 An ninh và an toàn tính mạng con người và tàu thuyền trên biển	1		1	2	6	
2.7 Tìm kiếm - cứu nạn trên biển	1			1	3	
2.8 Bảo vệ môi trường biển	2	1		3	9	
Chương 3. HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ BẢO ĐẢM AN NINH, AN TOÀN TRÊN BIỂN ĐÔNG	6	1	3	10	30	Đọc TLC 1, phần 5; Đọc TLC 2, chương 4.
3.1 Hợp tác chống cướp biển và tội phạm vũ trang trên biển	1			1	3	
3.2 Hợp tác bảo đảm an ninh, an toàn các tuyến hàng hải trên Biển Đông	1		1	2	6	
3.3 Hợp tác chống buôn lậu, buôn người có vũ trang và khủng bố trên biển	1			1	3	
3.4 Hợp tác an ninh cảng biển	1		1	2	6	
3.5 Hợp tác tìm kiếm - cứu nạn trên Biển Đông	1	1		2	6	
3.6 Hợp tác bảo vệ môi trường trên biển Đông	1			1	3	
Kiểm tra chương 1, 2 & 3			1	1	3	
Cộng	21	02	07	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển**
 - Tiếng Anh: **Prediction of Atmospheric and Oceanic pollution**
- Mã học phần: **ASP204**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Khí tượng đại cương, Hải dương học đại cương, Các phương pháp thống kê trong KTTVB.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
- Bài tập: 04 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 75 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn quản lý Biển, Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên hiểu, vận dụng được các quy luật phân bố, truyền tải vật chất ô nhiễm trong các điều kiện khí quyển và môi trường nước biển khác nhau để vận hành các mô hình dự báo ô nhiễm. Môn học trình bày những kiến thức về mô hình hoá toán, vật lý được ứng dụng để mô hình hoá lớp biên khí quyển và lớp nước tầng nông ở biển nhằm đánh giá sự lan truyền và dự báo chất ô nhiễm phát thải từ các nguồn điểm.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng các kiến thức cơ bản về mô hình toán để tìm hiểu các mô hình mô phỏng quá trình lan truyền ô nhiễm trong khí quyển và mô hình lan truyền ô nhiễm dầu trong các vùng nước biển. Sinh viên hướng tới các kỹ năng khai thác các mô

hình dự báo ô nhiễm điểm và ô nhiễm trường khi phải tiếp cận các bài toán đánh giá ô nhiễm từ một điểm và ô nhiễm từ nhiều điểm khác tới khu vực nghiên cứu.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nghe giảng, làm bài tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1. Phương pháp mô hình hóa

Chương 2. Mô hình lan truyền ô nhiễm trong khí quyển

Chương 3. Mô hình lan truyền ô nhiễm dầu trong môi trường nước biển

Chương 4. Khai thác các mô hình dự báo lan truyền ô nhiễm dầu sự cố tràn dầu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Ngọc Hồ (2009), *Giáo trình Động lực học lớp biên khí quyển*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Dương Ngọc Hải (2003), *Một số vấn đề cơ sở Tính toán ô nhiễm môi trường không khí và nước*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

3. Phạm Ngọc Hồ, Hoàng Xuân Cơ (1991), *Cơ sở khí tượng học*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, tập II

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Jetske H., Hans J. A., Frank A. A (1989), *Air pollution modeling and its application*, Plenum Press, phương pháp

2. Jerald L. Schnoor (1990), *Environment modeling, fate and transport of pollutants in water, air and soil*. New York

3. Marpolser, (1999), *The Chemistry and Physics of Oil Behaviour at Sea: Weathering and Incorporation into Spill Models*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận.

- Chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần**8.1. Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. PHƯƠNG PHÁP MÔ HÌNH HÓA	3			3	9	Đọc TL (2) trang 19-44; Đọc TL (6) trang 11-20; Đọc TL (2) trang 48-69; Đọc TL (1) trang 4-6
1.1. Các khái niệm và định nghĩa về mô hình hoá. tầm quan trọng và ý nghĩa của mô hình hoá, lịch sử và hướng phát triển của mô hình hoá	2			2	6	
1.2. Phân loại mô hình hoá	0.5			0.5	1.5	
1.3. Tiến trình chạy mô hình	0.5			0.5	1.5	
Chương 2. DỰ BÁO Ô NHIỄM TRONG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ	12	3	4	19	48	Đọc TL (1) trang 10-12; Đọc TL (2) trang 80-85
2.1 Vai trò của không khí và khái niệm về ô nhiễm môi trường không khí	2			2	6	
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình lan truyền chất ô nhiễm	1			1	3	
2.3 Các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí	3			3	9	
2.4 Các mô hình tính toán sự ô nhiễm môi trường không khí	6			6	18	
2.2.1. Mô hình cơ bản						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.2 Mô hình Gauss						
2.2.3 Chiều cao hiệu quả của ống khói						
2.2.4 Sự lắng đọng bụi trong quá trình khuếch tán khí thải từ các nguồn điểm cao						
2.4.5 Mô hình Berliand						
2.4.6 Tính toán nồng độ trung bình của chất ô nhiễm trên mặt đất do các nguồn thải gây ra						
2.4.7 Xác định nồng độ tương đối tổng cộng trên mặt đất do nhiều nguồn điểm cao gây ra						
Bài tập Chương 2		3		3	9	
Thảo luận			4	4	12	Ôn tập chương 2
Chương 3. MÔ HÌNH DỰ BÁO LAN TRUYỀN DẦU SỰ CỐ TRONG MÔI TRƯỜNG NƯỚC BIỂN	6	4	1	11	33	
3.1 Các khái niệm về mô hình	2			2	6	
3.2 Cơ sở vật lý toán của mô hình	2.5			2.5	7.5	
3.2.1. Các phương trình bình lưu và khuếch tán dầu						Đọc TL (3) trang 9-13
3.2.2. Các quá trình vận chuyển dầu, vết dầu loang và phân hủy dầu						Đọc TL (1) trang 78-86;
3.2.3. Mô hình dòng chảy hai chiều						Đọc TL (3) trang 13-20
3.2.4. Mô hình khí tượng						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3. Điều kiện biên và điều kiện ban đầu	0.5			0.5	1.5	
3.4. Sơ đồ sai phân và lời giải số trị	0.5			0.5	1.5	
3.5. Một số thông tin về đầu vào và kết quả mô phỏng	0.5			0.5	1.5	
Bài tập Chương 3		1		1	3	
Kiểm tra			1	3	9	Ôn tập chương 2, 3
Cộng	21	4	5	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Công nghệ điều tra, kiểm soát biển và đại dương**
 - Tiếng Anh: **Marine surveying and control technology**
- Mã học phần: **OTG204**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hải dương học đại cương, Cơ sở kỹ thuật bờ biển
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
- Bài tập: 0 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý biển

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

Vai trò, vị trí và định hướng nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ biển và đại dương. Giúp sinh viên hiểu biết các khái niệm về nghiên cứu khoa học – công nghệ biển; khái niệm về kỹ thuật, công nghệ và phân loại công nghệ biển và đại dương; nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ biển và đại dương. Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương trên thế giới và ở Việt Nam. Giới thiệu các loại công nghệ trong các lĩnh vực chủ yếu, như: công nghệ áp dụng trong nghiên cứu khoa học biển; trong điều tra cơ bản và tổng hợp biển; trong thám hiểm đại dương, trong khai thác các

mỏ biển, trong phát triển năng lượng biển.

- *Về kỹ năng:*

Cung cấp cho sinh viên các nguyên lý, nguyên tắc vận hành của một số công nghệ biển và đại dương chủ yếu; phạm vi ứng dụng của từng nhóm công nghệ; biết phân tích và vận dụng các kiến thức đã học vào trong thực tiễn nghiên cứu và quản lý sau này.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học. Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet. Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử. Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà. Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp. Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên. Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần này bao gồm các nội dung cơ bản sau (ngoài mở đầu và phụ lục):

- + Khái niệm về: nghiên cứu khoa học biển, kỹ thuật biển, công nghệ biển và đại dương; phân loại công nghệ biển và đại dương.
- + Nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ biển và đại dương
- + Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương trên thế giới và ở Việt Nam
- + Công nghệ áp dụng trong nghiên cứu khoa học biển
- + Công nghệ áp dụng trong điều tra cơ bản và tổng hợp biển và thám hiểm đại dương
- + Công nghệ áp dụng trong khai thác các mỏ biển
- + Công nghệ áp dụng trong phát triển năng lượng biển
- + Công nghệ áp dụng trong bảo vệ
- + Công nghệ áp dụng trong bảo vệ bờ biển và môi trường biển
- + Công nghệ áp dụng trong vận tải biển
- + Công nghệ áp dụng trong khai thác hải sản

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

- (1) Đinh Văn Ưu, 2006. *Kỹ thuật biển* – quyển 1, 2, Nxb ĐH QGHN.
- (2) Đinh Văn Ưu, 2006. *Thủy lực biển*, Nxb ĐH QGHN.
- (3) Nguyễn Minh Huân, 2001. *Hải dương học thực hành*. Đại học Khoa học Tự nhiên.

4.2 Tài liệu tham khảo (TLTK)

- (1) P. G. Bunhit, 1977. *Kinh tế của Đại dương thế giới*. Nxb. Khoa học Maxcova (bản tiếng Nga)
- (2) Seibold E. and Berger W.H., 1982. *The Sea Floor: An Introduction to Marine Geology*. Springer-Verlag, Berlin-Heidelberg-New York
- (3) Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình Phát vấn Đàm thoại

Bản đồ tư duy <input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm <input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống <input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án <input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành <input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu <input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu <input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học <input type="checkbox"/>	Tự học <input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên. Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà. Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận <input checked="" type="checkbox"/>	Trắc nghiệm <input type="checkbox"/>	Thảo luận nhóm <input checked="" type="checkbox"/>	Bài tập lớn <input type="checkbox"/>	Thực hành <input type="checkbox"/>	Khác <input type="checkbox"/>
---	--------------------------------------	--	--------------------------------------	------------------------------------	-------------------------------

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL/ KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: CÁC VẤN ĐỀ CHUNG	19			19	57	
1.1. Khái niệm cơ bản	4			4	12	
1.1.1. Nghiên cứu khoa học biển,	1			1	3	
1.1.2. Kỹ thuật biển,	1			1	3	
1.1.3. Công nghệ biển và đại dương,	1			1	3	

1.1.4. Phân loại công nghệ biển và đại dương	1			1	3	
1.2. Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương	2			2	6	
1.3. Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương trên thế giới	2			2	6	
1.4. Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương tại khu vực biển Đông	2			2	6	
1.5. Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương ở Việt Nam	1			1	3	
1.6. Nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ biển và đại dương	2			2	6	
1.7. Nhu cầu nghiên cứu công nghệ biển và đại dương	2			2	6	
1.8. Tình hình ứng dụng công nghệ biển và đại dương	2			2	6	
1.9. Các hướng phát triển công nghệ biển và đại dương	2			2	6	
CHƯƠNG 2: CÔNG NGHỆ ÁP DỤNG TRONG ĐIỀU TRA – NGHIÊN CỨU BIỂN VÀ THÁM HIỂM ĐẠI DƯƠNG	10			10	30	
2.1. Trong nghiên cứu khoa học biển, đại dương	5			5	15	
2.1.1. Mục đích và nội dung của nghiên cứu khoa học biển	1			1	3	
2.1.2. Phương tiện, thiết bị lấy mẫu và phân tích tại hiện trường	2			2	6	

2.1.3. Quy trình công nghệ nghiên cứu biển	2			2	6	
2.2. Trong điều tra cơ bản biển và đại dương	5			5	15	
2.2.1. Mục đích và nội dung công tác điều tra cơ bản và tổng hợp	1			1	3	
2.2.2. Quy trình công nghệ điều tra cơ bản biển và đại dương	2			2	6	
2.2.3. Phương pháp mặt cắt chuẩn	2			2	6	
Kiểm tra			1			
Tổng	29		1	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Thực tập tốt nghiệp**

Tiếng Anh: **Practices of graduation**

- Mã học phần: **POG209**

- Số tín chỉ: 6

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
Giáo dục đại cương		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>			
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tất cả các môn học

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 8 tuần (40 ngày)

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Hội đồng tốt nghiệp, Khoa Khoa học biển và Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi thực tập xong học phần này sinh viên sẽ đạt được một hoặc một số trong những kiến thức sau:

- Hiểu thực tiễn về hoạt động Quy hoạch, Quản lý Tài nguyên môi trường biển thuộc chuyên ngành đã được đào tạo.
- Hiểu rõ kiến thức về Quy hoạch không gian biển; Quản lý tổng hợp vùng bờ; Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển; An toàn an ninh trên biển
- Biết được nguyên lý phân bố Tài nguyên môi trường biển.

- *Về kỹ năng:*

Biết được quy trình xây dựng một báo cáo nghiên cứu khoa học, viết chuyên đề để làm khóa luận tốt nghiệp.

- Biết cách xây dựng 1 đề cương thực hiện đề án, đề tài nghiên cứu khoa học.
- Biết cách lựa chọn một vị trí xây dựng trạm quan trắc, giám sát Tài nguyên môi trường biển.
- Biết được các phương pháp chỉnh lý các yếu tố thủy văn

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: hoàn thiện năng lực và phẩm chất đạo đức của một người cán bộ khi ra trường

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên sẽ đi thực tập tại các Cơ quan, ban ngành liên quan đến lĩnh vực Tài nguyên môi trường biển, Viện nghiên cứu Biển và Hải đảo.

4. Tài liệu tham khảo

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input checked="" type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực tập tại các Cơ quan, Viện nghiên cứu ... liên quan đến Tài nguyên môi trường biển.

- Kiểm tra và bảo vệ thực tập tốt nghiệp.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá: Báo cáo thực tập tốt nghiệp được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau

- Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài
- Phương pháp, kỹ năng, tài liệu
- Kết quả nghiên cứu, khả năng ứng dụng
- Bố cục và hình thức trình bày

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 40%

8.2. Điểm đánh giá của Khoa: Trọng số 60%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Phần 1/Tìm hiểu cơ quan đến thực tập			
Bài 1.Nghe các chuyên gia hướng dẫn, định hướng nghề nghiệp và các vấn đề thực tiễn ngành nghề và thời gian sinh	2	4	

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
viên đi thực tập tại cơ sở			
Bài 2. Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của cơ sở nơi thực tập	2	4	
Bài 3. Tìm hiểu về các hoạt động nghiệp vụ và hoạt động quản lý, khoa học công nghệ liên quan đến lĩnh vực Tài nguyên môi trường biển	2	4	
Bài 4. Xây dựng đề cương thực tập và định hướng nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp	3	6	
Bài 5. Xây dựng đề xuất kết hoạch nghiên cứu tại cơ quan thực tập	3	6	
Phần 2/Viết chuyên đề báo cáo			
Bài 6. Tìm hiểu các nội dung: Nghị định, thông tư đang được áp dụng liên quan đến Tài nguyên môi trường biển. Đọc và thu thập tài liệu, số liệu phục vụ làm khóa luận tốt nghiệp Mục đích và nội dung các bước thực hiện quy hoạch không gian biển, Quản lý tổng hợp vùng bờ (bước lập đề cương dự án và tổ chức triển khai thực hiện) Tham gia công tác nghiên cứu, tư vấn các đề án, đề tài liên quan đến lĩnh vực Tài	18	36	

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
nguyên nước Tìm hiểu các mô hình Quản lý tổng hợp Tài nguyên môi trường biển Bài 7. Viết chuyên đề báo cáo niên luận.			
Phần 3/Bảo vệ thực tập tốt nghiệp			
Bài 8. Hoàn thiện báo cáo, in và nộp cho người hướng dẫn tại Cơ quan/ giáo viên hướng dẫn	8	16	
Bài 9. Bảo vệ thực tập tốt nghiệp.	2	4	
Cộng	40	80	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Khóa luận tốt nghiệp**

Tiếng Anh: **Graduation thesis**

- Mã học phần: **GRH209**

- Số tín chỉ: 06

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 8 tuần (40 ngày)

- Thời gian tự học: 160 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển; Khoa Khoa học biển và Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

-Về kiến thức:

+Tiếp cận được với thực tế, bước đầu làm quen với các công tác quản lý biển tại địa phương

+ Nắm bắt được một phần tình hình quản lý biển tại địa phương, tình hình thực hiện QLNN về biển tại địa phương và việc thực hiện các nội dung khác về quản lý nhà nước về biển.

+ Vận dụng các kiến thức đã học và thu thập tại địa phương để giải quyết các công tác nghiệp vụ trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về biển

-Về kỹ năng:

+ Bám sát đề cương chi tiết để điều tra, thu thập các tài liệu, số liệu, quy hoạch không gian biển tại địa phương một cách trung thực, khách quan;

+ Biết xử lý các nguồn tài liệu, số liệu thu thập được. Tổng hợp được số liệu một cách đầy đủ, chính xác vào hệ thống biểu mẫu theo quy định và viết báo cáo tổng hợp.

+ Thu thập số liệu tại địa phương và thực tập các nội dung theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

+ Tham gia cùng địa phương thực hiện các nhiệm vụ, các công việc có liên quan đến các nội dung quản lý nhà nước về biển.

-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao.

+ Góp phần nâng cao ý thức cho sinh viên sử dụng, bảo vệ đất đai một cách hợp lý, hiệu quả.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Đây là học phần thực hành cuối khoá, mang tính chất tổng hợp. Giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học vào rèn luyện tay nghề chuyên môn về Quy hoạch không gian biển, Quản lý tổng hợp vùng bờ, Quản lý thiên tai và tai biến môi trường biển, Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển, Cơ sở Tài nguyên và Môi trường biển. Sinh viên nghiên cứu lựa chọn chuyên đề theo hướng dẫn của khoa

4. Tài liệu tham khảo

Danh mục các chuyên đề lựa chọn Khoa Khoa học biển và Hải đảo.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input checked="" type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghe hướng dẫn
- Thực tập tại địa phương
- Thu thập tài liệu, số liệu
- Viết báo cáo và bảo vệ trước hội đồng

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá:

- + Ý thức của sinh viên;
- + Tài liệu, số liệu thu thập;
- + Chất lượng báo cáo
- + Trình bày của sinh viên

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành quy định bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hệ vừa làm vừa học.

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1. Công tác chuẩn bị	3	12	
1. Phổ biến mục đích, yêu cầu	1	4	Nghe và ghi chép
2. Hướng dẫn kiến thức chuyên môn			
3. Hướng dẫn sinh viên làm đề cương chi tiết	2	8	- Sinh viên viết đề cương theo hướng dẫn của giảng viên theo chuyên đề mình lựa chọn và gửi lại cho giảng viên. - Giảng viên sửa chữa và giải đáp thắc mắc về đề cương chi tiết.
Nội dung 2. Điều tra, khảo sát thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	27	108	
1. Khảo sát địa bàn nghiên cứu	2	8	Sinh viên đi thực tế tại địa phương
2. Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến chuyên đề nghiên cứu	6	24	Thu thập tài liệu, số liệu
3. Khảo sát và chỉnh lý biến động	3	6	Sinh viên chỉnh lý biến động
4. Phân tích và xử lý số liệu thu thập	10	40	Sinh viên xử lý số liệu thu thập được
5. Viết bản thảo báo cáo thuyết minh	6	24	Sinh viên viết báo cáo thuyết minh
Nội dung 3. Chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo TTTN	7	28	
1. Viết và gửi bản thảo báo cáo thuyết minh cho GVHD	4	16	Viết báo cáo và gửi cho GVHD
2. Thu thập, xử lý số liệu bổ sung	1	4	Thu thập tài liệu, số liệu

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
hoàn thiện báo cáo			bổ sung
3.Hoàn thiện báo cáo theo theo đề cương đã được phê duyệt	2	8	Chỉnh sửa báo cáo
Nội dung 4. Nộp và báo cáo kết quả thực tập	3	12	Báo cáo kết quả thực tập
Tổng	40	160	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Kỹ thuật công trình bờ biển**
- Tiếng Anh: **Coastal Engineering**
- Mã học phần: **CEN203**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biên trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hải dương học đại cương, Cơ sở kỹ thuật bờ biển
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 38 tiết
 - Bài tập: 03 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
 - Thời gian tự học: 129 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý biển

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nhận biết được các nguyên nhân gây sự biến hình bờ biển qua đó đánh giá và đề xuất được các giải pháp công trình bảo vệ bờ biển. Nắm rõ được quy trình tính toán thiết kế đê và kè biển.

- *Về kỹ năng:* Sinh viên biết cách phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về công trình bảo vệ bờ được học áp dụng cho đưa ra những nhận xét đánh giá chung về công tác xây dựng và giải pháp bảo vệ bờ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ, chuyên cần: rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề

3. Tóm tắt nội dung môn học

- Một vài nét về bờ biển Việt Nam. Sự cần thiết bảo vệ bờ biển. Các yêu cầu chung đối với công trình bảo vệ bờ. Giải pháp bảo vệ bờ biển và công trình bảo vệ bờ.

Chương 1: Giới thiệu chung

Chương 2: Giới thiệu tác động của tải trọng sóng đến công trình biển

Chương 3: Sự biến đổi đường bờ và Giải pháp bảo vệ bờ biển

Chương 4: Thiết kế đê biển và kè mái.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

(1) Trần Thanh Tùng (2014) *Hình thái bờ biển*. Khoa học tự nhiên và công nghệ.

(2) Vũ Minh Cát (2013), *Cơ sở kỹ thuật bờ biển*, Trường Đại học Thủy Lợi.

(3) Phạm Văn Huân (2010) *Phương pháp thống kê trong hải dương học*, Đại học quốc gia Hà Nội

4.2 Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Lương Phương Hậu, Hoàng Xuân Lượng, Nguyễn Sỹ Nuôi và Lương Gia Vũ: (2001), *Công trình bảo vệ bờ biển và hải đảo*, NXB Xây dựng, Hà Nội, Việt Nam.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên. Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà. Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành **9. Nội dung chi tiết học phần**

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU	6	0	1	7	18	
1.1 Một vài nét về bờ biển Việt Nam	1			1	3	
1.2 Các tác động phá hoại bờ biển	1			1	3	
1.3 Sự cần thiết bảo vệ bờ biển	1			1	3	
1.4 Một số giải pháp bảo vệ bờ biển	1	0	0	1	3	
1.5 Điều kiện làm việc và yêu cầu đối với công trình bảo vệ bờ	1		1	2	3	
1.6 Nhìn nhận như thế nào về dải bờ biển	0.5			0.5	1.5	
1.7 Giải quyết như thế nào để bảo vệ bờ biển	0.5			0.5	1.5	
CHƯƠNG 2. GIỚI THIỆU TÁC ĐỘNG CỦA TẢI TRỌNG SÓNG TRONG KỸ THUẬT BIỂN	6	0	0	6	18	
2.1 Phân loại sóng và ý nghĩa	1			1	3	
2.2 Các tham số sóng và phổ sóng	1			1	3	
2.3 Lý thuyết sóng tuyến tính	1			1	3	
2.4 Quá trình sóng biến hình ở nước nông	3			3	9	
CHƯƠNG 3. SỰ BIẾN ĐỔI ĐƯỜNG BỜ VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ BỜ	6	0	1	7	27	
3.1 Các vấn đề giải quyết	1			1	3	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy môn học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
của kỹ thuật bờ biển						
3.2 Bảo vệ bờ biển ở Việt Nam	1			1	3	
3.3 Các nguyên nhân gây biến hình đường bờ biển	1			1	3	
3.4 Các giải pháp bảo vệ bờ biển	3			3	9	
Kiểm tra chương 3			1	1	0	
CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ ĐÊ BIỂN VÀ KÈ MÁI	20	3	2	25	57	
4.1. Chức năng nhiệm vụ và phân loại đê kè biển	2			2	6	
4.2. Cơ chế hư hỏng	6	1	0	5	18	
4.3. Tính toán thiết kế đê kè biển	6	2		8	18	
4.4. Đê chắn sóng	6			4	18	
Kiểm tra chương 4			2	1	0	
TỔNG	38	3	4	45	129	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Hình thái bờ biển**
- Tiếng Anh: **Coastal Morphology**
- Mã học phần: **CMO203**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Quản lý biển trình độ đại học hệ Vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức chung		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hải dương học đại cương, Cơ sở kỹ thuật bờ biển
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
- Bài tập: 08 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý biển, Khoa Khoa học Biển và Hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất về hình thái bờ biển; Sóng và mực nước dòng chảy; Quá trình động lực học bờ biển;
- *Về kỹ năng:* Sinh viên biết cách phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về hình thái bờ biển được học áp dụng cho đưa ra những nhận xét đánh giá chung về công tác xây dựng và giải pháp bảo vệ bờ.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học. Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet. Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử. Phát huy

tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà. Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp. Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên. Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung môn học

- Chương 1: Giới thiệu về môn học
- Chương 2: Động lực học bờ biển
- Chương 3: Vận chuyển bùn cát bờ biển
- Chương 4: Diễn biến bờ biển
- Chương 5: Sự biến đổi đường bờ và các giải pháp ổn định đường bờ.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC):

1. Trần Thanh Tùng (2010) *Hình Thái bờ biển*, Dự án nâng cao năng lực đào tạo ngành kỹ thuật bờ biển, Trường đại Thủy Lợi.
2. Trần Nghi (2003). *Địa chất biển*, NXB ĐHQG Hà Nội.
3. Đặng Văn Bào và NNK (1998). *Địa mạo bờ biển*, NXB ĐHQG Hà Nội,.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Lương Phương Hậu, Hoàng Xuân Lượng, Nguyễn Sỹ Nuôi và Lương Gia Vũ: (2001), *Công trình bảo vệ bờ biển và hải đảo*, NXB Xây dựng, Hà Nội, Việt Nam.
2. Trịnh Minh Thụ, Phạm Văn Quốc biên dịch (2006). *Công trình bảo vệ bờ*. Dự án nâng cao năng lực đào tạo ngành kỹ thuật bờ biển tại trường đại học Thủy lợi Hà Nội. Trường đại học Thủy lợi.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên. Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà. Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	LT	BT	LT, KT	Tổng		
CHƯƠNG 1: Giới thiệu về môn học	6	0	0	6	18	
1.1 Mục tiêu, đối tượng, nội dung của môn học	2			2	6	
1.2 Các thuật ngữ về hình thái bờ biển và khái niệm ở vùng ven biển	2			2	6	
1.3 Khái niệm về diễn biến bờ biển, hình thái bờ biển và kỹ thuật bờ biển	2			2	6	
CHƯƠNG 2: Động lực học bờ biển	9	1	1	4	27	
2.1 Sóng vỡ và các đặc trưng sóng vỡ	1		0	2	3	
2.2 Dòng chảy hình thành do sóng ở vùng gần bờ.	2			1	6	
2.3 Dòng chảy dọc bờ	2			1	6	
2.4 Dòng chảy do sóng kết hợp với dao động mực nước dọc bờ	1	0	0	4	3	
2.5 Các ảnh hưởng của gió và thủy triều đến dòng chảy ven bờ.	1			1	3	
Bài tập		1				
Kiểm tra hệ số 1			1			
CHƯƠNG 3. Vận chuyển bùn cát bờ biển	9	1		1	30	
3.1 Một số khái niệm cơ bản về vận chuyển bùn cát	1			1	3	
3.2 Các hình thức vận chuyển bùn cát	1			1	3	
3.3 Các đặc trưng của bùn cát bờ biển	1			1	3	
3.4 Tốc độ khởi động hay ứng suất cắt tới hạn	1			1	3	
1.5 Tổng quan về vận chuyển bùn cát ven bờ	1			1	3	
3.6 Vận chuyển bùn cát dọc bờ	2			6	6	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	LT	BT	LT, KT	Tổng		
3.7 Vận chuyển bùn cát theo phương ngang	2			6	6	
Bài tập		1		1	5	
Chương 4: Diễn biến bờ biển	4			1	5	
4.1. Hình dạng mặt cắt ngang bờ và vận chuyển bùn cát theo phương ngang.	1	2	0	5	10	
4.2. Mặt cắt ngang bãi biển ở trạng thái cân bằng	1	2		4	6	
4.3 Sự tương tác giữa bãi biển với sóng và mực nước.	1			1	2	
Chương 5: Sự biến đổi đường bờ và các giải pháp ổn định đường bờ.	4	2	1	7	15	
5.1. Các nguyên nhân gây xói lở đường bờ	1	1		2	5	
5.2. Các giải pháp bảo vệ đường bờ	1	1		2	5	
Kiểm tra chương 3,4,5		2	0	2		
TỔNG	33	8	4	45	135	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra